

Số 151

# VĂN HÓA

## PHẬT GIÁO

*Về*  
lòng tự trọng?

Tr. 3

*Tháng Ba*  
trẩy hội chùa Thầy

Tr. 56

*Sự*  
tin tưởng

Tr. 10



Trần  
năm  
sau  
hoa  
Sen  
vẫn  
nở

Và  
bây  
giờ  
Sen  
đã  
nở  
khắp  
nơi





# Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập  
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
*kiêm* Thư ký Tòa soạn  
TRẦN TUẤN MẢN

Phó Tổng Biên tập  
THÍCH TRUNG HẬU  
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự  
NGUYỄN BÔNG

Trình bày  
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành  
Trụ sở Tòa soạn VHPG  
ĐT: (84-8) 3 8484 335  
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo  
Cô Thu Hương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576  
Fax: (84-8) 35265 569  
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn  
Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa  
Số tài khoản: 1487000000B  
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú  
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

|  |    |
|--|----|
| <b>Về</b> lòng tự trọng? (Nguyễn Cần)  | 3  |
| <b>Sương mai</b>   | 6  |
| <b>Chuẩn bị</b> buổi thuyết giảng (Thích Giác Toàn)  | 7  |
| <b>Sự tin tưởng</b> (Nguyễn Thế Đăng)  | 10 |
| <b>Tiến tới sự</b> hợp nhất Phật giáo (Ananda W.P. Guruge, Thiện Tri dịch)                                 | 12 |
| <b>Chùa Thầy và</b> Thiền sư Từ Đạo Hạnh (Phan Huy Dục)  | 14 |
| <b>Thủ thuật</b> thơ thiền (Vũ Thế Ngọc)   | 16 |
| <b>Tâm</b> buông xả là tâm an lạc (Vân Ngọc)   | 22 |
| <b>Đánh, đánh,</b> chớ đánh quá (Tấn Nghĩa)  | 23 |
| <b>Đâu là</b> cửa Phật? (Hàng Tá Thích)  | 25 |
| <b>Thiền có</b> thể giúp bạn làm cha làm mẹ tốt hơn không?<br>(Melissa McClements, Thích Thiện Chánh dịch) | 27 |
| <b>Bác Bửu</b> (Trần Phú An)   | 29 |
| <b>Nhìn lại</b> (Chơn Hiền)  | 31 |
| <b>Về</b> Phù Dung cổ tự ở Hà Tiên (Chân An Hoa)   | 34 |
| <b>Một</b> cuộc sống mới (Cao Huy Hóa)   | 36 |
| <b>Những</b> cánh hoa sao (Mai Xuân Hiệp)  | 39 |
| <b>Xem hát</b> lúc xả giàn (Hà Thị Hạnh)   | 40 |
| <b>Đứa con</b> bất hiếu của Mẹ Trái Đất (Thiện Thông Hiếu)   | 42 |
| <b>Vườn cũ</b> (Huỳnh Kim Bửu)   | 44 |
| <b>Nỗi</b> lòng rau muống biển (Lê Hứa Huyền Trân)   | 46 |
| <b>Ngã tư</b> (Nguyễn Thanh Vũ)  | 47 |
| <b>Cô giáo</b> về làng (Phan Minh Đức)   | 48 |
| <b>Sau</b> lưng ba... (Phong Lan)  | 50 |
| <b>Thơ</b>   | 51 |
| <b>Buông</b> (truyện ngắn của Vô Văn Lâm)  | 53 |
| <b>Tháng</b> Ba trẩy hội chùa Thầy (Anh Nhy)   | 56 |
| <b>Cảm</b> xúc sông Bồ (Ngàn Thương)   | 58 |
| <b>Thương</b> quá chùa quê (Tô Phục Hưng)  | 59 |
| <b>Lời</b> cảm ơn cuộc sống  | 60 |

**Bìa 1: Chùa Thầy, Hà Nội. Ảnh: Quảng Tâm.**

# Thư tòa soạn

**Kính thưa quý độc giả,**

Trong thời gian qua, nhiều Tăng Ni Phật tử xôn xao trước những vụ bôi bác Phật giáo có vẻ mang tính hệ thống. Rộ lên trước là vụ video clip “Đường Tông thịnh... bao cao su,” có liên quan đến hình ảnh Đức Phật và ngài Huyền Trang. Nối tiếp sau đó là hiện tượng Duy Tuệ, một sự kiện đã kéo dài cả hai chục năm qua, không hiểu vì sao vẫn tiếp tục xuất hiện những quyển sách trình bày những luận điểm phê bác Đức Phật và Phật pháp, điển hình như quyển “Ta là ai” của Duy Tuệ. Tất nhiên những điều đó làm cho nhiều người con Phật bực bội, phiền hà.

Tuy nhiên, chúng ta đang bước vào mùa Phật đản Phật lịch 2556. Giữa niềm hân hoan của người con Phật trong dịp kỷ niệm sự kiện hy hữu diễn ra cách nay 2.636 năm ở thành Ca-tỳ-la-vệ xứ Ấn Độ cổ, sự kiện Thái tử Tất-đạt-đa đản sinh để từ đó tu tập, thành Phật và mang lại con đường giải thoát cho mọi chúng sanh, người Phật tử chúng ta không cần bận tâm về những điều buồn phiền nhỏ nhặt không đáng có mà hãy dành tất cả tâm trí hướng về ngày Phật đản.

Văn Hóa Phật Giáo đang tập trung cho việc thực hiện số báo đặc biệt kỷ niệm ngày Phật đản sẽ được phát hành vào ngày 1-5-2012. Hưởng ứng lời kêu gọi của VHPG được đưa ra trong Thư tòa soạn số 150, Ban Biên tập đã tiếp nhận một số bài vở khả quan có nội dung mừng Khánh đản và sẽ nhận bài viết cho số đặc biệt mừng Phật đản đến hết ngày 20-4-2012, xin quý vị cộng tác viên tiếp tục gửi bài về tòa soạn đến thời điểm đó. Như thông lệ, VHPG mừng Phật đản là số đặc biệt, được in màu toàn bộ, với số lượng phát hành có tăng lên nhiều hơn. Chúng tôi mong mỗi được sự ủng hộ của quý độc giả.

VHPG nghĩ rằng lễ vật xứng đáng nhất của người con Phật dâng lên Đức Thế Tôn nhân dịp mừng Khánh đản của Ngài là hãy chánh kiến, chánh tín, thực hành lời Phật dạy.

Xin thành tâm nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho tất cả chúng sinh được nhuần thấm ánh đạo vàng trong niềm vui mừng ngày Khánh đản.

**Văn Hóa Phật Giáo**



# Vết lòng tự trọng?

NGUYỄN CÂN

## *Bà cụ bán rau và lão Hạc*

Các diễn đàn và mạng xã hội tại Việt Nam có lần lan truyền mạnh mẽ câu chuyện đáng suy ngẫm về một bà cụ bán rau khiến không ít bạn đọc phải ngậm ngùi trước kết cục đáng thương về bà lão.

Câu chuyện kể về một chàng thanh niên, vì lòng trắc ẩn đối với một cụ già bán rau muống khi bị một cô gái quất nạt, đã quyết định mua hết số rau nhưng chỉ đưa tiền trước cùng lời nhắn "Bà cho con gửi đến chiều con lấy".

Nhưng công việc bận bịu đã khiến chàng trai quên luôn sự việc trên và vài tuần sau đó khi trở lại, anh cay đắng biết được thông tin chỉ vì đợi anh trong cơn mưa suốt buổi chiều hôm đó, bà cụ đã bị cảm và vĩnh viễn ra đi...

Có hư cấu hay không, câu chuyện ngắn khoảng 600 chữ với giọng kể đầy ân hận của chính chàng thanh niên kia đã tạo nên những tiếng thở dài đầy suy tư khắc khoải khi hình dung một bà cụ vì lời hứa ngồi chờ trong mưa gió đến nỗi làm bệnh nặng...



Chúng ta chợt nhớ đến câu chuyện lão Hạc của Nam Cao khi lão ăn bả chó để tự vẫn vì không muốn bán đi mảnh vườn dành cho con trai, và điều đáng quý hơn nữa là lão thu xếp bán con chó để lo hậu sự, không làm phiền người thân hay chòm xóm. Câu chuyện ấy thoạt nghe thì cũng bình thường như khi ta nói về những người Việt sống có trách nhiệm với bản thân và đồng bào đồng loại vì chúng ta vẫn được học rằng hãy làm người thì trách nhiệm và lòng tự trọng là những điều không thể thiếu dù ở địa vị nào trong xã hội.

#### *Lòng tự trọng đang ở đâu hôm nay?*

Nhưng thật ra thì những câu chuyện ấy đang dần trở thành chuyện lạ... bốn phương khi chúng ta bắt gặp không ít những nhân vật "thiếu" tự trọng chung quanh mình, từ nhà ra phố đến sở làm...

Thông thường, người thiếu tự trọng thuộc ba loại người sau đây:

1. *Kẻ dối trá*: Chúng ta có ngạc nhiên không khi có người không tôn trọng chính mình, đơn giản như chỉ hứa và nói mà không làm gì hết, hay nói một đằng làm một nẻo. Họ luôn che giấu ý định thực sự sau những phát biểu đầy chất "khuôn vàng thước ngọc".

2. *Kẻ phá bĩnh hay nổi loạn*: Những người này bề ngoài cố gắng chứng minh mình có quan điểm, thiện chí như bao người khác, đặc biệt là những người có vai vế, quyền lực nhưng cuộc sống đầy những bực bội vì cảm giác lúc nào cũng "chưa đủ". Họ thường xuyên chỉ trích người khác quá đáng, nhân danh mọi thứ quy luật. Khi thất bại, họ chống đối kịch liệt.

3. *Kẻ thất bại*: Trong tiếng Anh, những kẻ này được gọi là "the losers". Họ hành động một cách thiếu định hướng, cứ làm "bừa" mọi thứ một cách vô ích rồi chờ người khác đến giúp; có lúc tỏ vẻ đáng thương hại nhưng có lúc lại thờ ơ nhằm trốn tránh trách nhiệm, luôn luôn trông chờ vào sự chỉ bảo của người khác, thiếu quyết đoán, ỷ lại.

Hệ quả của một đất nước hay một xã hội gồm những người như thế sẽ sinh ra nhiều "bệnh thái". Chúng ta phải kể tới từ những thói quen tệ hại của nền văn hóa "phong bì", một nền hành chính dịch vụ thay cho phục vụ, đến những kẻ đục khoét xà xẻo tài sản đất nước với đủ thứ mưu ma chước quỷ, bắt chấp thủ đoạn. Để rồi người dân khi đến các cơ quan công quyền luôn cảm thấy thiếu tôn trọng vì chính ở đây có những người "không tự trọng". Nếu lòng tự trọng còn hiện diện thì chắc không có những chuyện vòi vĩnh, mặc cả, đe dọa, ăn chặn tiền cứu trợ, công quỹ các loại..., không có những kẻ đóng khung mình trên chiếc ghế địa vị dù không có khả năng đảm đương công việc nhưng khi đổ vỡ hay thất bại thì lại cho rằng... "do năng lực còn hạn chế" và cương quyết "không từ chức" vì lý do "tổ chức phân công". Tệ hơn nữa, họ tạo lập nên những nhóm lợi ích, những kẻ cùng "hội" cùng ề kíp, cánh hầu

với mình nhằm loại bỏ những người khác có tài năng hay trình độ cao hơn. Cuối cùng họ trở thành ra những kẻ sâu mọt trong xã hội... Nếu chỉ đánh giá một con người là có lý tưởng cách mạng vững vàng, ý thức hệ XHCN trong sáng... mà nhân cách trong sinh hoạt đời thường và trong công việc tỏ ra thiếu tự trọng thì rốt cuộc chỉ là đánh giá phiến diện, bề ngoài, mang tính chất vọng ngữ, xảo ngôn và lý tưởng hay thế giới quan, thậm chí chính trị quan của người đó chỉ là một thứ ngụy tín (*mauvaise foi*) như Albert Camus có lần đề cập trong tác phẩm của mình...

Một người tự trọng sẽ luôn thấy tự tin, hạnh phúc, biết trọng nhân cách của chính mình và tôn trọng người khác. Do đó, họ có động lực mạnh mẽ trong hành động, biết định hướng trong tư duy, và luôn thể hiện tính người trong mọi hành xử. Người biết tôn trọng bản thân không chỉ có khả năng nhận xét, đánh giá mình một cách chính xác trong bất cứ trường hợp nào, biết rõ đâu là điểm mạnh, điểm yếu của mình, đồng thời thừa nhận giá trị bản thân mà không cần đến sự đánh giá tức thời của xã hội vì họ luôn quan tâm đến cộng đồng, đến trách nhiệm không chỉ với hôm nay mà cả với thế hệ mai sau.

#### *Điều gì làm nên sức mạnh dân tộc*

Không chỉ vì lòng yêu nước mà còn xuất phát từ sự tự trọng của một dân tộc mà Trần Hưng Đạo năm xưa đã khẳng khái tuyên bố '*Nếu bệ hạ muốn hàng giặc thì hãy chém đầu thần trước đã*'. Đó là tuyên ngôn của một dân tộc kiêu hùng, một thời đại vẻ vang, làm nên những chiến công lịch sử để bảo vệ Tổ quốc. Người ta gần đây ca ngợi nước Nhật sau thảm họa Fukushima đã đứng dậy từ tang thương và phục hồi kỳ diệu. Chúng ta còn nhớ Hòa thượng Yoshimizu Daichi, 71 tuổi, trụ trì ngôi chùa cổ Nisshin Kustu ở Tokyo, đã trả lời phỏng vấn báo *Giác Ngộ* rằng: '*Đất nước chúng tôi gồm nhiều đảo, nằm trên vành đai núi lửa Thái Bình Dương. Chúng tôi biết số phận của mình là phù du, là mong manh, có thể tan biến bất cứ lúc nào. Cũng giống như hoa anh đào, hoa rất đẹp nhưng lại rất mong manh*'. Nhưng thảm họa không đánh gục được nước Nhật "mong manh như hoa anh đào". Vì sao? Hòa thượng Yoshimizu giải đáp: '*Truyền thống Nhật Bản dạy cho chúng tôi ý thức về tổ tiên, luôn biết ơn, lúc nào cũng nhớ về công lao của các bậc tiền nhân, của người khác trong tương quan xã hội mà mình đang sống. Chính vì vậy mà người Nhật luôn có ý thức tôn trọng, nghĩ về lợi ích của người khác trước mình*'. Đó chính là ý nghĩa của tinh thần vị tha mà chúng tôi đã từng phân tích, làm nên sự khác biệt giữa Niết-bàn và địa ngục trong tâm hồn mỗi con người và trong cả cuộc đời.

Thiết nghĩ "lợi ích của người khác" mà Hòa thượng Yoshimizu nhắc đến không gì khác hơn là lợi ích của đồng bào, trong đó có cả con cháu mình. Nói cách khác,

đó chính là tinh thần trách nhiệm với chính những gì mình làm, không chỉ cho hôm nay mà cho cả mai sau.

Chúng ta cũng biết nhóm Fukushima 50, nhóm những người tình nguyện ở lại Nhà máy Điện nguyên tử Fukushima sau khi động đất và sóng thần nhằm khắc phục phần nào hậu quả, bất chấp phải sống trong môi trường phóng xạ cao vì đối với họ, cao hơn cả cái chết và nỗi sợ hãi là tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng và trách nhiệm đối với các thế hệ đời sau.

Có lẽ vì vậy mà một công nhân của Công ty TEPCO (chủ đầu tư Nhà máy Điện hạt nhân Fukushima), ông Tatsuya Tamaki, đã nói với Hãng thông tấn Reuters như sau: “Chúng tôi sẽ kết thúc thảm họa trong thế hệ của mình và sẽ không để con cháu phải gánh công việc này”.

#### *Đừng thu phí lòng tự trọng*

Từ xưa cha ông chúng ta từng đề cao “Giấy rách phải giữ lấy lề”, “Đói cho sạch, rách cho thơm”... Lòng tự trọng không chỉ cho cuộc sống hôm nay mà còn thể hiện trong lo toan cho thế hệ đời sau. Không kể giàu nghèo, cha mẹ dành cả cuộc đời, cần kiệm chi tiêu, tận tụy hy sinh nuôi con ăn học thành tài và luôn dạy con kiếm tiền trung thực. Hãy nhìn lại nước Nhật. Họ đã dành những gì tốt đẹp nhất cho thế hệ tương lai, vì nói như họ, thế hệ tương lai cũng là con cháu của đồng bào mình. Họ không ném những sai lầm của thế hệ

hôm nay hay khó khăn của hiện tại vào tương lai. Chính tinh thần trách nhiệm này của người Nhật, tinh thần cống hiến samurai và lòng tự trọng tuyệt vời - từ những người bình thường nhất trong xã hội đến những quan chức cao cấp nhất trong chính quyền - đã tạo nên cái gọi là “điều thần kỳ” cho nước Nhật. Nhìn lại mình, chúng ta đang làm gì hôm nay cho thế hệ mai sau? Hãy tự hỏi những món nợ công đang trải ra trên những công trình đang dang dở, những con đường xuống cấp rất nhanh, những dự án không quyết toán xong phẳng được vì những khoản phí ngầm(!). Thử xem lại việc khai thác khoáng sản, chúng ta có bản khoản gì về tình trạng ô nhiễm, tình trạng cạn kiệt tài nguyên mai sau không? Lấy một ví dụ nhỏ về tình trạng phá rừng làm thủy điện. Chúng ta thử đọc dòng tin sau, “Mà nào phải làm tặc mới phá rừng! Những cư dân cả đời gắn bó với rừng, xem rừng như nguồn sống của mình, đến một ngày phải nhường chỗ cho các dự án thủy điện, trở nên tay trắng, đành phải “bội bạc” với rừng để sống. 674 hộ dân với 3.500 nhân khẩu ở huyện Bắc Trà My - Quảng Nam, thuộc diện di dời bởi dự án thủy điện Sông Tranh 2 là một ví dụ. Chẳng hiểu vì sao chính quyền địa phương lại đưa họ đến tái định cư giữa vùng rừng phòng hộ đầu nguồn. Ở nơi ấy, trong cảnh đói ăn và thiếu đất sản xuất, không phá rừng thì còn biết làm gì!” (Người Lao Động ngày 3 tháng 4, 2012).

Chúng ta phải bằng mọi cách và mọi giá thoát khỏi cái vòng lẩn quẩn đói nghèo - vô trách nhiệm - tham nhũng - đốt nát - như một thứ định nghiệp dành cho những quốc gia chậm phát triển hay bị tàn phá vì “nội thù” khi mà những quan chức tham nhũng chỉ biết nghĩ đến cá nhân và gia đình mình, bất chấp số phận của đồng bào hiện tại và bất chấp di họa cho đời sau. Thảm họa ấy còn lớn gấp nhiều lần Fukushima, vì sự giàu có của họ chỉ thuộc về thiểu số và không lâu bền, trong khi tổn hại cho đất nước và mai sau thì vô kể và khôn lường.

Chúng ta đang rất cần những người tự trọng, biết sống và đóng góp cho cộng đồng hôm nay và có trách nhiệm với mai sau, thế nên đừng để những người giàu tự trọng phải thiệt thòi, bắt họ phải đóng “phí” cho sự tồn tại phần vinh của xã hội trong khi những kẻ gian dối lại luôn lách bòn rút cả tương lai đất nước, để lại di sản nặng nề cho con cháu mai sau. Có ai đó từng kêu lên trong một phiên họp Quốc hội rằng: “Làm gì thì làm, đừng bắt con cháu mai sau trả nợ thay mình”. Con cháu cũng sẵn lòng trả nợ nếu cha ông đã vay một cách trong sáng, chan chứa lòng tự trọng và biết nghĩ đến mai sau. Còn không thì...! ■



**Sống với thân thiện hành,  
khẩu thiện hành, ý thiện hành;  
sau khi thân hoại mạng chung  
sẽ được sanh lên cõi thiện  
lành, thiên giới.**

***Trung Bộ kinh, số  
129, kinh Hiền Ngụ***





# Chuẩn bị buổi thuyết giảng

THÍCH GIÁC TOÀN

Có khá nhiều vị giảng sư không hoặc rất ít chuẩn bị cho buổi thuyết giảng. Ngoại trừ các bậc tôn túc có sở đắc thâm hậu về tu tập, thông thạo kinh điển và có kinh nghiệm sâu dày về thuyết pháp, các giảng sư trẻ tuổi thường không được như thế nên ít thành công hay thậm chí thất bại trong Phật sự hoàng pháp này nếu không chuẩn bị kỹ cho buổi thuyết giảng. Thực ra, dù là bậc tôn túc dày kinh nghiệm, nếu buổi giảng được chuẩn bị thì kết quả vẫn tốt hơn. Thực tế, hầu hết giảng sư đều có chuẩn bị bài nói bằng cách suy nghĩ, chọn đề tài, ghi sơ lược các ý chính trên giấy, xem lại nhiều lần..., nhưng thật ra như thế vẫn chưa đủ mà còn phải bỏ ra nhiều công phu hơn nữa.

Ngoại trừ Đức Phật, Ngài là bậc chứng ngộ, có trí tuệ và thần thông tuyệt đối quảng đại, Ngài biết nội dung, thời cơ thuyết pháp. Giáo pháp là Ngài, phát xuất từ Ngài và được tuyên thuyết từ Ngài nên Ngài không cần phải chuẩn bị bài thuyết giảng; các đệ tử của Ngài, dù nhiều vị đã nhập vào dòng Thánh, chứng Thánh quả, vẫn còn phải học hỏi ở Ngài nếu muốn đi thuyết pháp. Chư Tăng thời Ngài trước khi đi thuyết pháp còn phải thỉnh ý Ngài. Ngài cũng khuyên chư vị nên thỉnh ý Tôn giả Xá-lợi-phất (xem *Tăng nhất A-hàm*, phẩm *Mạc úy*).

Hiển nhiên, chuẩn bị trước một công việc gì thì dễ đạt thành công. Ron St. John, giáo sư về môn thuyết trình ở Đại học Hawaii đã nêu hai câu như là châm ngôn mở đầu bài viết của ông nhan đề “Chuẩn bị bài phát biểu”: “Chuẩn

bị là chìa khóa (Preparation is Key)" và "Thiếu chuẩn bị là chuẩn bị cho thất bại (We fail to prepare, we prepare to fail)" (rinkedin.com). Alexander Graham Bell, người sáng chế ra điện thoại vào năm 1876 và là nhà sáng tạo và giáo dục Mỹ, cũng nói: "Trước hơn hết, chuẩn bị là chìa khóa đưa đến thành công (Before anything else, preparation is the key to success)" (thinkexist.com).

Chuẩn bị một buổi thuyết giảng là rất quan trọng, phải thực hiện cho được. Về tư tưởng, ngoài việc ý thức là truyền bá Phật pháp để giúp người nghe phát triển tâm linh, hành động đúng đắn, sống theo Phật pháp, vị giảng sư cần nắm vững phương pháp, biện pháp, nội dung thuyết giảng để thực hiện tốt đề tài thuyết giảng của mình như suy nghĩ về buổi giảng, về đề tài, về thính chúng... Jenny Laskowski, Chủ tịch Tổ chức L.J.L Seminars (Wilmington, New York City, Hoa Kỳ) phát biểu trên trang Web L.J.L vào năm 1997 về những câu hỏi mà một thuyết trình viên tự đặt ra cho mình khi thực hiện buổi thuyết trình, trong đó có những câu có thể áp dụng cho một vị giảng sư hoàng pháp như sau đây:

- Bằng một câu cụ thể, mục đích của buổi nói chuyện là gì?
- Những ai là thính giả? Điều gì của đề tài khiến họ lưu tâm?
- Ta có thực sự biết và tin đề tài khi trình bày cho thính giả không?
- Ta cần nghiên cứu thêm những gì?
- Những điểm chính cần trình bày là gì?
- Ta cần những thông tin, những mẫu chuyện nào để minh họa cho các điểm chính?
- Ta có cần phải sử dụng các phương tiện nghe nhìn để minh họa cho bài nói không?
- Ta có thuyết phục được thính giả không?

o o o

Chúng ta hãy bàn về các công việc cụ thể để chuẩn bị cho buổi thuyết giảng. Sau đây là một số điểm cần được thực hiện.

### 1. Tìm hiểu thính chúng

Thính chúng có thể là một vài người, một nhóm người cùng thể cách nghề nghiệp, trình độ văn hóa, Phật pháp tương đương hoặc là số đông gồm nhiều thành phần xã hội, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp... khác nhau. Vị giảng sư phải theo đó mà lựa chọn đề tài sao cho thích hợp, sao cho mọi người tùy theo mức độ thâm sâu mà thọ nhận được bài giảng. Cùng với việc lựa chọn đề tài thích hợp, việc tìm hiểu thính chúng còn giúp vị giảng sư nêu lên các câu chuyện, các thí dụ, sử dụng ngôn ngữ thích hợp, lời cuốn sự chú ý, khơi dậy kiến thức, tư duy, tình cảm và ý thức tu tập của thính chúng.

Đức Phật cũng gợi ý về việc tìm hiểu thính chúng cho các Tỳ-kheo. Ngài dạy: "Thế nào là Tỳ-kheo biết vào đại chúng? Ở đây, Tỳ-kheo phân biệt đại chúng: 'Đây là dòng Sát-lợi, đây là chúng Bà-la-môn, đây là chúng trưởng giả, đây là chúng Sa-môn. Ta sẽ dùng phép tắc này để thích ứng,

nên nói hay yên lặng đều biết tất cả" và: "Này các Tỳ-kheo, có hai hạng người, hạng thứ nhất hay quan sát, thọ trì, đọc tụng, hạng thứ hai chẳng quan sát, thọ trì, đọc tụng. Này các Tỳ-kheo, có hai hạng người, hạng người nghe pháp rồi hiểu nghĩa, hạng người nghe pháp mà không hiểu nghĩa" (Kinh Tăng nhất A-hàm, phẩm Đăng pháp).

### 2. Lựa chọn đề tài

Có nhiều trường hợp một người tổ chức mời vị giảng sư giảng một đề tài nào đó cho một thính chúng cùng tính cách (ví dụ giới doanh nhân hay sinh viên hay cư sĩ đang theo học khóa Phật học...). Trong những trường hợp này tùy theo vị giảng sư thấy mình có thể đảm nhận đề tài hay không thì chấp thuận hay từ chối lời mời.

Khi đã lựa chọn đề tài, phải xác định thể loại của đề tài là gì. Đó là thông tin, miêu tả, chứng minh, giải thích, làm dịu khổ đau, khuyến thiện hay thuyết phục hay động viên... Với những câu hỏi tự đặt ra cho mình, vị giảng viên còn phải nhận định đây là đề tài chuyên môn, cần có sự đào sâu ý tưởng, cần mang tính chuyên môn, chuyên biệt, nếu không thì không lôi cuốn được người nghe. Colin Reade, giáo sư về truyền thông ở Đại học Durham, Ontario, Canada nói: "Các phương hướng của bài trình bày càng rõ ràng thì cơ hội thành công càng lớn". Ông cũng nói: "Không phải chỉ đứng lên nói với thính giả rằng 'Hôm nay tôi sắp nói với quý vị về...' hay 'Tôi muốn chia sẻ vài ý tưởng về...' Bạn cần phải đi vào chuyên môn nhiều hơn. Hãy cụ thể, rõ ràng. Bạn muốn hoàn tất những gì trong bài nói chuyện? Bạn muốn thính giả làm gì, có thái độ gì khi nghe bạn nói? Bạn muốn thông tin, thuyết phục hay chứng minh? Để có hiệu quả, bạn phải nêu rõ mục tiêu. Không làm thế thì có thể thất bại" (xem [www.stratcommsolutions.ca](http://www.stratcommsolutions.ca)).

### 3. Lập dàn ý

Bài luận văn hay bài thuyết trình luôn luôn gồm ba phần: Mở bài, thân bài và kết bài. Thông thường, mở bài là phần giới thiệu đề tài, thân bài là phần trình bày chủ yếu, chi tiết, kết bài là phần tóm tắt các ý đã nêu và nêu hướng mở rộng ý bài.

Người ta thường mở bài bằng cách đặt vấn đề trực tiếp, đi thẳng vào đề tài gọi là trực khởi; hoặc vào bài một cách gián tiếp gọi là lung khởi, bằng những câu chuyện hoặc những thông tin liên hệ đến đề tài. Cách mở đầu thứ hai này lôi cuốn sự chú ý của thính giả, và tùy theo sự giới thiệu của giảng sư, người nghe có thể được động viên, nhận thức bài nói chuyện sẽ bổ ích cho họ và tạo được sự tín nhiệm của họ. Cho nên không nên đột ngột mở đầu bài nói bằng những câu "Hôm nay tôi sẽ nói về..." hay "Tôi muốn chia sẻ vài ý kiến về..." như Colin Reade đã nhắc nhở.

Phần thân bài được chia thành nhiều phần nhỏ, mỗi phần bao gồm các ý chính của đề tài kèm với các dẫn chứng, bình luận, nhận xét... Các ý chính của đề tài quyết định giá trị của bài thuyết pháp. Việc phân tích đề tài để rút ra các ý chính phải được thực hiện hết sức cẩn thận vì có thể có ý loãng, không phải là ý chính, đưa đến

việc đi xa để tài, đó là chưa kể có thể có ý sai lạc hay mâu thuẫn với đề tài. Việc triển khai các ý chính phải được minh họa bằng các dẫn chứng, các câu chuyện, các thí dụ, các đoạn trích dẫn phải chính xác, sống động. Lời nhận xét, lập luận phải cụ thể, xác đáng và hợp lý.

Phần kết luận là phần tóm tắt các ý sao cho để tài được nêu bật. Sau đó là việc mở rộng đề tài, gợi ý về tư duy, hành động áp dụng trong đời sống hằng ngày, khuyến khích việc tu tập.

Dàn ý phải được ghi ra trên giấy, kèm với tên tóm lược các chuyện kể, các tin tức dẫn chứng và nếu cần, ghi nguyên văn các đoạn kinh sách được trích dẫn. Vị giảng sư phải đọc đi đọc lại dàn ý này nhiều lần để sửa chữa, bổ sung và để thuộc lòng.

#### **4. Chuẩn bị việc trình bày nội dung**

Vị giảng sư phải chắc chắn mình nắm vững đề tài, hiểu rõ ý nghĩa, văn cú của từng câu kinh sách được trích dẫn. Những người học Phật đều có kinh nghiệm rằng mức độ hiểu biết của mình về ý nghĩa các kinh luận, các vấn đề Phật học, các thuật ngữ hay văn cú của kinh điển thường qua năm tháng mà thay đổi, không ai có thể tự cho mình đã hiểu biết, đã liễu hội Phật pháp.

Đức Phật từng dạy về sự biết pháp và biết nghĩa: *"Thế nào là Ty-kheo biết pháp? Nghĩa là Ty-kheo biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ tụng, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thủthuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu và Thuyết nghĩa"* và: *"Thế nào là Ty-kheo biết nghĩa? Nghĩa là Ty-kheo biết giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này"* (Trung A-hàm, phẩm Bấy pháp, kinh *Thiện pháp*). Biết pháp, biết nghĩa là rất khó cho nên vị giảng sư cần hết sức cẩn thận trong việc trích dẫn kinh điển. Trong kinh *Tăng chi bộ*, chương Bốn, phẩm *Loài người*, Đức Phật nêu rõ bốn hạng người thuyết pháp: *"Này các Ty-kheo, có bốn hạng người thuyết trình. Thế nào là bốn? Có hạng thuyết trình, này các Ty-kheo, đi đến ngõ bí về nghĩa nhưng không về văn. Có hạng thuyết trình, này các Ty-kheo, đi đến ngõ bí về văn nhưng không về nghĩa. Có hạng thuyết trình, này các Ty-kheo, đi đến ngõ bí về nghĩa cũng như về văn. Có hạng thuyết trình, này các Ty-kheo, không đi đến ngõ bí về nghĩa cũng như về văn."* (Kinh *Tăng chi bộ*, chương Bốn, phẩm *Loài người*).

Vị giảng sư cũng nên tự đặt những câu hỏi về nội dung xem như là thắc mắc của những người nghe pháp để theo đó mà nói kỹ, nêu rõ ý để giải đáp những thắc mắc ấy. (Các buổi giảng pháp hiện nay vào chủ nhật hay ngày lễ tại chùa hay các cơ sở Phật giáo thường không có phần giải đáp các thắc mắc của thính chúng, thiết nghĩ dành mười lăm phút cho phần này cũng rất nên được thực hiện).

Ấn định thời gian dành cho buổi giảng cũng cần thiết. Thường thì từ 45 phút đến 1 giờ đối với các buổi giảng thông thường. Nếu kéo dài quá thì có thể người nghe khó tập trung ý thức, lời giảng trở nên gần như sự nhồi nhét, không khí buổi giảng sẽ trở nên loãng hoặc buồn tẻ. Từ đó, giảng sư sẽ cần nhắc những điểm nào

cần giảng kỹ hoặc cần lướt qua. Sao cho hết thời gian đã định thì vừa hết phần kết luận. Nếu dứt bài giảng quá sớm hoặc quá trễ thì làm vào lỗi mà các giáo viên thường bảo là "cháy giáo án".

Trong trường hợp giảng sư đảm nhận việc giảng pháp theo một khóa tu gồm nhiều ngày thì việc giảng pháp cũng phải được chia thành từng bài, từng buổi, mỗi bài giảng cũng cần được chuẩn bị kỹ càng tương tự như trên.

#### **5. Một số chuẩn bị khác**

- Khi đã lựa chọn xong đề tài, giảng sư cũng nên thỉnh ý chư tôn túc hay các đồng sự để bài giảng được hoàn thiện hơn.

- Giữ gìn sức khỏe cho buổi giảng; tránh bị mệt mỏi, cảm sốt, ho, khan cổ... có thể gây ảnh hưởng đến trí óc và giọng điệu, về mặt khi đang giảng pháp.

- Sắp xếp các công việc, điều chỉnh lịch sinh hoạt để giảng pháp đúng ngày giờ đã định.

- Chuẩn bị y áo chỉnh tề.

o O o

Việc chuẩn bị cho buổi giảng pháp, như đã nói, là rất quan trọng, quyết định cho sự thành công của buổi giảng. Vị giảng sư vui mừng vì buổi giảng thành công tức là mừng vì Phật pháp được truyền giảng tốt chứ không phải vì cá nhân mình có tài thuyết giảng. Công phu chuẩn bị là một Phật sự phục vụ đạo pháp. Vị giảng sư không ngã mạn vì đã hoằng pháp thành công, trở nên nổi tiếng. Điều tâm niệm là thuyết pháp là để người nghe tuân phục giáo lý của Đức Phật chứ không phải là khiến người nghe tuân phục mình. Sự sáng tạo trong phương pháp giảng, khả năng cuốn hút thính giả tuy là rất quan trọng nhưng diễn cho đúng lời Phật mới là điều thiết yếu nhất. Yêu cầu chính vẫn là học tập, tu hành, và thuyết pháp đúng như những gì được học, được tu, được nghe chứ tôn túc giảng, và được học thuộc lòng kinh kệ. Đức Phật đã căn dặn, *"Này các Ty-kheo, Ty-kheo học thuộc lòng Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Tự thuật, Thuyết như thị, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Trí giải, hay Phương quảng. Này các Ty-kheo, đây là diệu pháp thứ nhất, đưa đến diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Lại nữa, này các Ty-kheo, các Ty-kheo thuyết pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Này các Ty-kheo, đây là diệu pháp thứ hai đưa đến diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất"*.

Tiếp đó, Đức Phật còn dặn thêm là vị giảng pháp làm sao để cho người khác cũng nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng; và vị giảng pháp đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng (Xem kinh *Tăng Chi bộ*, chương 5, phẩm *Diệu pháp*).

Tóm lại, chuẩn bị cho buổi giảng là chuẩn bị cho việc diễn nói những gì đã học, đã nghe, đã tụng, liên hệ đến đề tài thuyết giảng. ■



# Sự tin tưởng

**S**ự tin tưởng cần thiết để làm bất cứ việc gì. Nếu tôi đi chợ mà tôi nghi ngờ tất cả những người bán hàng đều lừa dối tôi thì tôi sẽ không mua được thứ gì hết.

Thử tưởng tượng, vợ chồng không tin nhau về một điều gì đó, bạn bè không tin nhau về một điều gì đó, anh em không tin nhau về một điều gì đó, gia đình không tin nhau vì một điều gì đó, thì mọi sự lúng củng đổ vỡ bắt đầu xảy ra. Thử tưởng tượng, sống một ngày mà nhìn ai cũng nghi trộm cướp, ai cũng tìm cách lừa lọc làm hại mình, nghi ai cũng đang nói xấu về mình... thì quả thật, đó là một ngày không đáng sống. Xã hội nào cũng có một số người xấu ác, nhưng số đó chỉ là thiểu số, rất thiểu số. Còn phần đông, đã làm người thì nơi họ luôn luôn có điều tốt.

Nói như vậy để thấy rằng cá nhân, gia đình, xã hội sống được, hoạt động được là do có niềm tin. Cần phải có niềm tin để sống. Đời sống cần có niềm tin. Đời sống càng lành mạnh, càng nhiều ý nghĩa, càng phong phú khi có niềm tin. Không có niềm tin mà chỉ có nghi ngờ thì không thể tạo thành xã hội.

Tôi có thể bị lừa nếu tôi tin mà không hề suy xét, nhưng chắc chắn cuộc đời tôi sẽ luôn luôn bất ổn, thậm chí bị đat nếu tôi không có một niềm tin để sống.

Niềm tin đem lại hợp tác, đó là một lợi ích có thể thấy trước mắt. Chúng ta biết trong kinh tế, ba người nếu hợp tác với nhau sẽ kiếm ra một số tiền lớn hơn tổng số tiền lời khi ba người ấy làm ăn riêng rẽ. Để đem lại sự tiến bộ xã hội, cần phải có sự hợp tác trong mọi lĩnh vực, nghĩa là cần có niềm tin. Xã hội mà không thể thiết lập được sự tin tưởng lẫn nhau thì đó chỉ là một xã hội có trên danh nghĩa.

Tin là một hành động hai chiều, người tin và người được tin, do đó tin là một quá trình thử thách. Trải qua thời gian và thử thách, niềm tin càng thật hơn, càng có giá trị hơn, và người tin và người được tin càng trưởng thành. Người được tin phải luôn luôn hoàn thiện con người mình, vì niềm tin của người khác đối với mình được xây dựng trên toàn bộ con người mình: về bề ngoài, khả năng, thiện ý, sự trung thực, tích cực, trách nhiệm, lương tâm... Những cái ấy tạo nên uy tín. Sự phấn đấu để có niềm tin của người khác là một việc làm suốt đời, có khi sau mười, hai mươi năm, chỉ vì một khuyết điểm trầm trọng trong nhân cách mà tất cả niềm tin vào một người bị sụp đổ.

Chúng ta thấy tin lẫn nhau tạo thành sức mạnh rất lớn. Năm 1997, châu Á lâm vào khủng hoảng tài chính. Hàn Quốc, như các nước khác, phải mượn tiền của Quỹ



NGUYỄN THẾ DĂNG



Tiền tệ Quốc tế, nhưng chỉ mượn ít. Biện pháp chính của họ là tái cơ cấu kinh tế, điều này dựa rất nhiều vào niềm tin giữa các đại tập đoàn tư nhân và chính phủ, và kêu gọi toàn dân tiết kiệm, thắt lưng buộc bụng. Kết quả là họ đã vượt qua khủng hoảng rất nhanh chóng. Một tai nạn kinh tế của một quốc gia đã được vượt qua chủ yếu bằng niềm tin. Trong chiến tranh, bên chiến thắng luôn luôn là bên có niềm tin mạnh nhất, nghĩa là có nhiều chính nghĩa nhất.

Nhưng người ta tin vào những cái gì?

Tin vào cái đúng, và tin vào một người khi cái đúng biểu lộ ra nơi người ấy. Nếu cuộc đời không có cái đúng ở đâu cả và không có ai đúng cả thì người ta cũng chẳng muốn sống để làm gì.

Tin vào cái tốt, cái thiện và tin vào con người, bởi vì con người có thể cất giữ và phát triển cái tốt, cái thiện. Nếu cuộc đời không có cái tốt, cái thiện và chẳng có ai tốt, thiện cả thì đó không phải là cuộc đời, không thể là một xã hội.

Tin vào cái đẹp, cái cao thượng, cái trong sạch và tin vào con người, vì con người có mầm mống cho cái đẹp, cái cao thượng, cái trong sạch. Nếu cuộc đời không có cái đẹp, cái cao thượng, cái trong sạch và nếu xã hội chẳng có một hành động đẹp nào, một cử chỉ đẹp nào,

một lời nói đẹp nào, thì cuộc đời là vô nghĩa, xã hội là vô nghĩa.

Tin là tin vào khả năng có thể trở nên đúng hơn, tốt hơn, đẹp hơn của con người và xã hội. Người có được niềm tin ấy, sống với niềm tin ấy là người lạc quan, hạnh phúc.

Nếu chúng ta kỳ vọng vào mình những điều đúng, tốt, đẹp, thì một cách tự nhiên, chúng ta cũng kỳ vọng chúng ở người khác, nhất là những người thân yêu, bà con, bạn bè, quen biết. Thậm chí chúng ta sống là để giúp đỡ họ tìm thấy và khai triển những điều đúng, tốt, đẹp đó. Khi thấy kỳ vọng ấy được thể hiện phần nào ở một người nào thì chúng ta bắt đầu tin người ấy.

Càng tin nơi mình đang có và đang thực hiện những điều đúng, tốt, đẹp bao nhiêu thì cũng tin người khác đang có và đang thực hiện những điều đúng tốt đẹp ấy bấy nhiêu. Nói gọn, người ta càng tin mình bao nhiêu thì người ta càng tin người bấy nhiêu. Và ngược lại, càng tin người bao nhiêu thì càng tin mình bấy nhiêu.

Định mệnh của con người, bổn phận và quyền lợi của con người chính là càng ngày càng đúng, tốt, đẹp hơn. Thế nên tin vào điều đó để thương yêu người khác là một niềm tin, một tình yêu không bao giờ bị lừa dối, phản bội. Đó là một niềm tin, một tình yêu vĩnh cửu. ■



# Tiến tới sự hợp nhất Phật giáo

ANANDA W.P. GURUGE  
THIỆN TRI trích dịch

**T**ừ 17-2 đến 19-2 năm 2012, tại Anuradhapura, Sri Lanka, Phật tử thế giới đã hân hoan tưởng niệm lần thứ 2.600 ngày Đức Phật thành Chánh Đẳng Giác, thể hiện bằng một cuộc hội thảo về những thách thức đối với Phật giáo trong thời đại mới. Ngài Ananda W.P. Guruge, một học giả Phật giáo Tích Lan đã trình bày một bài nói chuyện được đánh giá là quan trọng. Văn Hóa Phật Giáo xin trích dịch một phần bài nói chuyện này để giới thiệu với quý độc giả. Tựa do VHPG đặt.

Ngày nay trên toàn thế giới, Phật giáo đã được biết đến một cách rộng rãi đến nỗi kiến thức về Đức Phật và những giáo lý căn bản của Phật giáo là không thể thiếu như một khía cạnh trọn vẹn của khả năng hiểu biết về văn hóa. Khó có thể tìm được một người học thức ở bất kỳ quốc gia nào mà lại không có một chút hiểu biết nào về Phật giáo. Nhưng một câu hỏi chính nảy sinh trong quá trình ấy. Đó là: Phật giáo là gì và làm thế nào có thể xác định rõ về Phật giáo?

Khi Phật giáo bị giam hãm trong những quốc gia Phật giáo truyền thống ở châu Á, mỗi cộng đồng có một ý niệm cụ thể về ý nghĩa của Phật giáo. Phật tử ở các quốc gia thuộc vùng Đông Á, vẫn tiếp tục có một số lượng tín đồ Phật giáo đông đảo, thực hành Phật giáo Đại thừa, nghiên cứu các kinh điển Đại thừa được gìn giữ trong Đại tạng kinh Trung Hoa và tôn thờ các vị Bồ-tát. Việc thiên định như ở Thiên tông và việc tụng đọc danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật trong Tịnh Độ tông hoặc Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh đối với Nhật Liên tông đã phân chia các Phật tử Đông Á thành những nhóm có thể được nhận biết. Tây Tạng và Mông Cổ theo truyền thống Kim Cang thừa, ở đó những câu thần chú như Om mani padme hum, những tư thế trong lúc thờ cúng và những đồ hình hỗ trợ cho việc thiên định như mạn-đà-la tạo nên những thành phần thiết yếu của nghi thức thờ phượng. Các quốc gia trong vùng Nam và Đông Nam Á vẫn gìn giữ một hình thái của Phật giáo thời kỳ đầu với kinh điển viết bằng ngôn ngữ Pali, vẫn bị nhận diện một cách nhầm lẫn là Tiểu thừa. Điều đó đưa đến việc nhấn mạnh vào sự thảo luận và nghiên cứu mang tính tri thức bởi cả hệ thống

Tăng-già và giới cư sĩ, sự tuân thủ những giới luật bổ sung bởi giới cư sĩ và hàng duyên giác trong những ngày lễ.

Mỗi truyền thống, học phái, hay tông môn của Phật giáo có một tổ chức Tăng-già riêng, tuy đều dựa vào cùng những nguyên lý căn bản của Luật tạng, là những người ăn mặc khác nhau và khác biệt cả về những cách thức mà họ được chuẩn bị cho vai trò tâm linh của họ. Các tự viện, đền chùa của họ cũng khác nhau trong phong cách kiến trúc, và mỗi truyền thống, học phái, tông môn lại có một hình thức chôn cất đặc biệt như lăng, mộ, tháp. Ngay cả Đức Phật cũng được biểu thị theo những đặc điểm thể chất đặc trưng của từng tộc người. Các vị Bồ-tát cũng được phân biệt bởi những đặc điểm mang tính hình tượng riêng và tất cả những truyền thống đã không có cùng một địa vị đồng đều dành cho các biểu tượng như Đức Phật A-di-đà, Đức Phật Dược vương, các Đức Phật Như Lai, Bồ-tát Quan Thế Âm, Phật Di-lặc. Mỗi truyền thống, tông môn, học phái cũng có những nghi lễ và những hình thức thờ cúng khác nhau.

Những hình thức khác biệt đó của Phật giáo đã từng khó được biết đến hay khó được nhận thức bởi quần chúng Phật tử trên thế giới vì chúng đã phát triển trong sự cô lập và không hề có bất kỳ sự tương giao nào giữa họ. Chỉ đến cuối thế kỷ thứ 19, những truyền thống, tông môn, học phái khác biệt ấy mới phát triển một số hoạt động tiếp xúc, là nhờ vào những cố gắng của vị Tỳ-kheo người Sri Lanka, ngài Anagarika Dharmapala, người đã tổ chức Hiệp hội Mahabodhi với tư cách là một diễn đàn Phật giáo quốc tế đầu tiên vào năm 1891, nhờ vào bài nói chuyện của ngài trước một cử tọa đông đảo người châu Âu tại Nghị viện của Phật giáo Thế giới tổ chức tại Chicago năm 1893, và nhờ vào sáng kiến của nhà thần học người Hoa Kỳ, đại tá Henry Steel Olcott, làm cho các Phật tử ở các quốc gia Phật giáo khác nhau chấp nhận một bản cương lĩnh 14 điểm mà ông đã soạn thảo vào năm 1891.

Nhưng những phát triển nổi bật nhất trong thời hiện đại bắt đầu vào giữa thế kỷ thứ 20 khi những làn sóng những người Phật tử thuộc các truyền thống riêng nhập cư vào các thành phố lớn ở châu Âu, châu Mỹ, và châu Đại dương đã mang những hình thức Phật giáo đa dạng ấy đến để cùng tồn tại bên cạnh nhau.

Những khác biệt phong phú của Phật giáo, vốn đã phát triển ở châu Á trong suốt nhiều thế kỷ dài lâu của sự tăng trưởng độc lập, đã mang lại một ấn tượng về nhiều đạo Phật và chẳng mấy ai ngoài những vị học giả nghiêm túc có được một ý niệm cụ thể về sự thống nhất ở phương diện thái độ và học thuyết vẫn kết nối những hình thức Phật giáo ấy với nhau.

Quả thật là đã có nhiều cố gắng được thực hiện kể từ khi Olcott chỉ ra sự thống nhất đó. Vào năm 1942, Christmas Humphreys ở Anh đã soạn thảo mười hai nguyên tắc để làm nổi bật những giáo lý chung của mọi truyền thống, học phái, tông môn. Hội đồng Tăng-già Thế giới đã họp tại Sri Lanka vào năm 1966 với mong muốn khắc phục những khác biệt và có hành động chung đã chấp nhận những nguyên tắc sau đây được nêu ra bởi Tỳ-kheo Walpola Rahula:

1. Đức Phật là Bổn sư của chúng ta.
2. Chúng ta quy-y Phật, Pháp, và Tăng.
3. Chúng ta không tin rằng thế giới này được sáng tạo và bị cai trị bởi một vị Thượng đế.
4. Theo gương Đức Phật, hiện thân của Đại Từ và Đại Tuệ, chúng ta xem mục đích của cuộc đời là phát triển lòng từ hướng về mọi chúng sinh không phân biệt và phục vụ cho phúc lợi, hạnh phúc, và hòa bình của mọi chúng sinh; đồng thời, là phát triển trí tuệ dẫn đến việc thực hiện Chân lý Tối hậu.
5. Chúng ta chấp nhận Tứ Diệu đế, đó là Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế, cùng với luật nhân quả phổ quát như đã được giảng dạy trong lý Duyên Sinh.
6. Chúng ta hiểu, theo giáo lý của Đức Phật, rằng mọi hành động vô thường và khổ, rằng mọi hành và mọi pháp đều vô ngã.
7. Chúng ta chấp nhận Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là những khía cạnh khác nhau của Phật đạo đã được Đức Phật giảng dạy để dẫn đến Giác ngộ.
8. Có ba con đường đưa đến Giác ngộ, tùy thuộc vào năng lực và khả năng của từng cá nhân; đó là Thanh văn, Duyên giác, và Chánh đẳng chánh giác. Chúng ta chấp nhận rằng cao quý nhất, cao cả nhất, và dũng cảm nhất là việc theo đuổi hạnh nguyện của một vị Bồ-tát và trở thành một vị Phật chánh đẳng giác để cứu độ chúng sanh.
9. Chúng ta nhìn nhận rằng ở những xứ sở khác nhau có những sự khác biệt về đời sống của các vị Tăng sĩ Phật giáo; về cách hành trì và niềm tin, về các nghi thức và nghi lễ, về phong tục và tập quán của quần chúng Phật tử. Những hình thức và biểu hiện bên ngoài đó không nên bị lầm lẫn với những giáo lý tinh yếu của Đức Phật.

Nguồn: A Cross-Sectarian Mechanism for Integrated Efforts towards the Progress of Buddhism in the New Millennium (tạm dịch: *Một cơ chế liên phái cho những nỗ lực hợp nhất hướng đến sự tiến bộ của Phật giáo trong thiên niên kỷ mới*), từ <http://www.lankaweb.com> ■



HỘI THẢO  
KHÓA HỌC

BAN VĂN HÓA TW GHPGVN  
BAN TRƯ SƯ THÁNH HỘI PHẬT GIÁO HÀ NỘI  
VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO VIỆT NAM

# Chùa Thầy và Thiền sư Từ Đạo Hạnh

PHAN HUY DỤC

**C**hùa Thầy nằm ở phía Tây thủ đô Hà Nội, cách trung tâm thành phố khoảng 20km. Chùa được xây dựng vào thời Lý Thần Tông (1072 - 1127). Đây là một ngôi chùa nổi tiếng của vùng châu thổ sông Hồng, và cho đến nay, chùa Thầy vẫn là một trong những di sản văn hóa chứa đựng các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật, tín ngưỡng, và tôn giáo ở Việt Nam.

Chùa Thầy còn có nhiều tên gọi: chùa Thiên Phúc, tên cổ là am Hương Hải, viện Bồ Đà. Trong chùa có thờ các tượng Thiền sư Từ Đạo Hạnh, vua Lý Thần Tông (theo truyền thuyết thì là hậu thân của Thiền sư) và nhiều tượng Phật. Chùa có nét đặc biệt,

hiếm gặp ở nơi khác, với hình thức tiêu biểu thờ cả Phật và Thánh (tiền Phật hậu Thánh). Chùa nằm ngay chân núi Sài Sơn, còn gọi là núi Phật Tích hay núi Thạch Thất, thuộc hai xã Thiên Phúc và Thụy Khuê huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây; nay là xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Trước cửa chùa có hồ Long Trì (ao Rộng); nhà Thủy Đình nằm ở giữa hồ là nơi biểu diễn múa rối nước trong ngày hội. Hai bên chùa có hai chiếc cầu hợp mái theo kiểu “thượng gia hạ kiều” (trên là nhà, dưới là cầu); bên trái là Nhật Tiên kiều, thông ra Tam phủ trên hòn đảo nhỏ nằm giữa ao Rộng; bên phải là Nguyệt Tiên kiều bắc qua hồ có đường lên chùa Cao trên núi. Hai cầu này do trạng Bùng Phùng Khắc Khoan cung tiến năm 1602 sau khi ông đi

sứ nhà Minh về. Quần thể di tích chùa Thầy là một danh thắng mà thiên nhiên đã ưu ái ban tặng cho nơi đây: Chùa Long Đẩu, chùa Hoa Phát, đền Quán Thánh, chùa Hương Khánh, chùa Cả, chùa Cao, nhà thờ dòng họ Phan Huy, vườn đào Cao Bá Quát, chùa Phúc Lâm, chùa Một Mái (chùa Bối Am) quán Tam Xã, chợ Trời trên đỉnh núi. Các hang động như hang Bò, hang Gió, hang Thánh Hóa, nhưng có lẽ đặc biệt là hang Các Cờ. Hàng năm mỗi độ

xuân về, mưa xuân rắc bụi, trai thanh gái lịch lại nô nức trẩy hội Thầy, mang theo câu ca dao xưa:

*Gái chùa chồng nhớ hang Các Cờ*

*Trai chùa vợ nhớ hội chùa Thầy.*

Chùa Thầy, làng Thầy còn là nơi sinh ra và lớn lên của nhiều danh nhân dòng họ Phan Huy. Đây là một trong những dòng họ có nhiều người là những tác giả xuất sắc, giàu truyền thống văn chương khoa bảng, và đã có nhiều đóng góp cho quê hương đất nước, như Phan Huy Cận, Phan Huy ích, Phan Huy Ôn, Phan Huy Thực. Đặc biệt là Phan Huy Chú, đã “Mười năm đóng cửa tạ khách” lên núi Thầy viết bộ *Lịch triều hiến chương*

*loại chí* nổi tiếng. Công trình này đã đánh dấu một bước phát triển cao về mặt thông tin khoa học ở nước ta hồi đầu thế kỷ 19 khiến Phan Huy Chú được tôn vinh là nhà bác học lớn của Việt Nam.

Chùa Thầy còn gắn với sự tích Thiền sư Từ Đạo Hạnh. Tương truyền vua Lý Nhân Tông (1072 - 1128) tuổi cao mà chưa có con trai, em vua là Sùng Hiền hầu (không rõ tên) cũng chưa có con trai. Gặp nhà sư ở núi Thạch Thất (núi Sài Sơn) đến chơi, Hầu nói với Từ Đạo Hạnh về việc cầu tự. Đạo Hạnh dặn: “Bao giờ phu nhân sắp đến ngày sinh thì báo cho biết trước”. Rồi Đạo Hạnh cầu khẩn Sơn Thần, ba năm sau phu nhân Đỗ thị có mang và trở dạ mãi không đẻ. Sùng Hiền hầu nhớ lại lời Từ Đạo Hạnh

dặn khi trước, liền sai người đi báo. Đạo Hạnh lập tức thay áo, tắm rửa rồi vào hang, trút xác mà qua đời. Phu nhân sinh con trai, sau này lên ngôi vua vào năm 1128 là Lý Thần Tông, tục truyền đó là hậu thân của Từ Đạo Hạnh. Dân làng Thiên Phúc, sau khi Từ Đạo Hạnh qua đời, cho là việc lạ, đem thi hài Đạo Hạnh làm cốt đắp thành pho tượng để thờ, lại sửa am Hương Hải và viện Bồ Đà là nơi Từ Đạo Hạnh tu hành lúc trước thành chùa lớn, nay gọi là







chùa Cả, trông ra hồ Long Trì. Trên đường đi lên chợ Trời ở đỉnh núi, lưng chừng là chùa Cao, có hang Thánh Hóa là nơi Từ Đạo Hạnh trú xác, đầu thai. Ở vách hang còn thấy những vết lõm trên đá. Theo truyền thuyết đó là vết dấu, vết chân, vết tay của Thiền sư tựa vào lúc trú xác.

Từ Đạo Hạnh lúc nhỏ đã quyết tâm xuất gia học đạo và đã sang Tây Thiên (Ấn Độ) cầu Pháp. Lúc học được pháp thuật, Thiền sư trở về núi Sài Sơn dựng gậy tích, ngày đêm tụng tập. Khi lòng thiền mở rộng, bèn đi khắp bốn phương tham thiền vấn đạo. Lúc ngộ được tâm ấn, Thiền sư trở về giảng đạo dạy học, lên núi tìm cây thuốc, hái về chữa bệnh giúp dân; ngoài ra, ông còn tổ chức những trò chơi như đá cầu, đánh vật. Đặc biệt, về nghề múa rối nước, người dân ở đây còn coi ông là Tổ sư. Hàng năm khi đến hội Thầy, để tưởng nhớ đến Thiền sư, múa rối thường được diễn ra ở nhà Thủy Đình giữa hồ Long Trì.

Do nhân dân cảm phục mến mộ nên họ gọi Thiền sư với sự kính trọng là "Thầy" và những địa danh, sự kiện liên quan đến Thiền sư đều được gọi là Thầy. Chùa Thiên Phúc, nơi ngài tu được gọi là chùa Thầy, núi Sài Sơn, nơi ngài hóa gọi là núi Thầy, làng Thụy Khuê ở chân núi Sài Sơn gọi là làng Thầy và hội nơi đây cũng gọi là hội Thầy.

Liên quan đến Thiền sư Từ Đạo Hạnh, còn có chùa Chiêu Thiền ở trại Yên Lãng huyện Vĩnh Thuận (nay là chùa Láng, phường Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội); trong chùa có hòm gỗ chứa sách viết chữ Phạn bằng lá đồng là di tích xưa, được biết là Từ Đạo Hạnh cho đúc. Trước khi về tu ở chùa Thầy, Từ Đạo Hạnh đã tu ở chùa

Láng. Vì vậy, hội chùa Láng và hội chùa Thầy mở cùng một ngày.

*Nhớ ngày mừng bảy tháng Ba  
Trở vào hội Láng trở ra hội Thầy.*

Thiền sư đã để lại một số bài thơ, trong đó có bài kệ thể hiện tinh thần Thiền học thâm sâu nhưng vô cùng sáng tỏ của ông.

*Tác hữu trần sa hữu  
Vi không nhất thiết không  
Hữu không như thủy nguyệt  
Vật trước hữu không không.*

Theo truyền thuyết, Huyền Quang là vị tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm đã dịch bài thơ trên:

*Có thì có tự mây may  
Không thì cả thế gian này cũng không  
Vầng trăng vàng vạc in sông  
Có chi có có không không mơ màng.*

Để tôn vinh những giá trị về Phật học, lịch sử, văn hóa, và nghệ thuật liên quan đến Thiền sư Từ Đạo Hạnh, Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội, Viện Tôn giáo (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) đã tổ chức Hội thảo khoa học: "Chùa Thầy và chư Thánh Tổ sư" tại chùa Thầy ngày 25 tháng 3 năm 2012 (Phật lịch 2555). Hơn 50 báo cáo khoa học của những nhà nghiên cứu, Hòa thượng, Thượng tọa... ở mọi miền đất nước đã được in trong tập kỷ yếu và 19 bản tham luận đã được đọc và trao đổi trong hội thảo. ■

Ảnh: Quảng Tâm

# Thủ thuật thơ thiền

VŨ THẾ NGỌC

*Xuân đã qua và vườn xưa tàn úa  
Người đã xa từ thủa tóc xanh bay*

LKTH

Mái chùa ẩn sâu trong ngàn lá xanh xanh giữa núi rừng bạt ngàn. Chỉ thấy văng vẳng tiếng chuông chùa đổ xuống giữa trời không tịch. Một bóng người áo vải nón lá đeo theo cả nắng quái tà dương một mình trở lại núi xanh.

*Thương thương Trúc Lâm Tự* 蒼蒼竹林寺

*Yếu yếu chung thanh vãn.* 杳杳鐘聲晚

*Hạ lạp đới tà dương,* 荷笠帶斜陽

*Thanh sơn độc qui viễn.* 青山獨歸遠

Người đưa tiễn là thi sĩ Lưu Trường Khanh, vị Giám sát

Ngự sử đương triều. Vị tăng áo bạc đó là Thiền sư Linh Triệt, một vị sư mà hành trạng của ngài chúng ta chỉ biết qua hai người đệ tử danh tiếng là thi hào Kiều Nhiên và Lục Hồng Tiệm nhưng ở đây người đọc đều thấm được phong vị của ngài lừng lững như ánh nắng chiều chói lọi trong buổi chiều tịch lặng giữa rừng núi trùng trùng.

Và đó là một bài thơ thiền.

Không một chữ xa hoa kiêu kỳ bí hiểm. Không một thiền từ, Phật cú, nhưng người đọc chìm trong không gian xanh ngắt của rừng núi mênh mông, cảm nhận được cảnh giới thanh tịnh bình yên.

Đó là thủ thuật thơ thiền.

Trong bài thơ, ngay ở câu thứ nhất thi sĩ chỉ vẽ phác một nét đan thanh về một ngôi chùa nhưng không chi tiết, không rõ rệt cụ thể mà lại còn ẩn sâu trong rừng núi xanh bạt ngàn. Nhưng điều kỳ lạ là người đọc đã thấy ngay cả một ngôi chùa cổ kính rêu phong thấp thoáng trong ngàn cây xanh *xanh xanh Trúc Lâm Tự*...

Đây cũng là một cung cách chung của thơ Đường, của một thời đại có ảnh hưởng sâu sắc từ Phật giáo thiền đồng độ. Thơ Đường không đi vào chi tiết, thơ không tả cảnh theo cung cách của nhà họa sĩ. Thơ không vẽ từ cảnh sắc cụ thể ngoại lai mà vẽ từ tâm hồn thi nhân. Đừng mong tìm những chi tiết cụ thể trong thơ Đường để phác họa ra một đền đài một cổ tự trong địa dư thực tế. Ngoài cái tên gọi trong đề bài, thơ dường như không bao giờ tả cảnh một cách khách quan mà chỉ vẽ cảnh từ tâm ý chủ quan của thi nhân. Nói một cách khác, thi nhân nhìn bằng tâm nhãn<sup>1</sup>. Nói theo ngôn ngữ duy thức, cảnh chỉ là biểu hiện của tâm thức.

Có một chuyện kể rằng vị hoàng đế cho truyền các họa sư vẽ tranh với đề tài “thâm lâm cổ tự,” vẽ một ngôi chùa trong núi sâu. Các bức họa dâng lên đều đẹp tuyệt vời với các cảnh chùa cổ kính giữa núi non trùng điệp nhưng nhà vua chỉ lắc đầu cho đến khi tìm được một bức tranh không vẽ cảnh chùa mà chỉ vẽ một chú tiểu múc nước bên suối vắng.

Hãy xem Vương Duy ‘vẽ’ cho chúng ta thấy chùa Hương Tích bằng thi pháp tương tự: “Lạc đường Hương Tích tự - Muôn dặm đỉnh mây lan - Cây già không dấu tục - Núi vắng chuông nào vang - Suối reo tràn đá loạn - Trời lạnh ngát thông ngàn - Chiều nhạt đầm hieu quạnh - Tâm thiền ảo vọng tan.

|                                   |       |
|-----------------------------------|-------|
| <i>Bất tri Hương Tích tự</i>      | 不知香跡寺 |
| <i>Số lý nhập vân phong</i>       | 數里入雲峰 |
| <i>Cổ mộc vô nhân kính</i>        | 古木無人徑 |
| <i>Thâm sơn hà xứ chung</i>       | 深山何處鐘 |
| <i>Tuyên thanh yết nguy thạch</i> | 泉聲咽危石 |
| <i>Nhật sắc lãnh thanh tùng</i>   | 日色冷青松 |
| <i>Bạc mộ không đàm khúc</i>      | 薄暮空潭曲 |
| <i>An thiền chế độc long</i>      | 安禪制毒龍 |

Vương Duy không vẽ cảnh chùa. Thi sĩ đã không thấy chùa mà còn đi lạc vào giữa núi nhưng người đọc vẫn thấy cả một đại tùng lâm rạng rỡ giữa đỉnh sương mù mây khói. Phải chăng đây là cách diễn tả tuyệt thú nhất về điều “không thể nghĩ bàn.” Lấy cái vô ngôn để diễn tả chân lý bờ bên kia (ba-la-mật) “Đến đó dứt ngôn tự - Không gian một mùi hương” của Vương Xương Linh.

|                                  |       |
|----------------------------------|-------|
| <i>Bỉ thử danh ngôn tuyệt,</i>   | 彼此名言絕 |
| <i>Không trung vấn dị hương.</i> | 空中聞異香 |

Đó cũng là tuyệt thủ vô thanh để tả tiếng đàn tuyệt diệu trong một đêm kỳ thú trên bến Tầm Dương “Thử thời vô thanh thắng hữu thanh” (此時無聲勝有聲) của Bạch Lạc Thiên.

Ngay cả trong bài thơ nổi tiếng Hoàng Hạc Lâu, hoàng hạc được nhắc đến ba lần trong ba câu liên tiếp nhưng nếu chỉ phân tích ngôn từ người ta vẫn không thể hình dung ra được lầu Hoàng Hạc cao thấp hoang tàn hay nguy nga tráng lệ ra sao nhưng cùng một lúc người đọc đã thấy mình trên lầu hoàng hạc ấy.

|  |         |
|--|---------|
| <i>Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ</i>   | 昔人已乘黃鶴去 |
| <i>Thử địa không dư Hoàng Hạc Lâu.</i>   | 此地空餘黃鶴樓 |
| <i>Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản</i>  | 黃鶴一去不復返 |
| <i>Bạch vân thiên tải không du du...</i> | 白雲千載空悠悠 |

Người xưa cỡi hạc vàng bay mất  
Hoàng hạc lầu không còn chốn này.

Hạc vàng đi đã không về lại  
Mây trắng ngàn năm lơ lửng bay.

Người đọc có cảm giác Hoàng Hạc Lâu mộng mị ngay trước mắt, vì lúc này đọc giả đã không còn nhìn bằng con mắt trần tục nữa mà cả lầu Hoàng Hạc đã rạn vỡ trong hồn. Người đọc đang ở ngay trên lầu Hoàng hạc để thấy hàng cây lồng nắng quái bên bờ sông Hán Dương và bờ cỏ xanh mượt trên cồn Anh Vũ xa xa:

|   |         |
|---|---------|
| <i>Tinh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ</i> | 晴川歷歷漢陽樹 |
| <i>Phương thảo tê tê Anh Vũ châu.</i>     | 芳草萋萋鸚鵡洲 |
| Hán Dương sông tạnh cây lồng nắng         |         |
| Anh Vũ cồn xa cỏ thắm dày.                |         |

Và cùng lúc đó hình ảnh không gian cũng mờ nhạt để thấy con người giao cảm cùng đất trời thiên cổ. Nói theo ngôn ngữ hiện đại là vượt không gian để siêu việt chiều kích thời gian của ‘con người vũ trụ’ cảm thông với thiên cổ. Để rồi nhìn lại cõi nhân sinh “Trời tối quê nhà phương huyện mộng”.

|   |         |
|---|---------|
| <i>Nhật mộ hương quan hà xứ thị</i>     | 日暮鄉關何處是 |
| <i>Yên ba giang thượng sử nhân sầu.</i> | 煙波江上使人愁 |
| Trời tối quê nhà phương huyện mộng      |         |
| Trên sông khói sóng nào lòng ai.        |         |

\*

Đây cũng là điều chúng ta thâm nhập vào được cái hoài cảm của Đường thi, cái cảm hoài về cổ hươu, cỡi đi về. Mỗi cảm hoài của giới hạn con người trước không gian và thời gian vô cùng. Cái cảm hoài được biểu lộ qua một danh tác nổi tiếng khác của Trần Tử Ngang, Đăng U Châu Đài Ca: “Nhìn trước không người xưa - Nhìn sau không ai nữa - Ngắm trời đất mệnh mông - Thương mình mà lệ ứa”.

|                                  |        |
|----------------------------------|--------|
| <i>Tiền bất kiến cổ nhân</i>     | 前不見古人  |
| <i>Hậu bất kiến lai giả.</i>     | 後不見來者  |
| <i>Niệm thiên địa chi du du,</i> | 念天地之悠悠 |
| <i>Độc sảng nhiên nhi lệ hạ.</i> | 獨愴然而淚下 |

Nhưng thi nhân rồi cũng nhận ra cái hoài cảm thiên thu đó cuối cùng chỉ là cái tâm động giả của mình như trong kinh Phật kể chuyện chàng Nhã-đạt đi tìm cái đầu của mình. Không giải thích triết lý như kinh, không dùng ngôn ngữ ẩn dụ nhà thiền, Giả Đảo đã mở rộng ý tưởng đó để viết một cách nhẹ nhàng trong một bài thơ đơn giản nhưng chính bài thơ này đã làm biết bao con người từng sống

nhiều năm trên đất khách sao xuyên khi luôn luôn cùng chung tâm sự tưởng nhớ cố hương nhưng khi có dịp trở về chốn xưa “Xuân đã qua và vườn xưa tàn úa - Người đã xa từ thủa tóc xanh bay” mới ngỡ ngàng nhận ra là chính nơi đất khách “tạm nương thân” cũng đã trở thành cố hương khác, mà chỉ khi trở về chốn cũ thì mới thấy cố hương xưa thật sự đã mất từ ngày xưa đó. “Tinh Châu làm khách đã mười thu - Thương nhớ đêm ngày phương cố hương - Đến nay có dịp qua sông cũ - Nhìn lại Tinh Châu cũng cố hương”.

*Khách xá Tinh Châu dĩ thập sương* 客舍并州已十霜  
*Qui tâm nhật dạ ức Hàm Dương.* 歸心日夜憶鹹陽  
*Vô đoan cánh độ Tang Càn thủy* 無端更渡桑乾水  
*Khước vọng Tinh Châu thị cố hương.* 卻望并州是故鄉

Một số “công thức” có mặt nhiều trong thơ Đường thì cũng không giản đơn. Cụ thể nhất là người ta có thể thấy cả một khuôn mẫu lớn về khuôn thơ “Lên cao - nhìn quanh - cảm nhận con người trong không gian bao la và thời gian vô cùng - và cuối cùng là cảm thán”. Có hàng trăm danh tác cùng viết theo khuôn mẫu này và nhiều khi còn dùng chung các tựa đề rất quen thuộc “Đăng Sơn ..” “Đăng Lâu ..” “Đăng Cao ..” Nhưng tại sao tất cả đều được mọi người yêu thích trong bao nhiêu thế hệ?

Bởi vì nói theo từ vựng thiền học, tất cả bài thơ danh tiếng này trong một khuôn mẫu này đều là “hoạt cú”, những lời sống động từ kinh nghiệm thực chứng của thành tựu cá nhân chứ không phải là “tử ngữ” của lối văn chương công thức đóng khuôn “điền vào chỗ trống”. Cho nên các “khuôn mẫu” này luôn luôn sống động mà theo thuật ngữ nhà thiền người ta gọi là “nhất hồi niệm xuất nhất hồi tân” (一回拈出一回新), mỗi lần đưa ra là đều mới mẻ, như các công án thiền danh tiếng quen thuộc; nhưng ở trong tay các *tác gia* thì mỗi lần đưa ra lập lại đều sống động và trong suốt như chưa từng có. Hai bài “Lên lầu Hoàng Hạc” và “Lên đài U Châu” ở trên đã cho ta thấy sự biến hóa sinh động của “công thức lên lầu,” nhưng ta hãy đọc thêm bài “Từ Hoàng Hạc Lâu tiễn Mạnh Hạo Nhiên xuôi Quảng Lăng” để thấy rõ hơn. Lý Bạch cũng lên lầu Hoàng Hạc dõi theo cánh buồm lẻ loi của cố nhân mất hút trong sông nước Trường giang.

*Cố nhân tây từ Hoàng Hạc Lâu* 故人西辭黃鶴樓  
*Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu.* 煙花三月下揚州  
*Cô phàm viễn ảnh bích không tận* 孤帆遠影碧空盡  
*Duy kiến Trường giang thiên tế lưu.* 惟見長江天際流

(Cố nhân từ Hoàng Hạc Lâu phía tây xuôi về Dương Châu giữa mùa hoa sương khói tháng ba. Một cánh buồm lẻ loi giữa trời xanh mênh mông. Rồi chỉ thấy sông dài chảy đến tận chân trời xa)

Cũng như nhiều người thường nói về phép đối của Đường thi đây công thức cứng nhắc kiểu thiên/địa sơn/thủy hoa/điểu ... mà không thấy nét tinh diệu biến hóa của thủ pháp này. Như “*Phù vân du tử ý / Lạc nhật cố nhân tình.*” (浮雲游子意 / 落日故人情). Ở đây không đơn giản chỉ là đối chữ “mây nổi” đối với “trời tà”,

“ý người ra đi” đối với “tình kẻ ở lại” mà còn bao gồm cả một quan điểm vũ trụ không gian (mây bay đi và trời ở lại) giữa con người heo hút nhỏ bé và sông núi mênh mông, tương quan giữa tĩnh và động (ở lại và ra đi) diễn tả cái nhỏ bé mong manh của thân phận con người trước trời đất mênh mông mà vẫn lồng trong hình ảnh đẹp đẽ man mác của cảnh biệt ly:

*Thanh sơn hoành bắc quách,* 青山橫北郭  
*Bạch thủy nhiễu đông thành.* 白水繞東城  
*Thử địa nhất vi biệt,* 此地一為別  
*Cô bông vạn lý chinh.* 孤蓬萬里征  
*Phù vân du tử ý,* 浮雲游子意  
*Lạc nhật cố nhân tình.* 落日故人情  
*Huy thủ tự tư khứ,* 揮手自茲去  
*Tiêu tiêu ban mã minh.* 蕭蕭班馬鳴

(Rặng núi xanh vắt ngang thành ngoài phía bắc. Dòng sông trắng lượn quanh thành trong phía đông. Đất này một lần chia tay. Cô bông vạn dặm xa bay. Đám mây nổi là ý kẻ ra đi. Ánh nắng chiều tà là tình người bạn cũ. Bạn vẫy tay rồi ra đi. Tiếng ngựa lia đàn nghe thê lương.)

Hình ảnh tuyệt đẹp, núi xanh với vợ sông dài mênh mông giữa trời hoàng hôn. Ý tưởng trang trọng mà thâm sâu. Ngôn từ chọn lựa tuyệt khéo không một chữ dư thừa. Nhưng bài thơ còn được gọi là thơ thiền vì thiên vị của nó. Thiên vị của bài thơ là dù nói cảnh chia ly tan hợp vô thường của kiếp người của quy luật sinh tử thành hoại nhưng cũng cho thấy rõ bản chất chân như thường hằng như sông núi ngàn năm “thanh sơn y cựu tại” như của tấm lòng cố nhân. Vì vậy ý thơ trầm trầm man mác mà không bi thảm.

\*

Nhưng thơ thiền cũng không chỉ là những bài thơ tiêu sái. Ta hãy đọc lại bài “thơ tình” của Thôi Hộ. Một bài thơ không những làm say mê người đọc từ mười ba thế kỷ mà cũng đã tạo ra biết bao huyền thoại thần tiên:

*Khứ niên kim nhật thử môn trung,* 去年今日此門中  
*Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.* 人面桃花相映紅  
*Nhân diện bất tri hà xứ khứ,* 人面不知何處去  
*Đào hoa y cựu tiếu đông phong.* 桃花依舊笑冬風

Năm ngoài ngày này tại cửa đây  
Đào hoa má đỏ sắc đua hồng.  
Má đỏ người đi phương nào mất  
Chỉ thấy hoa đào bỡn gió đông.

Đã có bao bản dịch về bài thơ này, đã có bao nhiêu bài bình luận về bài thơ này, nhưng dường như chúng ta đều thấy không giải thích được ma lực của bài thơ. Ở đây chúng ta hãy so sánh với một bài thơ quen thuộc khác:

*Xuân khứ bách hoa lạc* 春去百花落  
*Xuân đáo bách hoa khai.* 春到百花開  
*Sự trục nhãn tiền quá* 事逐眼前過  
*Lão tòng đầu thượng lai.* 老從頭上來  
*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận* 莫謂春殘花落盡  
*Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.* 庭前昨夜一枝梅  
Xuân đi trăm hoa rụng.

Xuân đến trăm hoa khai.  
 Trước mắt việc đi mất  
 Trên đầu già đến thay.  
 Chờ bảo xuân tàn hoa rụng hết  
 Đêm qua sân trước một cành mai.

\*

Có lẽ hai câu cuối của Mãn Giác đã giải mã được phần nào cái ma lực của bài thơ Thôi Hộ. Thiển nhân chấp nhận thời gian biến dịch vô thường xuân sinh hạ trưởng thu liễm đông tàn. Nhưng thiển nhân không sợ hãi cái sinh lý tử biệt vô thường vì thâm hiểu được chân lý tính không trong diễn trình nhân duyên sanh khởi của vạn tượng và thể chứng được chân diện mục miền viễn tự tại trước đối thay vô thường của mọi hiện tượng qua hình ảnh một đóa mai vẫn rạng rỡ tươi thắm giữa sân.

Với Thôi Hộ, người đẹp năm trước dù đã ra đi ở một phương trời nào đó thì em vẫn trong tôi, trước mắt, lóng lánh dưới nắng xuân miền viễn của "mùa xuân thường trụ trong tà áo xanh." Vì vậy cái ma lực của bài thơ không phải chỉ là thuần túy hình ảnh đẹp của "thiên đàng đã mất" trong ngõ gác "nhân diện bất tri hà xứ khứ" mà đã được thi nhân thặng hoa vào thế giới tự tại của "đào hoa y cựu tiếu xuân phong."

Thiển nhân không phủ nhận thế giới tự nhiên của không gian và thời gian, của tương quan con người và thiên nhiên, của chủ thể và thế giới tình cảm sắc màu ước lệ đã tạo thành cả thế giới sum la vạn tượng mà con người đang sống, nhưng luôn luôn siêu việt và thặng hoa. Như Trúc Lâm Đầu Đà chỉ về già mới an trụ thanh thân trước mọi biến dẫu vô thường "nay đà khám phá chân xuân diện - nệm cỏ ngồi yên ngắm trụ hồng."

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không  
 Nhất xuân tâm tại bách hoa trung.  
 Như kim kham phá đông hoàng diện.  
 Thiển bản bồ đoàn khán trụ hồng.  
 Tuổi trẻ chưa từng hiểu sắc không  
 Xuân sang lòng tại vạn hoa hương.  
 Nay đà thấu hiểu chân xuân diện  
 Nệm cỏ băng thiền ngắm trụ hồng.

\*

Và chỉ có được cái tâm thiển thường trụ đó mới có thể nhận ra nụ cười hóm hỉnh của ông già Hạ Tri Chương khi về làng cũ thấy bạn bè quen biết thời trẻ không nhận ra mình mà còn cười hỏi khách từ đâu đến làng:

Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi,  
 Hương âm vô cải mấn mao tồi.  
 Nhi đồng tương kiến bất tương thức,  
 Tiểu vấn khách tòng hà xứ lai?  
 Đi thưa còn thơ già trở về  
 Giọng quê không đổi tóc pha sương.  
 Trẻ từng quen biết nay không nhớ  
 Cười hỏi từ đâu khách đến làng?

Hạ Tri Chương rời làng khi tóc còn xanh, trở về khi tóc bạc trắng xóa. Đó là một hay là hai người? Thi nhân cười trên lễ biến dịch và thiển nhân thì tự tại với vô thường.

#### Chú thích:

1. Tâm nhãn: Đây không phải là cách nói văn chương mà theo quan điểm Phật giáo con người ở cảnh giới cao hơn như khi thiền định không chỉ nhìn sự vật bằng mắt mà nhìn bằng tâm. Theo khoa học thì hình ảnh thị giác chỉ là ảnh của ánh sáng qua trung gian của thấu kính mắt và các tế bào thần kinh, tất nhiên không sâu sắc và trực tiếp bằng tâm nhãn. ■

## CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2012

**Một độc giả** : 81 cuốn/kỳ  
**Ô. Lâm Hoàng Lộc**, NS. Trí Tuệ : 50 cuốn/kỳ  
**Ô. Vũ Châm**, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ  
**Ô. Phạm Văn Nga** : 37 cuốn/kỳ  
**Bà Huỳnh Kim Lưu** : 30 cuốn/kỳ  
**Nhà hàng Tib**, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ  
**PT Chánh An & Chơn Hòa** : 14 cuốn/kỳ  
**Cư sĩ Lương Trung Hiếu** : 12 cuốn/kỳ  
**Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải**,  
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ  
**Cô Nga** : 10 cuốn/kỳ  
**Cô Cẩm Hà (USA)** : 10 cuốn/kỳ  
**PT. Tâm Hiến, Tâm Hoa (USA)** : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Văn Cát Tiên** : 10 cuốn/kỳ  
**Ô Huỳnh Văn Lộc**, Q. BT : 10 cuốn/kỳ  
**Tác giả Miền Ngoc** : 10 cuốn/kỳ  
**Nhà sách Thái Hà** : 10 cuốn/kỳ  
**Bà Lý Thu Linh** : 9 cuốn/kỳ  
**Phật tử Diệu Định** : 8 cuốn/kỳ  
**Hồng Phúc & Xuân An** : 6 cuốn/kỳ  
**Bà Tôn Nữ Thị Mai**, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2012, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

**Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan** : 5 cuốn/kỳ  
**Ô. Nguyễn Mạnh Hùng**,  
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ  
**Cửa hàng Tâm Thuận** : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Tú Oanh**, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ  
**Ô/Bà Nguyễn Văn Bản**, USA : 5 cuốn/kỳ  
**Phật tử Trương Trọng Lợi** : 5 cuốn/kỳ  
**Ô. Lê Xuân Triêu**, Q. BT : 5 cuốn/kỳ  
**Phật tử Nguyễn Thị Hoa** : 7 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Hòa** : 4 cuốn/kỳ  
**Ô. Võ Ngọc Khôi** : 4 cuốn/kỳ  
**Bà Trần Thị Bích Trâm** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Lê Tự Phương Thúy** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Lê Thị Thu Thanh** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Phạm Thị Kim Anh** : 3 cuốn/kỳ  
**Phật tử Diệu Ân** : 2 cuốn/kỳ  
**BBT www.thuongchieu.net** : 2 cuốn/kỳ  
**Chị Tuyền**,  
 CT TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ  
**Bà Kim Anh**, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Từ Minh** : 2 cuốn/kỳ

**BBT Viện khongtu.com** : 2 cuốn/kỳ  
 CT TNHH SXTM  
**Nén Hạnh Phúc**, Q. BT : 2 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh** : 2 cuốn/kỳ  
**CTy TNHH Thép Thiên Tâm** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Quảng Mỹ** : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Diệp Anh và Chị Ngân** : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Kim** : 1 cuốn/kỳ  
**Phật tử Chánh Hiếu Trung** : 1 cuốn/kỳ  
**Phật tử Bùi Quang Việt** : 1 cuốn/kỳ  
**Thầy Hạnh Thông**, TCPPH ĐN : 1 cuốn/kỳ  
**CTy Dược phẩm Phúc Thiện** : 1 cuốn/kỳ  
**Chị Kiều Oanh** : 1 cuốn/kỳ

**Tổng số bảo tặng kỳ này: 483 cuốn**  
 Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**  
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

**Ban Biên tập**

# Tâm buông xả là tâm an lạc

VÂN NGỌC

**K**inh Phật cho chúng ta biết rằng có ba hình thái cảm thọ hay cảm giác phát sinh liên quan đến sinh hoạt xúc chạm hàng ngày của con người. Đó là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ hay cảm giác khả ý, cảm giác bất khả ý và cảm giác khả ý bất khả ý. Thông thường, ba loại cảm thọ hay xúc cảm này phát sinh tùy thuộc vào tính chất sự xúc chạm giữa các căn và các trần. Nếu mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khả ái thì lạc thọ hay cảm giác khả ý phát sinh, nếu chúng tiếp xúc với các đối tượng không khả ái thì khổ thọ hay cảm giác bất khả ý phát sinh, nếu tiếp xúc với các đối tượng khả ái không khả ái thì bất khổ bất lạc thọ hay cảm giác khả ý bất khả ý phát sinh.

Có thể hiểu rằng con người là sinh vật sống theo cảm xúc, biểu lộ và phản ứng tùy thuộc cảm xúc, bị thôi thúc bởi cảm xúc; do đó cảm thọ hay cảm xúc đóng vai trò rất lớn trong đời sống con người. Nó dẫn dắt và chi phối hầu như toàn bộ cuộc đời con người bởi tính chất gắn kết đặc biệt của nó trong cơ cấu vận hành của con người hay ngũ uẩn. Cảm thọ là các hiện tượng duyên sinh, sinh khởi do

duyên xúc chạm, thường xuyên thay đổi, nhưng nó tác động rất lớn lên đời sống tinh thần hay tâm thức của con người. Nó khiến cho tâm thức con người không ngừng quay cuồng trong tư thế luôn luôn phản ứng dao động, biểu hiện qua việc khao khát tìm cầu (lạc thọ) hoặc phản kháng bực bội (đối với khổ thọ) hoặc mê mờ thụ động (đối với bất khổ bất lạc thọ). Theo quan điểm của đạo Phật, sự phản ứng của tâm thức trước các sự kiện xúc chạm hay thói quen tìm cầu lạc thọ, phản kháng khổ thọ hay vô thức đối với bất khổ bất lạc thọ chính là lý do khiến cho tập khí tham, sân, si dấy khởi và tăng trưởng, cũng có nghĩa là khổ đau sinh khởi và tăng trưởng. Tâm càng phản ứng hoặc quay cuồng theo cảm thọ thì tham, sân, si càng có điều kiện tăng trưởng. Luận về nguồn gốc khổ đau do duyên xúc chạm hay do sự phản ứng mê mờ của tâm thức đối với các cảm thọ dẫn đến tham, sân, si dấy khởi và tăng trưởng, Đức Phật nêu rõ:

*"Này các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước. Tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy. Vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra. (Tương tự như trên, do duyên tai và do duyên các tiếng, do duyên mũi và do duyên các hương, do duyên lưỡi và do duyên các vị, do duyên thân và do duyên các xúc, do duyên ý và do duyên các pháp)"<sup>1</sup>.*

Như vậy, sự mê mờ về tính chất duyên sinh, vô thường của cảm thọ hay thói quen phản ứng của tâm thức đối với các cảm giác phát sinh do duyên xúc chạm giữa các căn và các trần chính là lý do khiến cho tham, sân, si - gốc rễ của khổ đau - sinh khởi và tăng trưởng. Từ đây, luận đề giải thoát khổ đau tiếp tục được nêu ra. Nếu lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ phát sinh mà không động tâm, không phản ứng dao động, hoặc đam mê thích thú hoặc giận dữ bực phiền hoặc mê mờ thụ động, thì bấy giờ tham, sân, si - cội rễ của khổ đau - không có lý do sinh khởi và tăng trưởng. Đây chính là hướng đi của tâm giải thoát, hướng đi của trí tuệ, hướng đi của sự nhận thức và quán sát thường xuyên về tính chất duyên sinh, không thường hằng của cảm thọ dẫn đến việc buông bỏ thói quen phản ứng đối với các loại cảm xúc. Không phản ứng hay tâm không

duyên theo các cảm thọ thì tham, sân, si không có lý do sinh khởi và tăng trưởng. Đức Phật xác nhận:

*"Này các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ, mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ, mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra. (Tương tự như trên, do duyên tai và do duyên các tiếng, do duyên mũi và do duyên các hương, do duyên lưỡi và do duyên các vị, do duyên thân và do duyên các xúc, do duyên ý và do duyên các pháp)"<sup>2</sup>.*

Nhìn chung, cảm thọ là hiện tượng tâm thức, phát sinh do duyên xúc chạm giữa các căn và các trần. Nó gắn kết mật thiết với đời sống của mỗi cá nhân đến độ mọi hoạt động của con người hầu như là sự biểu hiện và thôi thúc của cảm thọ. Nó kích thích và tạo nên các trạng huống đối cực trong đời sống con người như thích thú hay không thích, hài lòng hay bất mãn, vui hay buồn, sướng hay khổ, thương hay ghét. Nó đưa đẩy con người trôi dạt từ thái cực này sang thái cực khác trong thế giới của những cảm xúc bấn loạn, khiến cho con người cứ mãi quay cuồng, không tỉnh táo, không sáng suốt, không yên ổn. Vì cảm thọ là hiện tượng duyên sinh, biến đổi liên tục; do đó con người (chủ thể xúc cảm) cũng được thấy hầu như thay đổi thường xuyên hoặc có những "biểu hiện thất thường". Tất cả là do duyên cảm thọ hay do hệ quả của sự mê mờ chạy theo cảm xúc. Vì vậy, sự hiểu biết đúng đắn về cảm thọ là cơ sở khiến cho tâm trở nên tỉnh táo, sáng suốt, bớt quay cuồng, bớt phản ứng, bớt rơi vào các đối cực, cũng đồng nghĩa là con người dần dần thoát khỏi mọi hệ lụy khổ đau do không còn quay cuồng mê đắm trong thế giới rối loạn của các xúc cảm sai biệt. Kinh Phật đề nghị giải pháp nhìn nhận và xử sự thế này đối với các loại cảm thọ<sup>3</sup>:

*"Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo do mắt thấy sắc, khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. Nhưng cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả". Cho nên, dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy, và xả tồn tại. Này Ananda, như một người có*

mắt, sau khi mở mắt, lại nhắm mắt lại, hay sau khi nhắm mắt, lại mở mắt ra; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy, và xả tồn tại.

Lại nữa, này Ânanda, Tỷ-kheo do tai nghe tiếng khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: “Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. Nhưng cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả”. Cho nên dẫu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý, hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy, và xả tồn tại. Này Ânanda, như một người lực sĩ có thể búng tay một cách dễ dàng; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy và xả tồn tại.

Lại nữa, này Ânanda, Tỷ-kheo do mũi ngửi hương khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: “Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. Nhưng cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả”. Cho nên dẫu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy, và xả tồn tại. Này Ânanda, như những giọt nước mưa chảy trượt đi, không có đọng lại trên một lá sen hơi chúc xuống; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy và xả tồn tại.

Lại nữa, này Ânanda, Tỷ-kheo do lưỡi nếm vị khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: “Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. Nhưng cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả”. Cho nên dẫu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý, hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy, và xả tồn tại. Này Ânanda, như một người lực sĩ có thể nhổ ra một cách dễ dàng cục đờm đọng lại trên đầu lưỡi; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy và xả tồn tại.

Lại nữa, này Ânanda, Tỷ-kheo do thân cảm xúc khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: “Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. Nhưng cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả”. Cho nên dẫu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy, và xả tồn tại. Này Ânanda, ví như một người có thể đuổi ra cánh tay được co lại của mình, hay co lại cánh tay đuổi ra của mình; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã

khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy và xả tồn tại.

Lại nữa, này Ânanda, Tỷ-kheo do ý nhận thức các pháp khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: “Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. Nhưng cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả”. Cho nên dẫu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy, và xả tồn tại. Này Ânanda, như một người cho nhỏ hai ba giọt nước trong một cái chậu bằng sắt đun nóng cả ngày, các giọt nước rơi rất chậm nhưng chúng bị tiêu diệt, biến đi rất mau; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt trong vị ấy và xả tồn tại”.

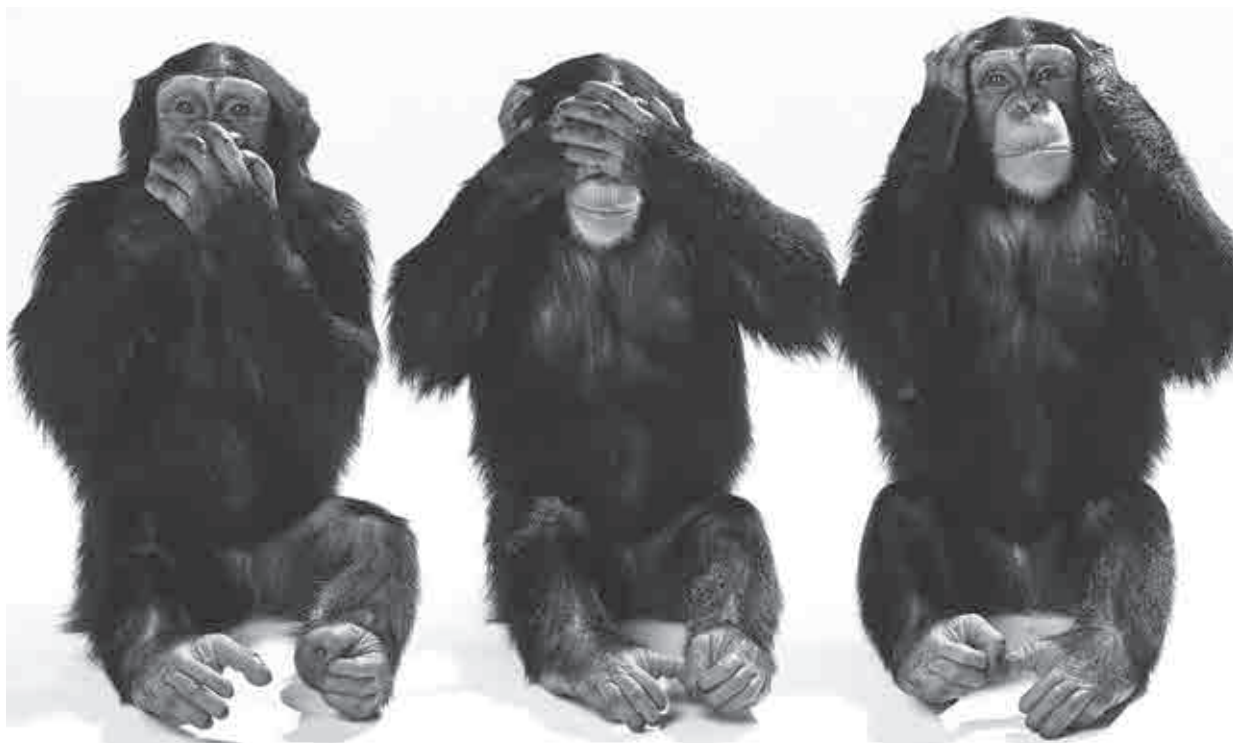
Phật nói đến tâm buông xả như là cách thức vượt qua mọi tác động và ảnh hưởng của cảm thọ. Đó là thái độ sáng suốt đưa đến an lạc. Xả là trạng thái tinh táo, trong sáng, bình thản, không thiên vị của tâm, phát sinh nhờ kết quả nội quán, thấy rõ các cảm thọ (các hiện tượng) là duyên sinh, hữu vi, vô thường, khổ, vô ngã dẫn đến việc buông bỏ tâm ái luyến, phản kháng, cố chấp đối với các cảm thọ. Đó là công năng hay kết quả của trí tuệ, phát sinh nhờ chuyên tâm hành trì chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Nói cách khác, đó chính là trạng huống của tâm giải thoát, được thành tựu nhờ công phu thiền quán kiên trì và sâu sắc, thấy rõ lý sinh diệt, nhận ra tính chất hữu vi, vô thường, bất an của cảm thọ đưa đến cảm thức nhàm chán, ly tham, buông bỏ mọi cảm xúc, không còn tìm cầu, phản ứng hay nắm giữ bất kỳ ý tưởng hay cảm thức nào liên hệ đến sự xúc chạm. Trong phần giảng dạy cho du sĩ Dighanakha, Thế Tôn xác chứng về công năng thiền quán các cảm thọ dẫn đến tâm ly tham, buông xả, giải thoát, an lạc:

“Này Aggivessana, lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt. Này Aggivessana, khổ thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt. Này Aggivessana, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt. Thấy vậy, này Aggivessana, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly lạc thọ, yếm ly khổ thọ, yếm ly bất khổ bất lạc thọ. Do yếm ly, vị ấy không có tham dục. Do không tham dục, vị ấy được giải thoát. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát”. Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm. Sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa”<sup>4</sup>.

#### **Chú thích:**

1. Kinh Sáu sáu, Trung Bộ.
2. Kinh Sáu sáu, Trung Bộ.
3. Kinh Căn tu tập, Trung Bộ.
4. Kinh Trường Trảo, Trung Bộ. ■





# Đánh, đánh, chớ đánh quá

TÁN NGHĨA

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, Bạc Đạo sư đã kể lại về một Tỷ-kheo khó bảo.

“Khó bảo” có nghĩa là “bảo không nghe”.

Anh X. thích chat với bạn, mỗi ngày tốn vài tiếng đồng hồ để chat. Có người bảo thôi đừng chat nữa, còn có việc cần làm. Tuy vậy X. vẫn không nghe. Đó gọi là “khó bảo”. Chị Y. xây nhà, có người bảo “chị thiết kế nhà như vậy không thoáng, nóng lắm”. Chị không nghe, cuối cùng nhà nóng thật. Ngược với người “khó bảo” là người “dễ bảo”. Đó là người ít phản ứng, ít giận dữ, ít buồn bã khi người nghe người khác góp ý, chỉ lỗi của mình, cho dù người đó nhỏ tuổi hơn, có địa vị thấp hơn mình. Khi nghe được sự góp ý, người đó suy nghĩ nghiêm túc về nó để đưa ra quyết định của mình. Tuy nhiên, có người tỏ ra dễ bảo vì mục đích có được lợi lạc về tiền bạc, quyền lực, danh vọng,... Nếu không có những điều đó thì trở thành không dễ bảo. Muốn là người dễ bảo thì cần phải:

- Không có tham muốn xấu xa.
- Không chê bai người khác.

- Không nổi nóng, tức giận, oán hận, chửi mắng khi bị vạch lỗi.

- Không cãi lại, không “lý do lý trấu” khi bị vạch lỗi.

- Không tránh né khi được chỉ bảo.

- Không cứng đầu, khăng khăng bảo vệ ý kiến của mình.

- Không giấu lỗi, không chối lỗi.

- Không đòi co đòi hỏi chứng cứ (mặc dù biết mình có lỗi).

- Không vạch lỗi tương tự của người khác để phân bì, ganh tỵ.

- Không nghe lỗi rồi để đó.

- Vui mừng, phấn khởi khi được chỉ lỗi.

- Nghe một cách kính trọng.

- Nhớ ơn người chỉ lỗi.

Việc “khó bảo” tạo ra kết quả xấu:

- Bị nhiều người ghét bỏ vì ý kiến của họ không được xem trọng.

- Các vị có tri thức tốt lành không chịu dạy bảo.

- Các sai lầm kéo dài và làm cho điều xấu dễ tăng trưởng.

- Không yên ổn sung sướng.

- Không có trí tuệ.

*Bậc Đạo sư hỏi Tỳ-kheo ấy: ‘có thật chăng người là người khó bảo’. ‘Thưa có thật, bạch Thế Tôn’. Bậc Đạo sư nói: ‘không phải chỉ nay người mới khó bảo, trong quá khứ, người cũng đã khó bảo rồi. Nói vậy xong, Bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.*

*Thuở xưa, khi vua Bramadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm người đánh trống, sống ở làng. Được nghe có lễ tế các vì sao ở Ba-la-nại, người đánh trống nghĩ rằng: ta sẽ đánh trống cho quần chúng tụ hội và sẽ được tiền. Nghĩ vậy, người ấy đem con đi theo đến Ba-la-nại. Tại chỗ ấy, hai cha con đánh trống và được nhiều tiền.*

*Mang theo tiền, trên đường về làng của mình, phải đi qua một ngôi rừng có ăn cướp. Người con miên man đánh trống. Người cha bảo: ‘Này con thân, chớ có đánh trống như vậy. Chỉ đánh từng hồi một thôi, như trống của một chủ tướng vậy mà.’*

Sự “dễ dạy bảo” có ba giai đoạn là *lắng nghe, suy nghĩ và hành động*. Quá trình được nói theo danh từ Phật học Hán-Việt là “văn, tư, tu”. Giai đoạn một là “lắng nghe”. Theo danh từ Hán-Việt, “nghe” được gọi là “văn”. Chữ “văn” này xuất hiện trong câu “như thị ngã văn” (như vậy tôi nghe) ở đầu các kinh Phật. “Lắng nghe” trong tiếng Việt gồm chữ “lắng” có nghĩa là “để yên cho cận bã chìm xuống dưới đáy”. “Lắng lòng” có nghĩa là không tạo ra các suy nghĩ mới và không tiếp xúc cho các suy nghĩ đang hoạt động. Trong sự lắng lòng có cả sự ổn định của suy nghĩ. Chữ “nghe” ở đây có nghĩa là thu nhận thông tin bằng âm thanh qua tai. Như vậy sự lắng nghe là sự tiếp nhận đầy đủ thông tin trước khi xử lý. Khi lắng nghe, người nghe cần im lặng và tiếp nhận đầy đủ âm thanh qua tai. Trong lúc lắng nghe không có sự phán xét thẩm “điều này đúng, điều này sai, điều này ta không nghe...” cũng không có sự đánh giá về tư cách, về thái độ người nói. Để lắng nghe, cần phải:

- Duy trì sự ổn định của suy nghĩ. Tránh để không suy nghĩ việc khác, không vừa nghe vừa làm việc khác, không vừa nghe vừa nhìn đồng hồ...

- Để người đối thoại được nói thoải mái hết suy nghĩ của họ. Tránh việc ngắt lời người đối thoại để chen ý kiến mình vào (không “nhảy xổ vào mồm người khác”).

- Không nên suy đoán về suy nghĩ của người đối thoại, tùy tiện áp đặt cách diễn giải ý nghĩa lời nói của người đối thoại để suy diễn.

- Cần phải chú ý quan sát điệu bộ, hành vi của người nói để hiểu rõ thêm về những điều mà người đó không nói hết ý.

- Đặt câu hỏi để hiểu rõ nghĩa nội dung của người nói.

Phật học thường nói đến ba thái độ nghe:

- Như bình bị lật úp: không nghe ý kiến người khác vì trong lòng đầy những suy nghĩ riêng.

- Như bình bị vỡ: điều người khác nói không lưu lại được chút gì. Đức Phật còn đưa ra một ví dụ khác: Những người có thái độ nghe như vậy giống như để đồ ăn trên bếp về lúc ngổi. Khi đứng lên thì đồ ăn đó bị hất

đổ ngay lập tức.

- Như bình rỗng để đúng chuẩn: điều người khác nói được ghi nhận đầy đủ, không sót một ý nào.

Trong câu chuyện, chàng trai trẻ này nghe lời nhắc nhở của người cha khi đang đánh trống liên hồi. Do đó anh ta gần như chẳng để tâm đến lời người cha nói.

*Dầu bị cha ngăn, đứa con nói: ‘với tiếng trống ta sẽ đuổi chạy bọn cướp’.*

Sau giai đoạn lắng nghe đến giai đoạn thứ hai là suy nghĩ. Tiếng Hán-Việt của suy nghĩ là “tư”. Trong giai đoạn này, các ý kiến được đem ra suy nghĩ, phân tích cẩn thận. Có khi người góp ý nói đúng, khi đó cần phải theo ý kiến người góp ý. Chính vì thế mà người thực hiện được gọi là “dễ bảo”. Nhưng cũng có khi người góp ý nói không đúng, khi đó không cần phải tuân theo điều góp ý. Vì thế, người “dễ bảo” không phải là người ai nói gì cũng làm theo. Cần phải có sự phân tích các ý kiến. Khi suy nghĩ, điều nguy hại nhất là người phân tích có các suy nghĩ sai. Khi đó, các phân tích sẽ trở nên sai lạc. Nguy hại nhất là có những lý luận có vẻ có lý nhưng trong thực tế không áp dụng được. Sự nhận xét đúng đắn sẽ không có trong trường hợp này mặc dù đã lắng nghe đầy đủ. Trong câu chuyện, khi được người cha bảo ban, chàng trai đã không lắng nghe. Khi nghe xong, do suy nghĩ “với tiếng trống ta sẽ đuổi chạy bọn cướp”, nên chàng trai đã phân tích sai lạc lời góp ý, cho rằng lời nhắc nhở của cha là sai. Thậm chí, đối với anh ta, việc không đánh trống liên tục còn là điều nguy hiểm, vì anh cho rằng ăn cướp sợ tiếng trống. Nếu không đánh trống thì cướp sẽ xuất hiện. Đó là “suy luận khoa học” của người con.

*Do vậy nó tiếp tục đánh trống liên hồi.*

Sau giai đoạn suy nghĩ đến giai đoạn điều chỉnh hành động. Tiếng Hán-Việt gọi là “tu”, nghĩa là chỉnh sửa. Sau khi lắng nghe đầy đủ, suy nghĩ phân tích một cách đúng đắn thì bắt tay vào chỉnh sửa. Trong câu chuyện, người con không chỉnh sửa gì cả, tiếp tục đánh trống vì anh ta không lắng nghe và không cho rằng cha mình nói đúng.

*Bọn cướp ban đầu nghe tiếng trống, nghĩ là tiếng trống của vị chủ tướng, nên chạy trốn... Nhưng khi nghe tiếng trống cứ liên hồi, biết không phải là tiếng trống của vị chủ tướng, chúng liền quay lại tìm hiểu. Thấy chỉ có hai người, chúng liền xông ra đánh cướp hết cả.*

Hậu quả của việc “khó bảo” xảy ra ngay lập tức. Chẳng những nó làm hại cho người “khó bảo” mà còn gây hại cho cả những người khác.

*Người cha than: ‘vì người đánh trống liên hồi nên làm mất tất cả tiền mà chúng ta đã cực nhọc kiếm được’. Nói xong, người cha đọc bài kệ:*

*Đánh, đánh, chớ đánh quá!*

*Đánh quá thành không tốt.*

*Do đánh được của tiền,*

*Do đánh liền mất hết.*

*Bậc Đạo sư, sau khi kể lại pháp thoại này, đã kết hợp hai câu chuyện, nhận diện tiền thân như sau: ‘Lúc bấy giờ, đứa con trai là Tỳ-kheo khó bảo. Còn người cha là Ta vậy.’ ■*



# Đâu là cửa Phật

HOÀNG TÁ THÍCH

**M**ột lần tôi hỏi một người rất thường hay nói chuyện về đạo Phật: “Phật giáo dạy cho anh những gì?”. Sau một lúc suy nghĩ, anh bạn trả lời: “Sự giác ngộ”.

Tôi hỏi: “Vậy sự giác ngộ đã giúp anh điều gì trong cuộc sống hiện tại?”.

Trả lời: “Sự giải thoát”.

Anh bạn tôi - tôi gọi là anh bạn, nhưng thực ra không phải là một người bạn thân, mà chỉ là một người quen biết nhiều - lâu nay thường lên chùa lễ Phật, đi nghe các vị Tăng Ni thuyết pháp và đọc sách Phật giáo khá nhiều. Anh rất hãnh diện với những người chung quanh vì những hiểu biết về Phật pháp. Thực sự theo nhận xét của tôi, anh có

nhều thay đổi theo chiều hướng rất tốt từ ngày cảm thấy mình là một Phật tử chân chính, đã có một pháp danh sau khi thụ lễ quy y. Tuy nhiên, những câu trả lời của anh khiến tôi nghi ngờ sự hiểu biết thực tiễn về Phật giáo của anh. Những từ “giác ngộ”, “giải thoát”,... rất kêu, rất đúng nhưng hơi cao siêu đối với kiến thức về Phật giáo của anh, tôi có thể quả quyết như thế, vì khi tôi nói về bốn chữ “thân tâm an lạc”, làm thế nào để có thể tìm đến sự thanh thản trong lòng như một sự ước muốn đạt đến của người theo Phật, thì anh cho là có vẻ tầm thường, không xứng tầm với câu hỏi: “Phật giáo đã dạy cho ta những gì?”.

Phần đông những người theo Phật, khi cảm thấy sợ hãi vì những đe dọa hiểm nguy quanh quất đâu đây thì

cũng đều niệm danh hiệu Quan Thế Âm để cầu sự che chở, và họ rất tin tưởng vào sự hộ trì của Ngài, nhưng có mấy ai hiểu được ý nghĩa của định lực vô úy lúc niệm lên danh hiệu đó đâu. Và lại, dù có hiểu được như thế, thì cầu cái uy lực của Ngài che chở thì vẫn thấy yên tâm hơn, vì Ngài là Phật, là Bồ-tát, là một đấng quyền năng.

Người Phật tử nào lại chẳng hiểu hai chữ vô thường, nhưng có mấy ai có thể tỉnh táo trước những mất mát của mình đâu. Mới đây một vị cao tăng có bệnh phải nhập viện. Vị cao tăng này tuổi hạc đã cao, và có một quá trình hoằng pháp đáng kính. Ngài rất nổi tiếng và có đông đảo đệ tử khắp bốn phương. Vị bác sĩ chữa trị cho ngài thú nhận là đã bị một áp lực quá lớn vì những Phật tử, đệ tử của Ngài nói với ông là làm thế nào cũng phải chữa khỏi bệnh. Khó cho ông ta làm sao. Thiên chức của bác sĩ là chữa cho bệnh nhân, vua quan, giàu nghèo đều như nhau, cũng là bệnh nhân. Có ông bác sĩ nào lại không muốn chữa cho lành bệnh, nhưng nếu căn bệnh nào không thể chữa được thì ông trời cũng đành bó tay thôi. Không biết bệnh tình của vị cao tăng kia ra sao, nhưng chắc chắn là ngài không bao giờ nói với bác sĩ một điều như thế, vì hơn ai hết, Ngài đã hiểu cái lẽ vô thường một cách sâu xa. Nhưng nếu những Phật tử đệ tử gây áp lực cho người bác sĩ kia, thì thử hỏi họ đã học được gì ở Ngài. Đức Phật còn phải nhập diệt thì nói chi đến người thường, sao còn phải yêu cầu một điều hết sức vô lý với viên bác sĩ kia?

Những người nghiên cứu về đạo Phật thường cho rằng Phật giáo không hẳn là một tôn giáo, vì không có một đấng thần linh đầy quyền năng để ban phước cho giáo đồ, mà Đức Phật chỉ là người chỉ đường cho chúng ta đi đến tự giải thoát mà thôi. Những lời Phật dạy chỉ là những chỉ dẫn cho Phật tử để đi theo con đường tu tập, tuy nhiên rất nhiều người nhìn Đức Phật như một đấng thần linh, nên chỉ nghĩ đến sự ban ơn che chở của Đấng Thế Tôn quyền năng đó mà thôi. Họ không thấu hiểu được sâu xa những lời Phật dạy mà chỉ biết tôn sùng Ngài. Đối với chư Tăng cũng thế. Phật tử nào cũng hiểu chư Tăng như người đại diện của Đức Phật để truyền Pháp của Ngài lại cho chúng sanh, vì vậy mà người theo Phật luôn luôn trọng Tăng. Đối với những vị cao tăng thì Phật tử lại càng kính trọng và cũng tôn sùng như thần thánh. Đó là một điểm tốt và cũng là điểm không tốt đối với Phật giáo. Tốt là vì quan điểm đó đơn giản đối với những người theo Phật chưa thấm nhuần giáo lý, nhưng đã có tâm Phật. Tốt là vì tinh thần trọng Tăng như trọng Phật. Không tốt vì như thế, người Phật tử cũng vô hình chung, đã bị mù quáng, đôi khi có thể cuồng tín như những tôn giáo khác.

Triết lý Phật giáo rất cao siêu vi diệu cho những người có trình độ, nghiên cứu để tìm ra con đường giải thoát, những khai ngộ về tâm linh trong đời sống hằng ngày cho chính bản thân mình. Hiểu được luân hồi để biết quý trọng đời sống hiện tại, sống tốt để nghĩ đến đời sau. Hiểu được vô thường để tự giải thoát bớt những ham muốn vật chất, có thể tránh đi vào con đường lầm

lạc. Luân hồi và vô thường thì dễ hiểu nhưng khó ngộ được cái lẽ thâm sâu của nó. Hiểu rõ rồi đấy, nhưng khi mất mát lại vẫn thấy khổ đau bi lụy. Mất mát vật chất thì cũng còn có thể tái tạo lại được, nhưng mất mát về tình cảm thì vô cùng khó khăn.

Phật giáo cũng dạy chúng ta những từ Từ, Bi, Hỷ, Xả. Những điều này nghe thì đơn giản hơn, dễ hiểu hơn, chỉ cần có độ lượng để tha thứ và chúng ta luôn luôn nghĩ có thể thực hiện được, nhưng thực tế cũng không phải dễ dàng gì. Tha thứ, bỏ qua, nói thì dễ, nhưng làm được không phải là đơn giản, bởi con người luôn luôn bị thất tình lục dục chi phối. Giận dữ, thù hận có thể tha thứ, nhưng không thể nào quên đi và nó trở thành như một vết hằn trong tâm, làm cho mỗi lần nghĩ đến vẫn thấy nặng nề. Dĩ nhiên là ai cũng hiểu được nếu cố gắng thực hiện được từ, bi, hỷ xả, sẽ thấy thân tâm nhẹ nhàng an lạc.

Phật giáo dạy cho Phật tử ăn chay, chỉ là để bỏ bớt ý niệm sát sinh, nhưng thiếu gì người ăn chay lại dùng những món ăn toàn mang tên mặn, đầy hình thức của những món mặn? Thế nghĩa là họ chẳng có khái niệm sâu sắc gì về chuyện ăn chay cả. Ăn chay, nghĩa là không ăn mặn, thế thôi. Đối với việc ăn chay, ý niệm quan trọng hơn thực tế. Dù sao, ăn chay được cũng đã là một điều tốt rồi.

Bây giờ chùa chiền có mặt khắp nơi trên thế giới. Những Phật tử Việt Nam tha phương luôn luôn cần một ngôi chùa để có thể tìm được những yên tĩnh tâm linh sau những vật lộn với cuộc sống vật chất. Tuy nhiên không phải hễ ai đến chùa cũng là những Phật tử chân chính. Thiên hạ đến chùa vì nhiều mục đích khác nhau. Đơn giản nhất là phần đông, những Phật tử dù chưa hiểu được giáo lý thường cũng muốn đến chùa để cầu an, cầu phước, cầu sự che chở của Đức Phật. Rất nhiều Phật tử đến chùa hành lễ với những suy nghĩ rất mê tín dị đoan khác hẳn với tinh thần khoa học của Phật giáo. Thậm chí có nhiều người tin rằng chỉ với nước lạnh đã được trị chú trên bàn thờ Đức Dược Sư là có thể giải trừ hết mọi bệnh tật. Tuy nhiên nhờ có lòng tin có thể nói là có chút mù quáng đó, họ thường đến chùa sinh hoạt, nghe tụng kinh như một thói quen. Nghe kinh mãi cũng tự nhiên thuộc, dần dần cũng hiểu được phần nào lời Phật dạy. Cũng trong tinh thần đến chùa của một Phật tử, luôn luôn thành kính với các Tăng Ni, họ cũng chịu nghe những vị đó thuyết giảng đạo pháp. Tâm dẫn đường cho Phật tử đến chùa và cái tâm đó sẽ mở dần cái tuệ cho họ để trở thành một Phật tử chân chính, hiểu được phần nào giáo pháp và biết đâu cũng có thể tìm đến hai chữ giải thoát trong một ý nghĩa hạn hẹp nhất họ có thể hiểu được.

Thôi thì phải nên nghĩ như thế này: Phật giáo có tám vạn bốn ngàn pháp môn để dẫn chúng sanh đến cửa Phật. Chỉ chịu khó đặt chân đến ngưỡng cửa, thì một hôm nào đó, tự nhiên cũng sẽ bước vào bèn trong để thấy được ánh sáng huyền diệu của đạo pháp. Có tâm hướng Phật bằng bất cứ hình thức nào, rồi cũng sẽ đến được gần Phật, thấy Phật, và... thành Phật. ■



# Thiền

## CÓ THỂ GIÚP BẠN LÀM CHA LÀM MẸ TỐT HƠN KHÔNG?

MELISSA MCCLEMENTS  
THÍCH THIỀN CHÁNH dịch

**M**elissa McClements nhận ra mình khó đối phó với cơn thịnh nộ của đứa con gái, cho tới khi bà tham dự một khóa thiền dành cho các bậc phụ huynh và trẻ thơ. Làm thế nào để giữ được bình tĩnh khi con cái cư xử không đúng?

Mới đây, đứa con mới biết đi chập chững của tôi đã cùng với tôi bắt đầu một lớp tập thiền. Tôi biết quý vị đang nghĩ gì. Cái loại cha mẹ ngốc nghếch nào mà lại cố gắng kiểm soát tâm trong im lặng với sự có mặt của một đứa trẻ mà ý niệm về thời gian tĩnh lặng của nó chỉ là cuốn hút vào việc ngoáy mũi bằng bút chì và gào lớn một điệu hát trẻ thơ?

Nhưng tôi chính là cái loại cha mẹ ngốc nghếch ấy đấy. Và – mặc cho vào lúc đang chấp tay cung kính thì đứa con gái hai tuổi của tôi lại chỉ vào một vị tu sĩ Phật giáo và hỏi, “Vi sao người đàn ông này lại ăn mặc giống đàn bà?” – việc thiền tập vừa diễn ra rất tốt; thật sự tốt. Điều đó đã mang lại cho tôi những lợi ích thiết thực về cách sinh hoạt hàng ngày với một đứa trẻ còn chập chững. Vì, hãy đối mặt với đứa trẻ xem, cũng dễ thương như đám bạn của chúng thì có thể được, còn tìm cách làm dịu đứa bé thì không được đâu.

Hầu hết thời gian, đứa con gái Phoebe của tôi chỉ toàn thích nô đùa – hét hát hò lại cười khúc khích và những điệu nhảy múa bất chợt. Nhưng thỉnh thoảng cháu lại

trải qua những cơn bộc phát của một sự thịnh nộ chẳng thể nào làm dịu đi được. Những lúc ấy, cháu lăn ra sàn nằm ăn vạ, đập đầu binh binh, rồi tru tréo khiến ngay cả một thứ “yêu tinh có lòng tự trọng” cũng cảm thấy phải đổ mặt vì “tự hào”. Tôi thấy những chuyện ấy khó mà chấp nhận được, nhất là khi ở nơi công cộng. Đã từng có một chuyện rắc rối đối với một chiếc bánh kẹp sandwich cá ngừ tại một quán cà phê mà mỗi khi nghĩ đến tôi vẫn không thể không rùng mình.

Thực ra ông xã tôi mới là người đầu tiên nghĩ đến việc thực tập thiền định. Anh ấy đã tham dự một khóa thiền để giúp anh ấy giảm bớt căng thẳng trong công việc. Đối với tôi, điều đó có vẻ như là hơi hơi chạy theo “mốt”: một thứ gì đó được yêu thích bởi những người đọc những thứ toát yếu rồi dán những thứ có tính cách giả khoa học vào cái đầu trẻ thơ của mình khi họ đau ốm. Nhưng rồi tôi đã chứng kiến những điều thay đổi nơi ông xã của mình. Anh ấy đã có thể nhún vai trước những điều vớ vẩn ở chỗ làm việc, những chuyện mà trước đây thường làm cho anh ấy nghiêng rặng trèo trẹo trong những cơn mất ngủ vì giận dữ vào lúc bốn giờ sáng.

Tôi tự hỏi, liệu thiền định có thể giúp tôi giữ được một sự bình tĩnh tương tự trước cơn thịnh nộ của Phoebe, và tôi đã dẫn cháu theo để cùng đến với một nhóm thực tập thiền định dành cho trẻ em và bố hoặc mẹ của chúng tại một trung tâm Phật giáo gần nhà.



Hãy tin tôi đi, việc này đã được thực hiện không phải là không có bản khoán. Tôi vốn được nuôi lớn như một kẻ vô thần để thấy rằng những tôn giáo có tổ chức chỉ là nguồn gốc của những tai ương đối với loài người. Tuy vậy, tôi cũng nghĩ rằng phủ nhận toàn bộ những điều mình triết cổ xưa là một sự ngu dốt đầy kiêu ngạo.

Chúng tôi được hướng dẫn đến tận chỗ ngồi trong một căn phòng rộng rãi. Những tấm bồ đoàn và những giỏ đựng đồ chơi được xếp đặt sẵn cùng với những chiếc bàn con trên đó có sẵn bút chì và những tấm hình vẽ chân dung Đức Phật để chờ được tô màu. Tôi cũng cần nói rõ rằng chỉ những bậc cha mẹ mới ngồi thiền. Bọn trẻ còn thò lò mũi xanh chỉ có mặt ở đó để chơi đùa mà thôi. Có hai người trợ tá có trách nhiệm trông nom đám trẻ khi những ông bố và bà mẹ không quan tâm đến chúng (khi điều này được giải thích ngay từ đầu, tôi đã ngạc nhiên chẳng hiểu họ có biết cách xử lý trước những cố gắng nuốt một vật gì đó không phải là thứ ăn được nhiều lần lớn hơn cái cổ họng đang bị cố nhồi nhét hay không).

Một người đầu cạo trọc mặc chiếc áo màu vàng cam vào phòng, ngồi xuống theo tư thế kiết già trên một cái bục. Tôi cảm thấy bút rút, cho đến khi người ấy kể một câu chuyện để tự giễu cợt mình về việc một vị tu sĩ lại đi nói chuyện với một nhóm các bà mẹ về cách xử sự với con cái.

Những người trưởng thành chúng tôi nhắm mắt lại để vị tu sĩ ấy hướng dẫn trong suốt buổi thiền tập – bắt đầu là chỉ dẫn chúng tôi tập trung vào hơi thở rồi yêu cầu chúng tôi chú tâm vào một khía cạnh tích cực mà mỗi người chúng tôi cảm thấy là 'khó khăn' trong cuộc sống của mình.

Điều đó nghe thật là chán, nhưng việc đầu tiên là đám trẻ đã giữ được yên lặng một cách kỳ lạ - mặc dù có thể chỉ vì chúng cảm thấy quá sợ hãi trong một môi trường xa lạ. Tôi thật sự đã có thể cố gắng (và hoàn toàn thất bại, nhưng hãy cố đi, các bậc đại sư Tây Tạng đã dành cả đời để cố thực hiện điều này đấy!) giữ cho con

gió độc đang cuốn cuộn trong tâm mình dịu xuống.

Thế rồi tôi nhận ra rằng cháu bé Phoebe nhà tôi đã đặt một trong những bức hình có vẽ tượng Phật lên mặt thảm. Con bé đang dùng một cái bút chì liên tục chọc chọc ngoáy ngoáy vào tờ giấy. Bị bút rút bởi tiếng động, tôi nheo một mắt liếc nhìn về phía đứa bé.

"Nhắm mắt lại đi, mẹ ơi," con bé cười. Tôi nường mày... và sự nhớ điều gì đó mà nhà sư vừa mới nói về việc có khả năng nhận thức thế giới này một cách tích cực hơn nếu như tôi có thể thay đổi cách phản ứng của mình trước hành vi của người khác. Tôi nhìn quanh phòng. Những đứa trẻ khác cũng đang chạy vòng vòng, ném đồ chơi và giả vờ đấu vật trên tấm thảm. Tất cả những điều đó còn lộn xộn hơn hành vi của con gái tôi nhiều. Nhưng chẳng một điều nào trong tình trạng đó làm tôi phải lo lắng, vì tôi chẳng hề có trách nhiệm với chúng.

Tôi khẳng định rằng nếu tôi có thể không cần quan tâm đến việc đục thủng lỗ trên tờ giấy của Phoebe, tôi có thể thực sự học được điều gì đó. Và, khi chúng tôi rời khỏi nơi đó, tôi đã cảm thấy – thật sự bất ngờ - như là mình đã học được điều gì thật (cho đến khi Phoebe chú ý đến trang phục của vị sư và cho thấy chúng tôi còn rất nhiều điều phải làm với việc phân biệt giới tính).

Nay thì chúng tôi đến với lớp học hàng tuần. Mặc cho chẳng biết bao nhiêu lần – giữa lúc đang thiền định – đứa con gái của tôi lật đổ chiếc bàn cộc cạch hay ngồi hẳn lên đầu gối tôi và cố banh mắt tôi ra. Tôi cảm thấy như thể vẫn mang lại cho cả hai mẹ con tôi một khoảnh khắc tĩnh lặng trong suốt một tuần lễ bận rộn.

Tôi không hề tuyên bố rằng tôi vừa trở thành một vị thánh đang mỉm cười nhẫn nại chỉ sau một đêm. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu ta có thể nhìn thoáng vào một khoảnh khắc bình yên trong sự có mặt của đứa con thơ hay của một đứa bé vừa đang chập chững, ta thực sự tiếp tục tiến đến một điều gì đó – vừa như là một bậc cha mẹ, vừa như một con người. ■

# Bác Bửu

TRẦN PHÚ AN

Tôi được sống với bác Bửu gần hai năm, khi bác còn ở độ tuổi trung niên, một người cường tráng, vui vẻ và hoạt bát. Thời đó, bác là một công chức, lãnh đạo T y Thanh niên. Thấy bác có sức khỏe và dẻo dai, ai cũng ao ước được như vậy, nhất là những thanh niên như tôi bấy giờ, chỉ biết chăm lo đèn sách mà quên đi sự rèn luyện thân thể. Bác sống rất tình cảm, gần gũi với mọi người, cộng thêm tư chất đứng đắn, mẫu mực, nên được mọi người yêu kính. Bác xem tôi như một người cháu ruột thịt, giúp đỡ tôi mọi mặt; tôi kính trọng bác như người bác ruột của mình. Có điều, giữa bác và tôi có một điểm khác biệt, mỗi người tự giữ riêng sự khác biệt đó mà không có khả năng thuyết phục nhau: tôi là một Phật tử thuần thành, đang sôi nổi trong cuộc đấu tranh bảo vệ đạo pháp của thập niên 60, còn bác lại là người chưa biết đến Phật pháp. Bác bảo, gia đình bác đã giáo dục bác đạo làm người của đức Khổng, Mạnh, bác cố gắng sống làm sao cho xứng đáng với niềm tin của gia đình, bác không theo một tôn giáo nào cả. Tuy nhiên, vì giữa tôi và bác đã hiểu nhau nên không bao giờ có cuộc tranh luận nào trong vấn đề tế nhị này, sự khác biệt giữa hai người vẫn chấp nhận được trong cuộc sống đầy ắp tình thương.

Vì công tác, tôi đã xa bác từ năm 1968. Sau 1975, nhiều lần tôi trở về thị xã cũ tìm thăm bác nhưng không gặp, người ta bảo, cả gia đình bác đã trở về Huế, nhưng rồi tôi cũng chẳng biết hỏi ai. Bốn mươi năm cách biệt, hình ảnh bác vẫn ở trong tôi, được gặp bác là một điều tôi ao ước, nhưng thực khó, vì tôi nhớ nay bác đã quá già, không biết bác còn hay mất. Định mệnh vẫn ưu ái cho những tấm lòng thành, trong chuyến du lịch Huế, tôi đã gặp một người bạn cũ báo tin bác còn sống và đang ở Nha Trang. Tôi vô cùng sung sướng và tranh thủ về thăm bác.

\* \* \*

Bấy giờ sáng chuyến xe khách đã đến Nha Trang, tôi gọi taxi đến ngay đường Chi Lăng, đây là một con đường khá yên tĩnh, sạch, đẹp phù hợp cho cuộc sống của tuổi già. Tôi bấm chuông, một người thanh niên ra mở cửa, tôi nghĩ, có lẽ bác đã quá già yếu không đi lại được.

- Thưa chú, chú hỏi ai? người thanh niên hỏi.  
- Đây là nhà bác Bửu phải không em?  
- Dạ phải, nhưng ông cháu đã đi phát kinh rồi.  
- Đi phát kinh? Lúc nào ông về?  
- Khoảng nửa tiếng nữa ông cháu về, mời chú vào nhà đợi.

Tôi bước vào nhà, lòng vừa vui vừa tò mò, vui vì bác đang đi phát kinh, nghĩa là bác không đau yếu như tôi tưởng; tò mò là vì từ “phát kinh,” phát kinh là sao? Đợi bác về tôi sẽ được hiểu tường tận.

Ngồi ở phòng khách nhưng tôi cứ nhìn ra ngõ và cố đoán dáng dấp của bác. Bác đã về, vẫn dáng đạo mạo, quốc thước như ngày xưa, chỉ có bước đi chậm hơn, tay phải bác cầm chiếc gậy gỗ chạm, vai trái đeo túi xách khá lớn, tôi vội chạy ra ôm bác.

- Chào bác, con ra thăm bác đây.

- An! Trời, lâu quá! Bác biết con ở Phan Rang, nhưng chưa vào thăm con được.

- Con còn trẻ, con phải tìm thăm bác chứ! Bác xách gì mà nhiều vậy? Tôi đưa tay đỡ lấy chiếc xách trên vai bác.

- Đĩa và kinh đó con, hãy vào nhà uống nước, bác cháu ta sẽ tâm sự. Mấy chục năm rồi bây giờ mới gặp lại con, quý hóa quá!

Sau một hồi hỏi thăm gia cảnh và cuộc sống của tôi, bác kể hoàn cảnh của bác từ 1975 đến nay “... Bác nay đã 92 tuổi rồi, Trời, Phật vẫn cho bác khỏe, các em đều có cuộc sống ổn định, điều đáng mừng là các em cũng mộ đạo như bác, rất nhiệt tình giúp bác thực hiện công việc của mình...”

- Công việc gì vậy bác?

- Công việc phát kinh con ạ. Con biết không, từ khi bác vào chùa nghe pháp, bác đã sáng lòng ra, bác nghĩ mình vẫn còn duyên với đạo pháp, trong xã hội biết bao nhiêu người không có được cái duyên ấy, họ sống chỉ biết cái lợi vật chất trước mắt và đôi khi vô tình gây ra tội lỗi, thấy như vậy bác xót lắm nhưng chẳng biết làm sao. Bác ước ao sao cho những câu kinh của Phật, những lời giảng của quý thầy đến được với họ. Vì vậy bác thực hiện ước ao đó bằng công việc bác đang làm hằng ngày đây...

Nghe bác nói về đức tin, về công việc bác đang làm, lòng tôi phơi phới. Tôi đang đối diện với người bác khác hẳn với mấy mươi năm về trước, trước công đức với vợ của bác, tôi cảm thấy mình vô cùng bé nhỏ, tôi say sưa ngồi nghe bác kể như một học trò ngoan, như một tín đồ mộ đạo.

- Phật pháp vô cùng tuyệt diệu, con à. Thế nhưng trên thế gian đâu phải ai cũng có duyên tiếp cận, nhìn những sự việc, những hiện tượng trái với đạo lý diễn ra đây đây, vẫn biết có nhiều người vì hoàn cảnh của cuộc sống, nhưng rất nhiều người do lòng tham sân si tạo nên. Bác đã tự nguyện góp nhặt những lời kinh, những bài giảng của quý thầy qua



những tập sách nhỏ nhỏ, những đĩa DVD, CVD và đi từng nhà phát cho họ mượn. Lúc đầu từ những người quen, người mới quen và khuyên họ nên đọc, nên xem. “Gia tài” của bác bây giờ cũng kha khá, hơn hai trăm chiếc đĩa, mỗi lần mua được một tập sách hay bác lại sao chụp thành vài chục bản. Mỗi buổi sáng, bác đi vòng quanh các phố ở Nha Trang, hôm thì đi về phía Trần Phú, hôm thì đi về phía ga, chợ Đầm v.v. Vài ba hôm bác ghé lại nhà đã được phát hôm trước đổi lại tài liệu khác cho họ, cứ luân phiên như vậy sẽ nhân lên hiệu dụng gia tài của bác rất nhiều lần.

- Con tò mò một chút, xin bác đừng giận. Bác cho họ mượn như vậy mà họ có đọc, có xem không?

- Con nói đúng. Lúc đầu bác cũng suy nghĩ điều này và thực tế có nhiều người vì kính nể bác họ nhận tài liệu nhưng họ không đọc, không xem và hôm sau trả lại. Có thể họ không có thời gian, hoặc có thể thích đọc thời sự, thích xem phim hơn là đọc Phật pháp. Nhưng bác tin, Phật pháp có sức hấp dẫn tuyệt diệu, nhất là khi con người gặp những buồn khổ của cuộc sống. Chỉ cần một số trong những người mượn tài liệu của bác đọc, xem thì bác đã toại nguyện rồi. Phật pháp có sức lan tỏa rất mạnh mẽ. Có những người chưa bao giờ biết gì về Phật pháp, thế mà, qua những người quen đã xem và kể lại, họ đã tìm gặp bác để mượn sách, đĩa về nhà nghiên ngẫm, những điều ấy đã làm cho bác thêm vui.

- Xin phép bác, cho con tò mò một chút, động cơ

nào đã thúc đẩy bác làm công việc phát kinh vượt quá sức tuổi 92 của bác như thế?

- Đó là niềm tin và lòng yêu thương con người. Khi ta cảm thụ được những điều hay trong lời dạy của Đức Thế Tôn, bác nghĩ, chỉ mình cảm thụ thôi thì uống quá, phải làm sao cho người khác cũng cảm thụ được như mình; vì cảm thụ được là niềm hạnh phúc, mình đem hạnh phúc đến cho mọi người là việc không thể không làm. Bác thì không có khả năng thuyết giảng được như quý thầy nên bác chọn con đường đơn giản này. Còn việc đi lại hằng ngày như vậy đã giúp bác khỏe hơn. Những người lớn tuổi khác phải tập dưỡng sinh, phải đi bộ mỗi buổi sáng, còn bác chỉ đi phát kinh và ngồi thiền vào mỗi tối là thấy người thanh thân, nhẹ nhàng. Công việc này thực hiện được bao lâu nữa thì còn tùy thuộc vào ý của trời của Phật.

- Phật pháp thì mênh mông, mặc dù con đã học, đã đọc rất nhiều nhưng vẫn cảm thấy sự hiểu của mình còn như hạt cát giữa sa mạc, bác cho con được là người thụ hưởng một phần công đức mà bác đang thực hiện, thưa bác?

- Tốt, tốt. Con cần những tài liệu nào bác sẽ tặng.

Bác Bửu cười thật to như một người thầy vừa tiếp nhận một học trò ngoan, hiểu học. Tôi được dùng cơm trưa thân mật với bác rồi từ giã bác với món quà nặng trĩu trên tay, lòng sung sướng vô cùng, niềm hạnh phúc lâng lâng vượt xa những suy nghĩ ban đầu. ■





# Nhìn lại

CHƠN HIỀN

**A**nh không có biểu hiện đang mắc một chứng bệnh nan y nào cả. 5 giờ sáng mỗi ngày, anh đạp xe rồi tắm biển, đều đều chẳng bỏ ngày nào, dù trời có mưa đi nữa. Tôi theo anh cũng thành lệ. Hàng xóm láng giềng, bạn bè ai cũng bảo chúng tôi già, một đôi hạnh phúc đang chờ hưởng phúc từ con cái.

Hai đứa con gái đều hiếu thảo, giỏi giang, đều tốt nghiệp đại học, cùng làm chung một công ty nước ngoài. Đứa lớn lấy chồng ra riêng, nhà cửa để huê, tương tất. Tôi vẫn bám trụ buôn bán bình thường, anh nghỉ hưu sớm vì cái tính... tự ái dễ đụng chạm ở cơ quan. Tôi cũng chẳng ép buộc gì anh bởi mấy đồng lương khiêm tốn không đủ cho anh café, bia bọt cùng bạn bè, và lại

tôi đã quen bươn chải, một mình xoay xở lo cho cả gia đình từ nào đến giờ. Tôi an phận, tự lực, chỉ mong gia đình thực sự là mái ấm bình yên với chồng con.

Gần ba mươi năm, tôi tất tả, thu vén, chạy ngược chạy xuôi, con bé thuở nào ngây thơ, hiền lành mang tiếng tiểu thư bỗng biến thành một người đàn bà khôn ngoan, cứng cỏi... Từ công chức nhà nước, tôi ra chợ ngồi buôn bán (cái nghề mà tôi rất... ghét từ thuở bé, chẳng hiểu vì sao), thoát đầu buồn rười rượi, nhưng nghĩ đến chuyện hai đứa con sẽ vào đại học, tôi quyết định theo nghề. Cuộc đời tôi chẳng có gì được như ý dù tôi chẳng mơ ước gì quá mức bình thường. Suốt gần ba mươi năm luôn sống trong vất vả, âu lo, nhiều lần tưởng như không vượt nổi số phận, tôi chỉ biết gọi Quan Âm,



chẳng hiểu sao những lúc gần như không còn lối thoát, tôi lại được một bàn tay vô hình cứu khổ, tất cả bỗng được giải quyết một cách êm đẹp lạ lùng. Tôi càng tin tưởng vào vị Bồ-tát mà mình luôn hằng nhớ trong tâm mỗi ngày, mỗi đêm, mỗi lúc hoạn nạn...

Hơn nửa đời người, tưởng đâu đã “hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai”, một ngày, anh chỉ cảm sốt và ho khan, rồi thở mệt. Đưa anh vào bệnh viện, bác sĩ bảo anh bị “viêm phổi cấp”, chỉ bảo phải nằm điều trị khoảng một tuần hoặc 10 ngày mới về được. Vừa mới kịp thông báo cho các con tình hình bệnh tật của anh, dặn dò các con sắp xếp lên thăm ba từ từ vì ba còn nằm chưa về ngay được. Vừa điện thoại cho con lúc bảy giờ tối thì gần mười giờ anh đã xuôi tay, tôi như một người mộng du, chẳng biết mình mê hay tỉnh. Nhưng lạ lùng... ngay giờ phút ấy tôi bỗng... ráo hoảnh, vào nhìn anh nằm đấy, khuôn mặt đầy sự đau khổ, tôi ân hận vì quyết định đồng ý để bác sĩ cấp cứu anh. Tôi lặng lẽ chải tóc và thay cho anh bộ quần áo sạch sẽ, tôi vuốt mắt và thăm thì xin anh tha thứ vì đã để bệnh viện làm anh đau, rồi năn nỉ anh hãy niệm Phật, hãy buông bỏ tất cả, nhắc anh nhớ lời HT. Thanh Từ dạy, người mà anh luôn ngưỡng lòng quý kính, chúc mừng anh đã có điểm phúc hơn tôi, được sớm bỏ chiếc áo cũ giả tạm. Tôi cứ lẩm thảm nói với anh hãy buông hết đi, đừng luyến tiếc gì đến gia đình, cha mẹ, vợ con, cháu chắt, anh em gì nữa, ai cũng an ổn, anh không cần phải lo. Nhà cửa, tất cả ở thế gian đều là giả tạm, là huyễn, hãy buông bỏ và niệm Phật cùng tôi. Cứ thế tôi vỗ về và lặng yên niệm Đức A-di-đà suốt hơn 2 giờ đồng hồ trên đường đưa anh từ Chợ Rẫy về Vũng Tàu. Tôi chẳng hiểu

sao tôi bình tĩnh đến thế, một mình làm các thủ tục với bệnh viện rồi đưa anh về đến nhà sau khi gọi điện thoại cho người nhà sắp xếp tất cả mọi chuyện. Tôi dặn các con, mọi người không ai được khóc, giữ yên lặng cho anh (có lẽ khi ấy gia đình anh nghĩ tôi lạnh lùng, và oán trách tôi chẳng thương chồng. Có ai biết đâu, chính vì thương anh, tôi đã cố gắng hết sức mình làm đúng lời Phật dạy, làm cho anh những điều tốt nhất, mong sao cho anh được thanh thân đi đúng nẻo lành).

Đây cũng chính là lần đầu tiên trong đời, tôi chứng kiến những điều đã xảy ra như trong kinh sách. Khi đưa anh về đến nhà, mọi người ra nhìn anh, tôi rung động toàn thân khi thấy nét mặt đầy khổ đau, sần hặn của anh lúc này bây giờ đang an nhiên, thanh thân; anh nằm như ngủ, môi thoáng mỉm cười, thật an lành. Các em anh bảo nhìn anh thấy chẳng có vẻ gì là tiếc nuối cả. Tôi cảm niệm ơn Phật, lòng cất hẳn gánh nặng đã gây cho anh sự bất an, đau đớn trong giây phút cuối cùng, giây phút “cận tử nghiệp”. Tôi mang tất cả những gì tiếp thu được từ kinh sách, từ những bài pháp của các bậc tôn túc, mang hết tâm chánh tín của một người con Phật chia sẻ hết cho anh. Tôi tổ chức lễ tang cho anh trong yên tĩnh, trang nghiêm. Tôi thỉnh chư Tăng, chư Ni hộ niệm cho anh. Tôi in kinh, đúc tượng Phật, cúng dường Tam bảo, bố thí, phóng sinh, cúng dường trường hạ mùa an cư, rồi ăn chay, tụng kinh, niệm Phật ròng rã 49 ngày hồi hướng cho anh. Hàng ngày, tôi lo ba thời cơm chay cho anh, mở kinh, mở đĩa, băng niệm Phật, lẩm thảm ngay bàn thờ, bên di ảnh của anh. Tôi cứ nhắc nhở anh nghe kinh, nghe lời Phật dạy, tinh sáng buông bỏ, đừng chấp thân, chấp các pháp thế gian, vì tất cả chỉ là huyễn là mộng... Cứ thế, tôi nói và nghĩ anh sẽ nghe, mà có lẽ anh nghe thật, cho nên sau thất thứ tư (sau lúc tổ chức cúng thất hồi hướng cho anh tại Thường Chiếu), đứa cháu gái gọi anh bằng chú nói với tôi rằng cháu có nằm mơ thấy anh, anh bảo nó nói lại cho tôi nghe tất cả những gì tôi đã thăm thì bên bàn thờ anh, bảo rằng anh rất hài lòng, mãn nguyện với những gì tôi đã làm cho anh, anh đang đi trên con đường rất vui, con đường mà tôi đã nói (niệm Phật và đi theo Phật, đó là con đường tốt đẹp nhất, tôi đã nói với anh như thế), anh bảo đứa cháu gái dặn tôi đừng buồn nữa (vì tôi đã khóc, khẩn anh hãy làm sao cho mẹ anh hiểu rằng tôi đã làm tất cả vì anh, do bà đã không chấp nhận những việc tôi làm theo đúng lời Phật dạy cho anh, vì bà không hề biết gì về Phật pháp), rồi về nói cho bà nội nghe những gì anh dặn. Tôi ngạc nhiên thật sự khi nghe đứa cháu nhắc lại tất cả những lời độc thoại của tôi với anh, anh còn bảo rằng “ngày mai anh không còn ở nhà nữa, ai có thăm thì ghé thăm”. Tôi chạy lên chùa kể cho Thầy tôi nghe, Thầy bảo: “có thể đúng là anh đã đi, thôi đừng khẩn và gọi anh nữa, cứ tiếp tục tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho anh cho hết thời gian 49 ngày”. Cũng từ sau ngày hôm ấy, tôi cũng mất hẳn cảm giác bồn chồn, bứt rứt mỗi khi có việc phải đi ra

ngoài, vì trong suốt khoảng thời gian đấy, tôi chỉ ở nhà lo việc cúng kính, tụng niệm cho anh; mỗi lần đi khỏi nhà, tôi lại thấy nóng ruột, chẳng đi đâu lâu được, mà về đến nhà lại hết (cứ như là anh khi còn sống không bao giờ cho tôi đi đâu một mình vậy). Nghĩ cũng lạ, tôi thực sự nhận biết rõ ràng như vẫn có sự liên hệ giữa người sống và người vừa mới ra đi, do đó tôi càng tin chắc thật về những gì đã được nghe từ kinh sách, từ những bài pháp của chư vị giảng sư, giáo thọ về thân trung ấm. Sự ra đi quá bất ngờ của anh làm tôi hụt hẫng một thời gian dài, lo cho anh xong 49 ngày, tôi bắt đầu đổ bệnh... Người xưa có câu "họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai" thật đúng với tôi dạo đấy. Anh vừa mất xong, một cơn bão (lần đầu tiên tôi biết), cơn bão Durian làm bật gốc một cây xoài to, đập vỡ tường ngôi nhà của tôi, thật kinh khủng. Chưa kịp hoàn hồn thì mẹ tôi lại bị tai biến, nằm liệt một chỗ. Bà vừa xuất viện thì thằng út lại té xe, chấn thương sọ não, tôi lại nhặt nhòa nước mắt gọi Đức Quán Thế Âm, có lẽ Người cảm thương nên thằng em út sau một tuần nhập viện, lành lặn trở về, không phải mổ như lời bác sĩ chẩn đoán ban đầu: "nếu máu bầm không tan". Trong nửa năm trời, bao chuyện dồn dập, thần kinh tôi gần như suy sụp. Cái xác trông vẫn còn khỏe mạnh để cáng đáng mọi việc trong nhà nhưng đêm về tôi không bao giờ yên giấc, tâm tôi luôn bất an, lúc nào tôi cũng có cảm giác "sẽ có chuyện chẳng lành xảy đến cho mình nữa". Tôi luôn sống trong hồi hộp, âu lo, sợ hãi; thế mới biết mình chỉ là một chúng sinh quá đỗi tầm thường, dù biết Phật pháp cũng không thể thắng được mình; theo Phật, theo Thầy, ngày nào cũng xem kinh, nghe pháp vậy mà... tôi tủi hổ vô cùng khi gần cả năm trời phải uống thuốc để lấy lại cân bằng cho tinh thần của mình. Cũng còn may, một ngày nọ, ngồi một mình tôi suy nghĩ thật nhiều về tất cả những bài giảng, những lời Phật dạy trong kinh *Kim Cang* đã được nghe giảng giải, thấy sao mình u mê quá, đã dững mẫn nhắc nhở anh, đã vui mừng khi nghe chuyện anh báo mộng, biết rõ tất cả chỉ là chuyện rất đỗi bình thường, sẽ xảy ra với tất cả mọi người trên cõi thế này, tại sao giờ mình lại phải mượn những lời khuyên của bác sĩ, mượn những viên thuốc này để ru ngủ mình huyền hoặc mình, lệ thuộc nó một cách đáng xấu hổ thế này? Thế là tôi quyết định đối mặt với nỗi đau và sự sợ hãi của chính mình. Tôi... nhìn "nó," và thấy rõ ràng "nó" chẳng là gì cả, chẳng qua chính tôi đã tự đồng hóa mình với nó, đem nó vào tôi. Mà nó là gì, nó có thật không cơ chứ, sao mà tôi u mê đến thế? Lời Phật, lời Thầy nghe bao lần, đọc tụng mỗi ngày đem bỏ ở đâu? Sao tôi đã từng nhận rõ là chân lý giờ lại quên mất để nó sai sử, hành hạ mình như vậy? Tôi chợt nhớ ra một đoạn kinh *Pháp Cú*:

*Tâm hoang hốt dao động  
Khó hộ trì, khó nhiếp  
Người trí làm tâm thẳng  
Như thợ tên, làm tên.*

May mà tôi đã "tỉnh" ra, tôi không đi tái khám theo lời dặn của bác sĩ nữa, tôi bỏ thuốc không uống, hằng đêm tĩnh tâm ngồi thiền, niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm thường xuyên hơn mong nhờ tha lực của Người hộ trì, tôi lấy pháp Phật trị bệnh cho mình, tôi dần thoát ra khỏi cái bóng tối đau khổ và sợ hãi, lấy lại thăng bằng cho chính mình, rõ thật Mê cũng mình, Tỉnh cũng mình, chỉ mình tự cứu mình mà thôi... Từ ấy, tôi càng hướng tâm về Tam bảo nhiều hơn, lòng luôn dặn lòng cố gắng huân tập những điều thiện để tạo nghiệp lành, mai kia biết có ai kể bên nhắc nhở khi vô thường bắt chợt gọi tên? Lúc ra đi một mình lủi thủi, hành trang mang theo là gì ngoài cái nghiệp lành hay dữ luôn đeo bám bên mình như bóng theo hình? Đó mới chính là điều quyết định "mình sẽ đi về đâu khi trả cái thân người vay mượn tạm bợ nầy cho cát bụi". Tôi thấy thấm thía bốn câu kệ trong kinh *Kim Cang*:

*Tất cả pháp hữu vi  
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,  
Như sương cũng như điện  
Nên khởi quán như thế.*

Ừ, có cái gì thật đâu, tôi thấy rõ, nỗi đau, nỗi sợ hãi của chính mình trong suốt một thời gian dài vừa qua, tôi thấy rõ sự hiện hữu và sự mất đi của cái hữu hình, hữu tướng của anh và sẽ của cả chính tôi, của tất cả những cái đang có mặt chung quanh tôi. Có gì mãi mãi đâu cơ chứ? Nỗi đau, nỗi buồn, sự sợ hãi, những cái trĩu nặng từ tâm thức của tôi, nó chính là những bóng hình do tôi dựng lên, do tôi đặt tên và đồng hóa nó là mình. Tôi không cầm, không nắm được nó, nó đùa nghịch giễu cợt tôi, làm tôi mất ăn, mất ngủ vậy mà ôi! Thật tội nghiệp cho tôi. Sau nhiều lần quán tưởng như thế, tôi bình tĩnh dần. Giấc ngủ đến với tôi từ từ an ổn, nửa đêm bắt chợt thức giấc nằm nghe tiếng thán lẩm chặc lười, tiếng tắc kè náo nộ, tiếng chim lợn xa xa, tôi không thấy khó chịu nữa, tôi ngồi dậy áp dụng bài "hít thở" lúc ngồi thiền, tâm tôi an dần dần, không còn cảm giác loạn động, hốt hoảng như trước. Tôi nghe và biết rõ mình đang nghe tất cả những âm thanh trong đêm, tôi thấy rõ những suy nghĩ thật buồn cười, ngu ngốc của mình về những huyền hoặc trong đêm tối mà mình dùng cái tâm giả dối, vọng động gắn kết, đêm nào cũng chỉ có ngần ấy giờ, không dài hay ngắn đi mà sao tôi từng thấy đêm dài thăm thẳm... giờ thì tôi có thể đối diện với đêm trong một trạng thái bình thường, nhẹ nhàng, tôi trôi qua đêm tĩnh lặng, bình an. Ngày lại đến, ánh mặt trời ấm áp chan hòa, mọi vật chung quanh như cùng mỉm cười, tất cả đều bình yên với cái tâm bình yên của... tôi. Tất cả là vô thường, tôi cũng vô thường, hà cơ gì tôi phải khổ như thế? Các pháp do duyên mà có thì cũng từ duyên mà đi, mai kia tôi lại cũng như thế mà thôi, hết duyên với cõi trần gian nầy tôi cũng sẽ ra đi, nhưng đi như thế nào và làm sao biết rõ nơi mình sẽ đến, đó mới chính là điều tôi cần phải biết và chọn cho mình: "Tôi ơi, hãy luôn tỉnh sáng!" ■

# Về Phù Dung cổ tự ở Hà Tiên

Bài & ảnh: CHÂN AN HOA



Tài liệu cổ văn và sách *Nghiên cứu Hà Tiên* của Trương Minh Đạt có trình bày rõ lịch sử ra đời của chùa Phù Dung xưa ở Hà Tiên.

Mạc Thiên Tích, còn gọi là Mạc Thiên Tứ (1718-1780), kế vị cha là Mạc Cửu, cai quản Hà Tiên từ 1736 đến năm 1771. Dưới thời Mạc Thiên Tích, ở Hà Tiên vẫn còn hai công trình riêng biệt: Một là đền thờ Khổng Tử ở chân núi Bình San, hướng Đông bắc. Hai là chùa Phù Dung ở phía Tây nam núi Phù Dung.

1. *Đền thờ Khổng Tử*: Còn gọi là Thụ Đức Hiên, thờ Đức Khổng Tử. Kiến trúc này là một tòa lâu các nổi danh trong vùng thời đó, được Mạc Thiên Tích khánh thành vào năm Bính Thìn 1736. Nhân dịp này, ông tổ chức lễ hội Tao đàn, mời các văn nhân thi sĩ khắp nơi về dự. Từ đó lâu *Thụ Đức Hiên* là nơi hội tụ các văn nhân thi sĩ khắp nơi, cùng nhau xướng họa ngâm vịnh, tuyển chọn nhân tài nên được gọi là Chiêu Anh Các. Như vậy *Đền Khổng Tử*, *Thụ Đức Hiên* hay *Chiêu Anh Các* chỉ là một. Kiến trúc đền được nổi danh vì cách tạo dựng độc đáo, có nhiều chi tiết bằng đá. Cho đến khi Mạc Thiên Tích chết (1780), ngôi đền này vẫn chưa phải là chùa.

Năm 1771, Hà Tiên bị Xiêm đánh phá và xâm chiếm, đền bị hư hoại nhưng những cột đá và di tích thì còn.

2. *Chùa Phù Dung*: Chùa nằm ở núi Phù Dung, tên

chùa được gọi theo tên núi<sup>1</sup>. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và sách *Nam Kỳ Lục Tỉnh địa dư chí* của Duy Minh Thị đều xác minh: Chùa Phù Dung nằm ở phía Tây nam núi Phù Dung.

Năm 1833 đời vua Minh Mạng, Hà Tiên lại bị Xiêm xâm lược. Trận này chúng lừa bắt tất cả dân chúng Hà Tiên<sup>2</sup>, chùa Phù Dung sụp đổ, còn tro nền và cái tháp. Nay cỏ dại dây leo chằng chịt quanh tháp. Người ta tìm thấy nơi cổ tháp có tấm bia khắc chữ Hán, nêu tên vị trụ trì, nhưng không ghi ngày tháng năm nào: Lão Hòa thượng Ấn Đàm, tổ Lâm Tế đời thứ 36.

Vậy sau hai cuộc xâm lược của Xiêm 1771 và 1833, Hà Tiên không còn cả hai công trình trên. Đền mất năm 1771. Chùa mất năm 1833, cách nhau 62 năm.

Năm 1846 đời Thiệu Trị, tức 13 năm sau trận giặc Xiêm 1833, người ta khởi công khôi phục Hà Tiên. Có hai công trình sụp đổ được xây lại là chùa Phù Dung và đền Mạc Công Tam Vị Miếu. Chùa đã sập không thể xây lại ở núi Phù Dung, chỗ cũ, nơi còn cái tháp, vì lí do kỹ hủ. “Dung” là tên húy của vua Thiệu Trị, do vua Gia Long đặt cho cháu nội. Vị trí tốt nhất người ta chọn được để xây lại chùa là nền nhà Chiêu Anh Các tức đền Khổng Tử, vừa để kỉ niệm ngôi kiến trúc của Mạc Thiên Tích vừa không phạm húy. Chùa mới mang tên Phù Anh, bỏ hẳn tên Phù Dung. Cũng lúc này, sách *Hoàn vũ ký* của Nguyễn Thu, đời Thiệu Trị 1841, đổi chữ “Dung” ra chữ “Cử” nên mới nói là núi Phù Cừ. Chính vì có sự thay đổi vị trí và tên chùa như vậy nên sau này sách vở tài liệu đời nay có nhiều giai thoại vẽ vờ thêm. Đáng nói là câu chuyện *Nàng Ái Cơ trong chậu úp* của nữ sĩ Mộng Tuyết. Cho đến bây giờ người ta còn lầm tưởng giai thoại nàng Phù Cừ trong truyện này là có thật ở Hà Tiên, mang dấu ấn lịch sử ngôi chùa, có chủ chùa là nàng Phù Cừ, gọi khác là bà Phù Dung, vợ thứ hai của Mạc Thiên Tích (!). Sự thật, bà vợ thứ hai của Mạc Thiên Tích tục danh là Bà Dì Tự, văn bia ghi rõ: *Hoàng Việt Hiến Tỹ Từ Thành Thục Nhân Mạc Phủ Nguyễn Thị chi mộ*.

*Long Phi Tân Tỹ (1761). Trọng Xuân Cát Đán. Nam Chú lập thạch.*

Như vậy, 85 năm sau tức năm 1846 chùa Phù Dung được cất mới trên nền Chiêu Anh Các thuộc núi Bình San, mang tên Phù Anh. Sở dĩ có chuyện gán ghép sai lệch này là do nữ sĩ Mộng Tuyết đã theo sách *Đại Nam*

nhất thống chí Lục Tỉnh Nam Việt để viết truyện. Ngặt nỗi, sách này ghi tên chùa trong giai đoạn đó không đúng. Dẫn chứng: Năm 1833 chùa trên núi Phù Dung đã sập. Tên chùa này vẫn là Phù Dung nếu nó còn sống đến đời vua Thiệu Trị 1841. Nhưng lúc vua Thiệu Trị ra lệnh đổi tên núi (1841) chùa đã mất trước đó 13 năm (!) (xem sách *Nghiên Cứu Hà Tiên* của Trương Minh Đạt).

Xin nói thêm:

a. Tên chùa Phù Dung (ở núi Phù Dung) được sách *Gia Định thành thông chí* của triều Nguyễn ghi nhận. Sách này không phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Và lại từ 1867, chính quyền Pháp không truyền bá sách chữ Hán và họ cũng không quan tâm việc dùng từ kỹ hủ, nên dân chúng không biết chùa mới có tên Phù Anh, cứ vô tư gọi là Phù Dung. Gọi suốt từ đó đến nay.

b. Người chủ trương cất lại chùa Phù Dung xưa (tên mới là Phù Anh, trên nền nhà Chiêu Anh Các đã sập đổ) là ông Doãn Uẩn, thời ấy ông làm tổng trấn An Hà (An Giang + Hà Tiên). Chính ông này cũng xây chùa Tây An ở An Giang năm 1847, nghĩa là một năm sau khi chùa Phù Anh ở Hà Tiên đã cất xong.

Năm 1845 ông Doãn Uẩn có đến Hà Tiên, ông gặp sư Tiên Giác Bửu Châu<sup>3</sup> đang ngụ tại nền nhà Chiêu Anh Các. Sau lần gặp gỡ bàn bạc việc khôi phục chùa, sư Tiên Giác Bửu Châu viên tịch ngày 26 tháng 10 năm Ất Tỵ 1845. Tháp của sư còn tại triển núi phía sau chùa Phù Dung bây giờ. Như vậy có thể nói Sư Tiên Giác Bửu Châu là người khai sơn chùa Phù Anh.

Sau năm 1975, chùa Phù Dung do sư Nhật Quang trụ trì, có trùng tu đôi chỗ như: san lấp cái ao nhỏ cạnh chùa, xây tượng Phật Bà Quan Âm trước sân chùa, làm thêm cái liêu nhỏ trên sườn núi bên phải Điện Ngọc Hoàng, đồng thời cho tương bằng: Phù Dung cổ tự. Nhưng trên bình diện kiến trúc xưa, từ chánh điện, khu hậu tổ, Điện Ngọc Hoàng sau chùa, sư Nhật Quang vẫn giữ nguyên như thời kì 1846.

Ngày 4 tháng 7 năm 2004, chùa được công nhận là di tích lịch sử của tỉnh Kiên Giang.

Năm 2011 sư Nhật Quang viên tịch. Một vị sư trẻ đang trụ trì chùa Phật Đà ở Hà Tiên, được cất nhắc tiếp quản chùa Phù Dung, nhân thể làm trụ trì luôn.

Thế là một đời Phù Dung cổ tự đã sang trang!

Hiện thời, chùa đang chỉnh trang làm mới bằng mọi cách. Cảnh quan bên ngoài bên trong thay đổi đến bất ngờ. Người Hà Tiên dù không nệ cổ, thấy cảnh trước mắt, cũng ngậm ngùi than thở: Ô hô, di chỉ ngôi nhà Chiêu Anh Các mang dấu tích lịch sử

Tao Đàn thứ 2 sau Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú đời vua Lê Thánh Tôn của Việt Nam, là niềm tự hào của xứ sở mình nay còn đâu. Và mái ấm chùa cổ mang hồn dân tộc cũng vì thế đã mai một mất rồi!!

#### Chú thích:

1. Núi này có thời được sách *Đại Nam nhất thống chí* gọi là Bát Giác Sơn. Gần đây và cho tới bây giờ nhân dân gọi là núi Đền Liêm (xem các sách địa lý do người Pháp làm vào các năm 1901, 1929 hoặc 1951).

2. Theo Puangthong Rungswasissab (1995) *War and trade: Siamese interventions in Cambodia, 1767 – 1851*: “Vào năm 1833 trong cuộc tấn công vào Hà Tiên, tướng Chaophraya Bodin nhận được chỉ thị: Phải tìm cách mang nhiều người về định cư ở vương quốc hơn nữa để tạo nguồn nhân lực... Những người bị bắt ở Hà Tiên được đưa về Băng Cốc” (Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á* số 1 năm 2012 trang 31 – 40).

3. Sư Tiên Giác Bửu Châu là bạn đồng đại với sư Tiên Giác Hải Tịnh, vì trong tên của hai sư cùng có hai chữ “Tiên Giác”. Hai sư đều là đệ tử của Lão Hòa thượng Tổ Tông Viên Quang. Sư Tiên Giác Hải Tịnh có thời hoàng hóa Phật pháp ở chùa Tây An (Châu Đốc - An Giang). Sư còn là vị sư khai sơn chùa Giác Viên và trụ trì chùa Giác Lâm ở Gia Định (TP. Hồ Chí Minh). Về sau sư ra Huế và được phong làm Tăng cang Quảng Châu, trụ trì chùa Thiên Mụ. Sư tịch năm 1875.





# Một cuộc sống mới

CAO HUY HÓA

**N**gày nay, nền y khoa thế giới đã có những tiến bộ diệu kỳ trong việc phòng ngừa, chẩn đoán và điều trị bệnh, khiến tuổi thọ con người gia tăng đáng kể. Tuy thế, con người vẫn chưa thắng được bệnh ung thư, và căn bệnh quái ác này hầu như ngày càng phổ biến ở mọi nơi trên thế giới. Ngay chung quanh ta, bệnh ung thư cứ rình rập đầu đó, và thỉnh thoảng ta vẫn nghe tin người thân này vừa mới chớm bệnh ung thư, người thân kia sớm lìa trần sau mấy tháng bệnh viện trả về gia đình. Nhưng chiều hướng tích cực là con người ngày càng có ý thức hơn trong phòng ngừa bệnh ung thư, cũng như đã có những phương pháp mới đương đầu với sự lây lan của tế bào ung thư, nhằm kéo dài sự sống. Kéo dài bao lâu thì tùy điều kiện từng người và tiến bộ y khoa ở từng nơi. Mới đây, một nhà khoa học đã chung sống với bệnh ung thư suốt gần 20 năm, bằng phương pháp riêng của mình, kết hợp với y khoa hiện đại, và đã ngộ ra một cuộc sống mới, hạnh phúc và đem lại lợi lạc cho đời.

Đó là Tiến sĩ Y khoa *David Servan-Schreiber*, người Pháp, một nhà khoa học về não bộ nổi tiếng. Ông là giáo sư về Tâm thần học tại Đại học Y khoa Pittsburg (Mỹ), và giáo sư thỉnh giảng tại Đại học Lyon (Pháp). Ông là người đồng sáng lập và sau đó là Giám đốc

Trung tâm Y khoa Tổng hợp tại Đại học Pittsburg. Ông đã phục vụ tình nguyện tại Iraq năm 1991, là một trong những người sáng lập chi nhánh tại Mỹ của tổ chức *Thầy thuốc không biên giới*, một tổ chức quốc tế được giải Nobel năm 1999. Sau đó, ông đã làm việc tại Guatemala, Kurdistan, Tajikistan, Ấn Độ và Kosovo. Năm 2002, ông được tặng thưởng về những đóng góp nổi bật về tâm thần học của Hiệp hội Tâm thần Pennsylvania (Mỹ).

Đang hăng say nghiên cứu và giảng dạy về ngành chuyên môn của mình, nhất là kỹ thuật soi MBI về não bộ do ông và người bạn Doug, một nhà vật lý học, phát minh, thì một dịp tình cờ, ông phát hiện mình bị ung thư não vào tuổi 30.

"Tôi vẫn còn nhớ rõ buổi chiều tháng 10 tại Pittsburg đó, tôi phóng xe mô tô trên đại lộ dọc theo hai hàng cây, lá mùa thu đã trở màu đỏ ối, tôi đang trên đường đi đến Trung tâm MRI. Jonathan và Doug đang đợi tôi ở đó để làm thí nghiệm với các sinh viên tình nguyện. Họ sẽ nhận được một số thù lao nhỏ sau khi nằm vào máy soi và thực hành một số động tác do chúng tôi soạn trước. Sinh viên thứ nhất bắt đầu lúc 8 giờ. Sinh viên thứ hai đáng lẽ phải đến vào lúc 10 giờ nhưng không thấy đến. Jonathan và Doug bảo tôi thay thế. Lê



dĩ nhiên tôi nhận lời. Tôi nằm vào máy soi. (...) Sau 10 phút nằm trong máy soi để cho hai bạn chụp hình, tôi chờ đợi bắt đầu thể hiện các động tác chiếu trên màn hình, nhưng tôi không thấy gì cả. Doug và Jonathan đang ở trong phòng phía trong và chúng tôi phải liên lạc với nhau qua bộ đàm. Tôi nghe trên ống loa: "David, có vấn đề. Phải chụp hình lại". Không sao, tôi sẽ đợi. Chúng tôi bắt đầu lại. Mười phút trôi qua. Tôi nghe tiếng Jonathan: "Có vấn đề. Chúng tôi sắp vào đây". Khi tôi ra khỏi máy soi, tôi thấy sắc mặt của hai bạn tôi có vẻ hơi lạ. Jonathan để tay lên vai tôi và nói: "Chúng ta không thể tiếp tục thí nghiệm được. Có một cái gì trên não của anh". Tôi bảo tôi muốn xem các hình họ mới chụp. (...) Bên phải vùng tiền não của tôi có một cục bướu to bằng quả trứng gà nhỏ. Ở vị trí này cục bướu đó không phải là một cục bướu vô hại, chỉ cần mổ ra là xong chuyện. Cục bướu này là dấu hiệu của một chứng bệnh rất nguy hiểm...".

Hào quang khoa học vừa đến thì bắt hạnh ung thư cũng ập tới. Người bác sĩ tài ba choáng váng. "Làm sao đời tôi lại chấm dứt như thế này nhỉ? Thật khó mà tưởng tượng được. Có một cái vực rất sâu giữa những gì tôi mới khám phá và những gì tôi đã cố gắng xây đắp từ bao lâu nay". David dự cảm là mình chỉ sống khoảng 6 tháng

hoặc quá lắm là một năm. Ông trở về nhà, vất tay lên trán và chiêm nghiệm cuộc đời qua làn khói thuốc. Nhưng cuối cùng, ông ngộ ra một điều bình thường: "Đây là một phần của kinh nghiệm làm người thôi. Rất nhiều người khác đã bị như tôi và tôi đâu có gì đặc biệt. Kiếp làm người là đơn giản như vậy. Trí óc tôi dần dần tìm ra lối thoát cho mình. Đêm đó tôi ngủ được và ngày hôm sau tôi có thể đi làm việc lại và bắt đầu đối diện với cơn bệnh và cuộc đời của tôi".

Thật lạ lùng! Tưởng là tai họa, không dè căn bệnh ung thư lại hé mở cho ông một cuộc đời khác, mà trước đây ông không hề biết vì mãi mê với vinh quang khoa học, đến nỗi vợ chồng ông sớm ly dị. "Một vài tuần sau khi biết mình mang bệnh, tôi có cảm tưởng kỳ lạ hình như có một tấm màn mới được vén ra mà lâu nay đã che mắt tôi lại. Một chiều Chủ nhật, trong căn phòng nhỏ của chúng tôi, tôi ngồi ngắm Anna<sup>1</sup>. Chăm chú và bình yên, nàng ngồi trên sàn nhà, cạnh bàn nước, đang cố dịch những bài thơ từ tiếng Pháp ra tiếng Anh. Lần đầu tiên tôi nhìn nàng và không còn muốn tự hỏi tôi có nên yêu người khác không. Tôi chỉ thấy vài sợi tóc duyên dáng rủ xuống mặt nàng khi nàng cúi xuống trên trang sách, tôi chỉ thấy những ngón tay mềm mại của nàng đang cầm bút hý hoáy viết. (...) Sự hiện diện của nàng làm tôi vô cùng cảm động. Tôi thấy chỉ cần được phép chứng kiến giây phút đó đã là một đặc ân lớn lao đối với tôi lắm rồi. Tại sao tôi không nhìn thấy nàng như vậy trước đây?".

Ông tiếp tục sống như trước, kiêng ăn đường và thịt đỏ, tập thể dục. Bệnh ung thư trở lại vài năm sau đó, ông đã chịu đựng một đợt giải phẫu thứ hai, và hóa trị, xạ trị. Rồi thì ông quyết định dùng năng lực y khoa và khoa học của mình để khám phá và kiểm tra làm thế nào tự cơ thể mình ngăn ngừa ung thư tốt hơn. Ông bộc bạch: "Là một bác sĩ và nhà khoa học, tôi chẳng bảo vệ mình khỏi bị ung thư. Nhưng tôi có thể khảo cứu sâu xa trong tài liệu y khoa và khoa học để tìm ra cách thức sống lâu hơn là một vài năm mà tôi chắc sống được".

"Điều đầu tiên tôi học được là ai ai cũng đều có tế bào ung thư trong người, dù ít dù nhiều. Nhưng ai cũng có những sự bảo vệ tự nhiên để ngăn ngừa những tế bào đó khỏi trở thành bệnh tấn công mình. Những bảo vệ đó bao gồm hệ miễn dịch, những chức năng cơ thể kiểm soát viêm nhiễm, và thực phẩm làm giảm sự gia tăng mạch máu gây nên khối u".

"Tôi khám phá một danh sách những thực phẩm chống ung thư, rất dài. Một vài thực phẩm ngăn chặn tiến trình tự nhiên trong cơ thể, ví dụ như viêm nhiễm làm môi cho ung thư phát triển. Một số thực phẩm khác làm chết tế bào ung thư thông qua một quá trình mà các chuyên gia gọi là apoptosis. Một số khác làm giải độc cơ thể hay che chở chống lại chiều hướng xấu từ gốc. Nhưng phần lớn thực phẩm đều tấn công bệnh trên nhiều chiến tuyến khác nhau. Chúng tấn công ngày lại ngày, ba lần trong ngày, mà không gây ra biến

chúng nào. Để tránh bệnh, điều cốt yếu là nắm lấy lợi thế tự nhiên đó, và nuôi dưỡng nó”.

*“Lối sống của chúng ta là một dạng phân bón cho ung thư. Quá nhiều thịt đỏ, quá nhiều đường, ít rau cải và trái cây: tất cả cần phải được xét lại trong thói quen ăn uống của chúng ta nếu muốn tăng cường sức đề kháng tự nhiên để chống lại ung thư”.* David Servan-Schreiber nhấn mạnh.

Trong website cũng như trong sách của mình, David Servan-Schreiber đã liệt kê tỉ mỉ và đầy đủ chế độ ăn uống và dùng thực phẩm ngăn ngừa bệnh ung thư. Cũng đã có nhiều trang web tiếng Việt trích dịch các tài liệu đó, xin tóm tắt một đoạn trong bài: *“Phòng chống ung thư theo phương cách tự nhiên”* của Trọng Thanh trong website *tintuccaonien.com*:

*“Nên ăn các thức ăn chống ung thư như rau xanh, đặc biệt là bắp cải, súp lơ, súp lơ xanh, cà rốt, bí đỏ, cà chua, hành, tỏi, nghệ, các loại quả như táo, nho, lê, quả lựu,... nên ăn cá với số lượng vừa phải. Đặc biệt ưu tiên các sản phẩm sạch. Về đồ ngọt, nên dùng đường trái cây, mía, hoặc đường chưa tinh chế, hoặc mật ong, với số lượng vừa phải. Uống nước chè xanh, nước sạch, nếu ở khu vực nước bị nhiễm bẩn thì nên có máy lọc nước. Những thực phẩm cần tránh hoặc hạn chế là: thịt, đặc biệt là thịt có màu đỏ, đường, đồ béo quá, đồ nóng, đồ rán cháy, đồ chế biến sẵn, thịt chế biến sẵn và các sản phẩm từ sữa như pho mát (tuy nhiên có thể ăn sữa chua). Không uống rượu, hút thuốc lá hoặc tránh môi trường có nhiều khói thuốc lá”.*

Nhưng cuộc chiến của ông chống ung thư không chỉ là chuyện ăn uống, mà là phương pháp điều trị y khoa tổng hợp, bao gồm trị liệu của bệnh viện và các bác sĩ chuyên khoa, cải thiện dinh dưỡng và ổn định tinh thần. Cuộc đời và sự đóng góp của ông càng phong phú hơn, không chỉ trong lãnh vực y khoa, mà còn trong lãnh vực viết văn, nhằm bày tỏ cách sống mới của mình và chia sẻ với mọi người về kinh nghiệm và kiến thức chống ung thư, đem lại ổn định tinh thần cho người bệnh. Quà tặng cho đời là website do ông lập ra: *Anticancer – A new way of life* (Chống ung thư – Một cách sống mới), và cuốn sách cùng tên với website, được xem là loại best-seller (bán chạy). Ông cũng đã cho xuất bản sách bằng tiếng Pháp: *“On peut se dire aurevoir plusieurs fois”* (Ta có thể nói giã từ nhiều lần). Ông cũng đã phát biểu những vấn đề về ung thư tại nhiều hội nghị khoa học về ung thư trên thế giới.

Thật bất ngờ và cảm động khi ông bày tỏ niềm hạnh phúc dâng tràn, với thời gian gần 20 năm sống cùng căn bệnh: *“Thật lạ lùng, ngày nay tôi mạnh khỏe hơn, hạnh phúc hơn trước khi tôi bị bệnh. Tôi cảm thấy bình yên hơn, sáng sủa hơn, giàu nghị lực hơn, và thiết tha với cuộc sống. (...) Những khảo sát gần đây gợi ý rằng những tập quán hàng ngày có lợi cho sức khỏe có thể đảm bảo tiến triển về thể chất sau hai hay bốn tháng... Những gì*

*tôi học được từ chặng đường riêng của tôi, đó là hãy nuôi dưỡng đời sống với những mức độ mà mình có được, qua những bữa ăn, qua đi bộ trong thiên nhiên, qua mục đích tốt lành của công việc, qua lòng yêu thương trong quan hệ, và qua sự che chở của môi trường của chúng ta. Khoa học bảo tôi rằng những điều đó làm chậm tiến trình của bệnh ung thư, và có thể quan trọng hơn, chúng mang lại cho cuộc sống hàng ngày tia sáng mới và ý nghĩa mới”.*

Nhưng rồi cuộc chiến đấu 20 năm chống ung thư đó cũng phải kết thúc: ông từ trần vào ngày 24/7/2011, hưởng thọ 50 tuổi. Ông đã để lại cho đời những kiến thức và kinh nghiệm chống ung thư quý báu, bên cạnh những đóng góp lớn cho khoa tâm thần học trên thế giới. Cuộc đời mới của ông đầy ý nghĩa nhân văn sau khi phát giác bệnh ung thư đã làm mọi người tin yêu cuộc sống, và làm dịu nỗi đau của bệnh nhân ung thư.

Những dòng chữ tâm huyết sau đây của ông như là những lời nhắn nhủ thiết tha đến mọi người, nhằm tạo hạnh phúc cho mình và an lạc cho xã hội:

1. *Kết nối với người khác:* Giữ quan hệ mật thiết với mọi thành viên trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, láng giềng. Nhìn nhận về họ như là nền tảng cuộc sống của mình. Chính họ làm phong phú tinh thần ta và nâng đỡ ta hàng ngày.

2. *Sống đời hoạt động:* Đi bộ, chạy, đạp xe. Chơi bóng, làm vườn, khiêu vũ. Kiếm cách cho cơ thể hoạt động, như thể mới vui. Cơ thể hoạt động thì tạo ra hạnh phúc.

3. *Quan tâm sâu sắc thời khắc hiện tại:* Hãy khám phá cuộc sống. Quan sát cái gì đẹp hay khác thường. Thường thức cuộc sống ngay bây giờ, dầu bạn đang ngồi ăn với bạn thân hay đang đi đến nơi làm việc. Hãy có ý thức về những gì xảy ra quanh bạn, và những gì bạn cảm nhận trong cơ thể, trong cảm giác hoặc ý nghĩ. Ghi nhận những gì đáng quan tâm trong ngày.

4. *Không ngừng học tập:* Thử làm cái gì mới mẻ. Tập hát, nhảy tango, nấu nướng, tập vẽ. Hãy nhắm tới một mục tiêu rồi thực hiện cho được.

5. *Sống vị tha:* Hãy làm việc gì để giúp người khác, dầu người đó quen hay lạ. Tươi cười với mọi người. Tình nguyện làm từ thiện. Hãy nghĩ rằng hạnh phúc cá nhân của bạn là liên kết mật thiết với hạnh phúc của cộng đồng. Hãy kích hoạt niềm vui vào tận cùng não bộ của bạn!

Chú thích:

1. Bác sĩ David gặp Anna, một phụ nữ Nga trẻ, lần đầu tiên tại căng-tin của bệnh viện. Khi đó, Anna đang đọc thơ Baudelaire (nhà thơ Pháp thế kỷ 19), một chuyện rất hiếm thấy tại Mỹ (theo *“A new way of life”*)

Ghi chú:

Những trích dẫn trong bài này được dịch từ website và cuốn sách cùng tên: *“Anticancer – A new way of life”* của Dr. David Servan-Schreiber. ■



# Những cánh hoa sao

MAI XUÂN HIỆP

**T**hành phố Cần Thơ của tôi đã hơn trăm năm tuổi, có những hàng sao cổ thụ không biết đã được gieo trồng từ bao thế hệ qua, xen lẫn những gốc sao non mới trồng, làm cho thành phố dịu mát dưới những cái nắng trưa gay gắt.

Khi mùa xuân tới, nghe mùi hoa sao thoang thoảng tôi thấy thích thú vô cùng. Đã bao năm, bao tháng ngược xuôi trên những con đường của thành phố, mỗi lúc tôi cảm nhận về sao một khác...

Năm nay mùa xuân như đến sớm hơn, ngày xuân như dài hơn. Sau một tuần tạm xa thành phố du xuân, ngày đầu tiên đi làm, tôi ngỡ ngàng khi cảm thấy ánh nắng ban mai như vàng hơn trên con đường này. Mới một tuần thôi mà cả hàng sao đã thay áo mới, lá non tơ như lụa mỏng mỏng khắp các nhánh cây, rung rinh trong gió xuân. Tôi căng ngực hít thật sâu tận hưởng cái tinh khiết mùi lá non man mát.

Mùa xuân, mùa của cây đâm chồi, nảy lộc. Dưới nách lá, những đốm nụ sao bắt đầu nứt mắt nở ra thành chùm. Các mắt hoa màu trắng nhỏ li ti, rồi nở ra đổi sang màu vàng nhạt, tỏa hương thơm nhẹ nhàng mà ngan ngát cả con đường. Nhìn những cánh hoa li ti rụng bên đường, tôi nhớ về ngày thơ bé đã từng nhặt hoa xâu vào thành vòng đeo tay, đeo cổ như một như những món đồ trang sức quý báu. Mùi thơm của hoa sao đã theo tôi vào cả những giấc ngủ tuổi thơ, hương thơm cho đến bây giờ tôi vẫn chưa quên.

Ngày qua ngày, hoa cứ lớn lên trong gió xuân và đôi cơn mưa xuân nhẹ nhàng. Cánh hoa to dần lên, lúc đầu như đôi móng tay úp vào nhau, to dần như hai cánh ve non màu xanh vàng bám thành bầy chấp chới trong nắng.

Tiết Thanh minh đến, khi những tiếng sấm đầu mùa báo hiệu mùa mưa tới, cũng là lúc những cánh hoa sao trưởng thành, thành những trái sao chuyển màu xanh đậm rồi nâu nhạt. Dưới cái nắng gay gắt của những ngày cuối mùa nắng; nắng đổ từ trên trời xuống; hơi nóng hầm hập từ đường nhựa hắt lên làm cho những cánh hoa sao mau "chín" hơn, trên những tán cây được phủ trùm một màu nâu cánh kiến. Trước gió, dưới mưa những trái sao non yếu không chịu nổi gió đông rơi rụng xuống đường, còn những trái mạnh khỏe thì kiên trì đeo bám trên cây cho đến lúc thành màu nâu sậm.

Khi những hàng phượng vĩ đua nhau nở thắm đỏ trên đại lộ Hòa Bình, thoảng đâu đó tiếng ve kêu báo hiệu mùa thi và mùa hè đến, thì cũng là lúc những trái



sao đến lúc chín khô, được các cơn giông gió mùa hè bứt ra khỏi cây mẹ, xoay tròn bay trong gió như những trái cầu, làm ra món đồ chơi thiên nhiên cho trẻ thơ.

Khi những quả sao già khô rụng xuống, cũng là lúc những tán lá cũng bắt đầu chuyển màu thay lá để chuẩn bị cho một sự sống mới tiếp theo. Nhớ những ngày đời sống còn khó khăn, những chiếc lá sao khô đã giúp cho gia đình tôi có thêm chất đốt để nấu cơm, nấu nước trong gia đình, nấu tắm nuôi heo...

Trái sao và lá sao rụng đầy đường theo các anh chị lao công lên những xe rác ra ngoài thành phố. Nhưng cũng có những trái sao có điểm phúc được những người công nhân đô thị nhặt về tách hạt ươm ra những cây non cho thế hệ mới của sao lại trở về với cuộc đời, góp sức cho đời thêm tươi đẹp.

Tôi yêu thành phố của tôi, yêu những hàng sao, những bông hoa sao, trái sao mà cuộc đời ngắn ngủi của nó là một trong những kỷ niệm đẹp của đời tôi. ■



# Xem hát lúc xá giàn

HÀ THỊ HẠNH

Tôi rất thích nhạc thuộc thể loại tiền chiến, nhất là những bài như *Con thuyền không bến* và *Giọt mưa thu* của Đặng Thế Phong, *Nắng chiều* của Lê Trọng Nguyễn, *Làng tôi* của Chung Quân, hay *Thiên thai* của Văn Cao...

Nhưng có một bài hát đi vào tuổi thơ của tôi và ảnh hưởng đến cuộc đời tôi nhiều nhất là bài *Sơn nữ ca* của nhạc sĩ Trần Hoàn. Những ca từ réo rất lòng người "*Sơn nữ ơi đời ta như cánh chim chiều phiêu bạt thời gian vùn vút trời mây... Sơn nữ ơi...*" đã đưa một cô bé mắt lé, thò lò mũi xanh, chân tay như que sậy hay mặc quần xà lỏn

ở một làng quê nghèo hẻo lánh như tôi có những ước mơ bay xa...

Quê tôi nghèo lắm, nhưng có tổ chất của một vùng quê đẹp. Ở đó cũng có những ngôi đình xưa, những mái chùa cổ; có con sông xanh xanh in bóng mây trời, có những lũy tre che kín đường làng, có dãy núi mờ mờ xa xa; chiều chiều boong boong tiếng chuông chùa và ngân nga tiếng chuông nhà thờ rung. Dãy phố tôi ở chỉ có vài chục căn nhà ngói cũ kỹ, còn hầu hết là nhà tranh lụp xụp quanh năm với ngọn đèn dầu leo lét. Những đêm trăng sáng là những đêm vui đối với

bọn trẻ chúng tôi, là thời khắc an nhàn của người lớn. Cả xóm trải chiếu ra sân, vừa có trăng thanh gió mát, vừa khỏi tốn tiền mua dầu đốt. Trẻ con sau khi chơi đùa chán chê, sà vào lòng mẹ nghe kể chuyện đời xưa; nghe kể chuyện quê mẹ ở tận vùng quê xa lắc xa lơ bên sông Đuống, sông Cầu, mỗi khi nước lũ về trắng cả đồng... Dân vùng tôi hầu hết là người Bắc ở những làng quê nghèo, đi "cao su" vào Nam trong những năm 1925 – 1930. Cuộc sống nơi đây êm đềm nhưng buồn như những đêm tối không trăng. Những đêm tối ấy tôi hay nhìn lũy tre đen thấp thoáng che khuất vầng trăng lưỡi liềm và nghĩ, đời buồn biết bao nếu chỉ khép mình sau lũy tre làng, đêm đêm nghe tiếng dế mèn ní non.

Nhưng vẫn có một sự kiện làm khuấy động cuộc sống lặng lẽ như mặt nước ao làng ấy là mỗi khi có gánh hát về làng. Gánh hát về làng! Cái tin ấy truyền đi rất nhanh. Bọn trẻ chúng tôi háo hức cơm nước, tắm rửa sạch sẽ từ chiều; khác với mọi ngày, người lớn phải gào la, xách roi dọa mới chịu đi tắm. Khi chiếc xe ngựa chở mấy tấm panô quảng cáo bằng vải sơn hình lòe loẹt giới thiệu về tuồng diễn cùng tiếng nhạc ngựa leng keng và tiếng trống thùng thùng đi qua đường làng thì bọn trẻ chúng tôi ùa ra xem và chạy theo sau xe ngựa hò hét đùa giỡn.

Khu chợ mọi lần chưa đến năm giờ chiều đã vắng tanh vắng ngắt, giờ đây là nơi hội tụ bọn trẻ con tò mò tọc mạch của chúng tôi. Ở làng chưa có rạp hát nên mỗi lần có gánh hát về làng là diễn trong nhà lồng chợ, diễn viên thì ngủ la ngủ lết trên những sạp trống. Chưa đến năm giờ chiều là người ta đã dựng rạp, treo màn, che kín hai bên hông nhà lồng chợ, rồi tiếng trống nổi lên nghe mời gọi. Tối một chút là đèn hột vịt thấp sáng tràn cả ngoài đường đến tận lối vào cổng soát vé, với đủ các mẹt thức ăn chơi: nào là chuối nướng với nước cốt dừa, nào là bắp nướng trét mỡ hành, mía ghim, đậu phộng rang, hột vịt lộn, đến những xe khô mực, cá đuối nướng thơm lừng.

Cả phố chợ rộn lên như ngày hội, người có tiền thì quần áo láng chói, í a í ới gọi tên nhau. Thanh niên thì xúc bi-dăng-tin bóng mượt lơ lờ quanh những cô gái tóc xùc dầu dừa bóng loáng có mùi hăng hăng, đang đếm đếm mấy đồng bạc phẳng phiu mới toanh để chút nữa mua vé. Còn bọn trẻ con không tiền như chúng tôi thì há hốc, thèm thuồng nhìn những mẹt thức ăn đang bày bán, lâu lâu ực nước miếng một cái rồi quay đi chỗ khác, hoặc rình rình lúc vắng mấy ông bảo vệ là vạch màn chui tọt ra phía sau, hai tay chèo sau đít, xem diễn viên tô son, thoa phấn, đánh má hồng. Khi gần tới giờ bán vé, hai ông bảo vệ mập ú đen thùi đi một vòng kiểm tra và xách cổ chúng tôi đi ra ngoài.

Tuổi thơ của tôi chưa một lần nào có tiền đi coi hát, nhưng thèm coi hát vô cùng. Mặc cho đòn roi, la lối, nếu có gánh hát về làng, cứ tối đến là tôi trốn ra đứng

châu rìa với mấy đứa bạn nghèo như mình. Hễ thấy có người lớn đi một mình là xáp vào nắm tay, hy vọng được nhận là người nhà dẫn theo, nhưng lần nào cũng bị phẩy tay ra từ chối; họa hoằn lắm mới có người tốt bụng cho nắm áo theo, nhưng lại bị ông soát vé tống cổ ra, vì họ nhẩn mặt với đám trẻ láu tôm láu cá, đá cá lẩn dưa này. Vậy là cửa chính không đi được rồi, thèm thuồng tiếc rẻ và trong lòng nôn nao khi nghe mấy tiếng cộp cộp mở màn đêm diễn. Nhưng trẻ con vẫn là trẻ con, bọn tôi rủ nhau đi vòng ra sau, phân công đứa thì canh chừng bảo vệ, đứa thì giữ tấm bố cho đứa kia chui vào. Nhưng lần nào cũng bị mấy cái đá vào móng của bảo vệ, họ đã rình chúng tôi từ bao giờ! Thế là hết cách, chỉ còn nước ngồi kê tai sát vào tấm màn quây rạp mà nghe kèn trống cho đỡ ghiền. Mấy đứa bạn lên vào không được bỏ về ngủ, còn tôi thì kiên trì chờ..., chờ cho đến lúc văn tuồng hát thì người ta... xả giàn (ý nói là mở cửa ra hết cho khán giả ra về, hết tuồng rồi mà). Ai vô thì vô, ai ra thì ra. Tôi chỉ chờ có thể nhảy chen vào liễn. Đêm nào cũng vậy, tôi coi hát lúc xả giàn. Nhưng bao giờ cũng vậy, để kết thúc đêm hát là có một màn phóng dao găm. Một cô gái đậm phấn son ăn mặc diêm dúa đứng sát vào phòng vẽ cảnh rừng, để cho một chàng trai cũng ăn mặc sặc sỡ phóng dao găm chung quanh đầu mình. Và đặc biệt, bài nhạc đệm luôn là bài *Sơn nữ ca*. Lần đầu tiên xem hát lúc xả giàn, bài *Sơn nữ ca* đã làm tôi xao động biết dường nào. Từng lời, từng lời đệm theo tiếng nhạc như đưa tôi vào một thế giới mê mông kỳ ảo, một cuộc sống phiêu bồng giữa núi rừng ngập ánh trăng... *Sơn nữ ca* đã đến với tôi trong hoàn cảnh đó, và *Sơn nữ ca* đã chấp cánh cho những ước mơ của đời tôi – của một đứa con nít ốm nhom, đen thui đen thít hớt tóc bombê, mắt lé, răng bự như tấm thớt ở một vùng quê nghèo hẻo lánh. ■



# Đứa con bất hiếu của Mẹ Trái Đất

THIỆN THÔNG HIẾU

**M**ẹ Trái Đất đã sinh ra muôn loài, từ những sinh vật đơn bào – là anh cả của sự tiến hóa, lớn tuổi hơn loài người 3,5 tỷ năm. Rất may mắn kho tàng kiến thức của nhân loại cũng nhận thức và ghi lại được điều này, bởi sản phẩm cuối cùng của sự tiến hóa – loài người – chỉ là người em út trong ngôi nhà xanh nhỏ bé.

Loài người đang tự hào là loài động vật bậc cao nhất, đạt được những thành quả oanh liệt nhất: Chúng ta đang có hàng vạn sinh ngữ và hệ thống chữ viết tương ứng để có thể chia sẻ, trao đổi, học tập. Chúng ta cũng đã tìm ra cách tích lũy tri thức qua việc truyền miệng, việc ghi lại bằng giấy, bằng bộ nhớ điện tử,... và bằng những thiết bị tương lai mà hiện tại chưa hề biết đến. Chúng ta đang có cơ sở hạ tầng trải khắp hành tinh được lắp ghép từ tri thức, đất, đá, kim loại, mồ hôi, nước mắt... và máu. Chúng ta được đáp ứng mọi nhu cầu chỉ bằng một cú nhấp chuột máy tính. Con người thực sự là ông chủ lớn của hành tinh nhỏ bé này.

Thế nhưng có bao giờ chúng ta tự hỏi, “Tại sao ta lại có thể đạt được những thành quả vĩ đại như vậy?”

Đại đa số sẽ trả lời sai rằng: “Loài người tài giỏi”, hay tương tự thế mà không bao giờ nghĩ rằng mẹ Trái đất

đã cho chúng ta tất cả những điều đó. Mọi thứ đã sẵn có và con người chỉ việc phân tích, phân loại, hệ thống, lắp ghép thành những sản phẩm, rồi lầm tưởng rằng chúng là của “tôi”. Điều này chẳng khác gì ngồi trên đầu người khổng lồ và hét to rằng “tôi là người cao nhất,” hoặc vợ vét những thứ của người khác thành thứ của mình không một chút ngại ngẫn. Loài người thật là trơ trẽn!

Chúng ta luôn nghĩ tới thành quả mà quên đi những hậu quả do hoạt động của loài người gây ra, sẵn sàng đánh đổi nhiều thành quả khác và đồng thời tác động vào môi trường một cách vô tư. Chúng ta sản xuất ra những sản phẩm để sử dụng – đạt những nhu cầu của ta và cuối cùng những thứ mà ta đã nâng niu, tự hào, sử dụng... biến thành rác. Điều này diễn ra hàng ngày, hàng giờ và được nhân với một con số kỷ lục hơn bảy tỷ.

Khựng lại suy nghĩ một chút và xóa nhòa đi hết những niềm tự hào vì những thành quả vĩ đại... Hãy đặt câu hỏi rằng: “Mẹ Trái đất sẽ chịu đựng được bao lâu với đứa con hư này?”. Vậy mà mẹ vẫn ngậm đắng nuốt cay về những người đứa con bất hiếu, vẫn hiền hòa nhận vào lòng mình những lỗi lầm của đám con thơ dại – trong khi đám trẻ nhỏ chưa biết chúng đang làm gì sai. Đúng là “Con dại cái mang!”. Nước mắt mẹ đã rơi



hào lúc đứng trên tòa tháp Burj Dubai, vỗ ngực rằng oai phong rằng ta là nhất – và chẳng chịu nhìn xuống dưới nơi mà một bãi rác đang không còn chỗ chứa, loài người đang phải đi cào kheo trên rác, sống chung với rác và hàng loạt những căn bệnh mới xuất hiện vượt cả sự phát triển thần kỳ của y học.

Rác vẫn vô tư thải vào đất mẹ hiền hòa từng giây phút, mặc cho những dòng sông xanh thắm trôi vào những bức ảnh kinh điển treo trong viện bảo tàng. Kim loại, hóa thạch,... và tài nguyên nói chung đang bị vết cạn dần bởi sự khai thác vô tội vạ đơn giản chỉ vì tiền – không bao giờ nghĩ tới hậu quả do mình gây ra. Loài người không bao giờ để lại cho thế hệ tương lai tài nguyên của đất mẹ - thật là ích kỷ và tàn nhẫn biết nhường nào. Mọi giới hạn đạo đức và những quy luật đều bị đám linh trưởng bậc cao này phá vỡ không thương tiếc, loài người đang làm những thứ không thể tưởng tượng được, tiêu diệt tất cả mọi thứ trên Trái đất này dần dần, kể cả tiêu diệt chính đồng loại của mình và cuối cùng là đẩy hành tinh vào tận thế.

Tác động của loài mà chỉ xuất hiện cách đây hơn 4.000.000 năm, loài thông minh nhất và cũng tài giỏi nhất trong việc phá hủy Trái đất và giết chết dần người mẹ đã cứu mang sự sống của chúng, là vô cùng khủng khiếp. Loài người là loài bất hiếu nhất từng thấy. Chúng ta đã quên đi người đã sinh ra ta, người đã “thai nghén” ta trong suốt 3,496 tỷ năm (tính từ khi có mặt sinh vật đơn bào đầu tiên) và đẻ ra đứa con vô phúc này – khiến cho ngôi nhà xanh mẹ Trái đất xây dựng sẽ tan theo mây khói trong tích tắc.

Rồi mọi thứ muôn loài sáng tạo ra sẽ trôi vào hủy diệt nếu như những hành động của con người không được thay đổi ngay từ bây giờ. Hãy thức tỉnh lại và đừng phồng mũi bởi những thành tựu cao

vời mà quên đi những sự giác ngộ đơn giản này. Chúng ta đang

là ông chủ của hành tinh và có quyền chọn ta là người

con bất hiếu hay không?

Chúng ta sẽ trường tồn nếu chúng ta hiểu thảo với mẹ Trái đất – đó là lẽ

luân thường đạo lý đơn giản thôi mà. Chúng

ta sẽ làm được

và thức tỉnh

ngay lại. Cho

dù, nước mắt

của mẹ Trái đất

đã rơi quá nhiều, cho dù những lỗi lầm chồng chất của chúng ta không còn chỗ chứa thêm. Nhưng người mẹ hiền hòa sẽ vẫn ôm người con bé bỏng vào lòng khi chúng biết những lỗi lầm và cho chúng cơ hội xóa đi những hậu quả đã gây ra... ■

bởi những thành quả và những điều tệ hại của những đứa con “lắm tài, nhiều tật” này.

“Trẻ con” có quyền làm bất cứ việc gì dù đúng hay sai đi nữa, chẳng bao giờ chịu nghe lời và học hỏi những bài học đơn giản từ người anh tiến hóa của chúng, đến mức tiêu diệt một cách tàn nhẫn – ăn thịt không một chút thương tiếc. Chúng ta tung hoành ngang dọc, hút cạn mọi “máu” và “nước mắt” của đất mẹ, sẵn sàng triệt phá rừng

làm nguyên liệu cần thiết cho những

nhu cầu thiết yếu của loài người, mà

chẳng đoái hoài gì tới lá phổi xanh

của Thế

Giới này

– nó đã

bị phá hủy hai

phần ba diện tích kể từ sự

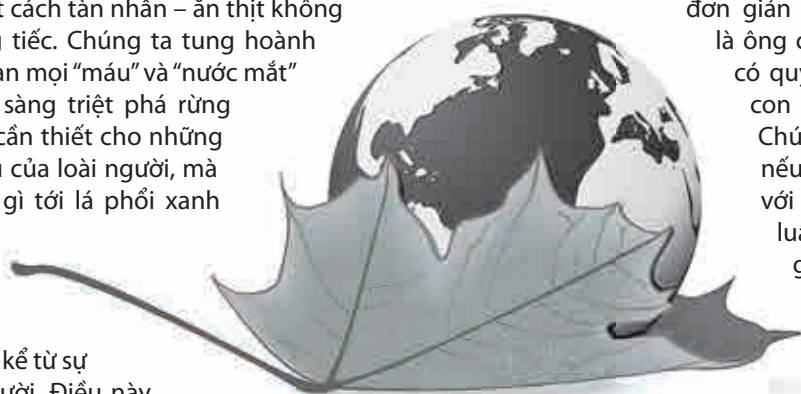
xuất hiện loài người. Điều này

cũng giống như một người bị cắt mất

hai phần ba lá phổi của anh ta và từ đó anh ta chỉ sống

để chờ chết.

Liên tưởng trên khiến cho ai đang hiểu mẹ Trái đất phải giật mình và ngay lập tức đặt ra câu hỏi rằng: “Ngày tận thế - đã đến?... Khi mà loài người vẫn tự





# Vườn cũ

HUỲNH KIM BỬU

**G**ì đây, ngồi lại với tuổi bóng xế của mình, tôi luôn nhớ quê, nhớ đến các bậc sinh thành nay đã không còn, nhớ về vô vàn những kỷ niệm ngày trước... và tôi cũng hay nhớ về những mảnh vườn xưa.

Ngôi nhà của ba má tôi tọa lạc giữa một mảnh vườn rộng rãi. Từ tuổi lên tư lên năm, hằng ngày tôi đã ra vườn dạo chơi một mình. Tôi thích cưỡi “ngựa phi đằng xa...” trên con ngựa gỗ ba đặt ở một góc vườn dành cho tuổi thơ tôi. Vườn có bóng râm mát, cho tôi thích tung tăng với bóng mình, bóng lá trên đầu. Những khi ra vườn cùng các chị, tôi luôn được chị hái cho ăn những quả ngon, thường là chuối, xoài, mận, ổi... chín bói hoặc dơi ăn dở, rút từ trên cành xuống.

Tuổi tôi mỗi ngày mỗi lớn và mỗi ngày tôi thêm quẩn quít với mảnh vườn nhà mình. Đi học về là tôi vội nhảy ra vườn; hết leo trèo, hái quả, lại “múa gậy vườn hoang” theo lời các chị hay mắng yêu tôi. Tôi cũng hay rủ đám bạn nhỏ hàng xóm sang chơi. Nhiều khi, chúng tôi chọn một góc vườn làm “sân khấu” cho một “đêm” hát bội. Tưởng tích để diễn thì mới xem nơi lễ hội đình làng, còn mũ mào, xiêm, giáp, được chúng tôi chăm bằng lá mít, lá chuối; chúng tôi còn lấy mo tre, mo cau, tổ đồng dộc làm giày hia, trông cũng oai lẫm. Tôi

cũng đã không ngại, sau cuộc chơi, đãi bạn một mâm quả chín... héo (thường là chuối ngả non, xoài non rụng...) được thu gom để dành từ hôm trước.

Tôi nhận ra mảnh vườn quanh năm cho mình nhiều hương thơm và mật ngọt. Tháng Giêng tháng Hai, tôi được hưởng cái ngan ngát của mùi thơm hoa bưởi, hoa chanh, hoa xoài, hoa mận... Sang tháng Ba tháng Tư tháng Năm, tôi lại được hít thở đầy lồng ngực mùi thơm lựng mật ngọt của đủ thứ trái chín: xoài, mít, mía mừng, nhãn lồng, ổi xá lị... Tôi có cảm giác hương thơm của trái cây chín đặc quánh ở trong vườn, cho tôi hít thở no nê, đã đời. Đây là lúc mùa hè đến, mùa trái cây chín. Những năm đi học xa nhà ở trường Phú An, cứ đến Tết Đoan ngo, tôi lại được về nhà ăn một cái Tết mà người ta gọi là “Tết trái cây”. Má tôi bảo, hè đến trái cây chín rộ, cho nhà nhà có nhiều hoa trái mà ăn Tết, dâng cúng ông Khuất Nguyên, mỗi năm một lần vào ngày mồng năm tháng Năm. Hồi đó tôi thắc mắc, không biết sao mọi nhà cúng ông Khuất Nguyên bằng trái cây? Rồi cũng má trả lời, bởi ông ấy là nhà thơ có tâm hồn rất mực thanh tao, cao nhã. Tháng Chín tháng Mười gió mưa sục sùi, lụt lội, tôi không thích đi đâu, chỉ thích ngồi nhà nhìn mưa rơi ngoài vườn. Một cái vườn sũng nước, một màn mưa trắng đục, cây cối vật vờ nhòa đi trong mưa gió. Nhiều lần trong cảnh ấy, tôi được



nghe chú Tư là em ruột của ba tôi đi học College Quy Nhơn về, đứng ngồi trông mưa mà hoài cảm ngâm thơ: "Mưa chi mưa mãi - Lòng nhớ nhung hoài - Nào biết nhớ nhung ai!..." (Lưu Trọng Lư). Giọng ngâm thơ của chú như lời năn nỉ, thở than, một niềm nhung nhớ xa vời vợi... nó bắt tôi phải mỉm lòng đồng cảm với tác giả bài thơ và thương cho chú mình. Những khi ba má đi về ngoại, có dẫn tôi đi. Có phải chăng, tại mảnh vườn cho tôi nhiều thụ hưởng, cho nên đi đâu xa ít ngày là tôi nhớ vườn và mong về? Tôi nhớ nhất con ngựa gỗ ngoài vườn ba cho, để tôi "cưỡi phi đàng xa", nhớ những cây lành, quả ngọt trong vườn...

Tôi thích làm vườn. Được nghỉ học, thế nào tôi cũng ra vườn để cùng ba má, cùng các chị xách nước tưới cây, cắm thêm cành chái cho dây dưa leo đang tìm chỗ bò, sẵn soi mấy nụ hoa cà tím tím vừa có con ong bay về thụ phấn, rồi bay đi... Công việc tôi làm, nhiều khi không thành, để cho ba phải sửa lại, các chị có cơ mắng rằng tôi là thằng táy máy, con khỉ thấy gì cũng bắt chước. Đi ngoài đường, gặp cây ổi chim ăn rớt hột, mọc bờ mương, tôi nhỏ đem về trồng góc vườn; trồng thêm cây chanh, cây bưởi bên thêm giếng cho thêm hương thơm những khi mẹ và các chị ngồi gội tóc...

Tôi cũng nhớ tới vườn chùa Phước Đức của làng tôi. Tòa chánh điện của chùa thấp thoáng dưới tán xanh

um cổ thụ, cổng tam quan soi bóng nước hồ sen dập dờn phía trước. Vườn chùa Phước Đức rộng rãi, râm mát bóng những hàng cây hoa đại, hoa ngọc lan, cây thị sai quả ngan ngát mùi thơm; đứng sừng sững từ bao giờ những ngôi bảo tháp mà tôi biết đó là nơi cất giữ hài cốt của các vị Tổ quá cố của chùa. Mỗi lần đi trong vườn chùa tĩnh lặng, tán lá mát rượi trên đầu, tôi luôn cảm giác rằng đây là một cảnh giới đã lọc hết bụi trần vốn gây bao điều khổ đau, phiền não cho con người.

Và tôi cũng có những mảnh vườn hoang để cùng chúng bạn lui tới, thường là các bạn chăn thả trâu bò. Vườn hoang đa phần là vườn vô chủ, bày ra cảnh nền cũ, giếng lạn, đầu cũng trùm lấp lá khô và cỏ dại. Cũng còn lại vài bóng cây cao đứng ở mấy góc vườn. Đến vườn hoang, lũ trẻ nhỏ chúng tôi thích lục lạo, tìm kiếm cái quả ngon, vật lạ: chùm trâm chín tím, chùm chà là chín sẫm, quả trứng cá chín đỏ, chùm sung hươm hươm... Có cái vườn hoang, hôm bới đất chơi, trồi lên ông bình vôi bằng sứ men xanh mà sút miệng, cái xâu đồng tiền nửa han rỉ, hời ra, biết là tiền Quang Trung Thông Bửu... Thằng cu Lia, cu Mọi đi đâu cũng thủ sẵn ná cao su, chực bắn cái này, vật nọ. Nhưng vào vườn hoang, chúng chỉ dám bắn con cu cườm nhảy mặt đất, con chim cuốc lủi bờ rào, chứ đâu dám giương ná bắn con chèo bẻo, con chim khách tinh nghịch trên cành cây cao, ỉa sọt sẹt cục cứt trắng non, rớt xuống đầu chúng. Vì chúng sợ hòn đất vô tình bắn ra nhằm phải Cô Bà khuất mặt, linh thiêng đang ngự trên đó, như điều người lớn vẫn dạy bảo chúng, đừng quấy phá. Nhưng người ta đã bảo, đi đêm có ngày gặp ma. Có hôm, ông chủ mảnh vườn hoang kia học đầu *phép độn thổ* thỉnh linh xuất hiện giữa vườn, như vừa đội đất chun lên. Thế là ông rượt bắt bọn này, hột hết, chỉ tóm được cu Mọi. Nó bị chủ vườn xách tai đến hồng chân cho đau trào nước mắt ra, bảo để trị tội thả trâu giẫm nát bờ rào vườn ông ta.

Vườn cũ bây giờ đã thay đổi nhiều. Ba tôi mới mất vài năm nay, nhưng ông đã không còn làm chủ ngôi vườn của mình từ mấy chục năm trước. Xã quê nhà, bây giờ đã là xã chuyên canh cây mai xuân và cây bonsai. Người ta đã có thói quen tính toán, một mét vuông đất đặt được bao nhiêu chậu kiểng. Mà chậu kiểng đặt đến đâu thì tre pheo, xoài, mận, ổi, cam, rau, ớt... phải nhường chỗ, cho nhà nào nhà nấy hàng ngày ra chợ mua rau, cà, chanh, ớt về ăn. Việc tính toán này chẳng những ở trong các vườn nông dân mà còn lan đến vườn chùa Phước Đức, cùng mấy mảnh vườn hoang trước kia chỉ để cho cỏ dại mọc. Cũng phải thôi, vì cây mai xuân và cây bonsai An Nhơn đang có thương hiệu mạnh, được cả nước ưa chuộng và đang tạo nên cảnh ăn nên làm ra vui vẻ cho vùng đất này.

Việc đổi thay những mảnh vườn nằm trong cuộc đổi thay cuộc đời chung. Dẫu sao, tôi cũng luyến tiếc những cái vườn cũ của quê tôi. Tôi nhớ nhung, luyến tiếc lắm tiếng chim vườn cũ, tiếng gió đập tàu tiêu, màu nắng râm mát, cái hương, cái mật của vườn... ■

# Nỗi lòng rau muống biển

LÊ HỨA HUYỀN TRẦN

**N**ơi tôi ở cũng là nơi biển ở, tôi sinh ra đã thấy biển trên đời. Ấu thơ là những ngày tôi chạy dọc hoài theo những triền cát nghe sóng vỗ vào lòng... Tôi yêu biển. Không chỉ vì từ bé tôi đã luôn thấy biển mà còn vì biển mang lại nguồn sống cho cả gia đình tôi, cho nhiều bà con làng chài vùng duyên hải.

Gia đình tôi nghèo; và cũng như bao cuộc sống của dân làng chài khác, cuộc sống của chúng tôi bám vào biển. Ở đó, nỗi lo bám vào những cơn bão và niềm hân hoan bám vào những phút trở về. Ba cứ đi theo các chú lên tàu ra khơi. Có khi ba đi chỉ hai tuần, ấy là lúc biển động không có cá. Có khi ba đi bần bật cả tháng hay thậm chí mấy tháng liền. Căn nhà nhỏ chỉ còn mẹ và hai chị em tôi ngày ngày ngóng đợi tin ba... Mỗi lần ba đi là mỗi cuối ngày mẹ lại nắm tay hai chị em tôi nhìn ra biển khơi, chỉ về phía những con tàu trong mù sương tím tấp và nhẹ nhàng nói: "Ở nơi đó có ba". Nhờ vậy, chúng tôi như vơi đi nỗi nhớ, chỉ cần nhìn thấy được con tàu, và trong trí óc tuổi thơ tôi, con tàu đó có chở ba đi, thì khoảng cách nghìn trùng ấy cũng trở nên gần gũi. Lớn lên trong gia đình nghèo nên những lo toan vất vả của cuộc sống áo cơm thấm sâu vào trí óc của chúng tôi. Biết rằng mình còn thơ bé quá chưa giúp được gì nhiều cho ba mẹ nên tôi luôn cố gắng đỡ đần mẹ những việc nhỏ nhặt trong nhà. Và cũng bởi thế những lúc rảnh rỗi tôi lại lần la đi tìm những gì mà tôi cho là "có ích" đối với cuộc sống của chúng tôi. Khi là vài cái vỏ sò xâu chuỗi lại đem bán cho khách du lịch, khi lượm lặt rác bần để

bờ biển quê tôi đẹp hơn, khi lại đi bán dạo vài thanh kẹo cho những cặp tình nhân đang cùng nhau ngắm biển... Và cho đến một ngày tôi đã phát hiện ra, ở một góc biển vắng mà tôi chưa bao giờ tới, là cả một vùng riêng của rau muống biển...

Đối với đứa nhóc ưa khám phá như tôi, việc phát hiện ra rau muống biển là cả một phát kiến lớn. Tôi cũng không nhớ nổi ngày ấy tại sao rau muống biển lại có sức hút lớn với tôi như vậy. Tôi chỉ nghĩ rằng tôi đã kiếm được cái ăn mới cho gia đình, thay vì cứ phải bỏ ra một khoản tiền mua mớ rau ngoài chợ. Tôi mong từng ngày thứ dây ấy bò lan khắp nơi trên mặt cát rộng, để tôi có thể hái về cho mẹ nấu canh. Đầu óc tôi ngày ấy đinh ninh rau muống biển cũng như mớ rau muống ruộng ngoài chợ, có thể ăn được... Vì sức khỏe và tuổi tác ba không đi biển được nữa. Tôi chạy ra biển mang về cả rổ rau muống biển mà tôi vẫn hằng chờ chúng lớn lên để đỡ đần cha mẹ. Mẹ thoáng chút ngỡ ngàng rồi khẽ mỉm cười vuốt tóc tôi: "Cảm ơn con, nhưng cái này không ăn được!". Khỏi phải nói, trong tôi hụt hẫng nỗi thất vọng lớn thế nào. Tôi ném cả rổ rau muống biển xuống đất và bực dọc trút giận vào những chiếc lá còn xanh...

Bây giờ tôi đã là một sinh viên, nhưng mẹ vẫn giữ thói quen dẫn tôi đi dạo biển mỗi ngày, nhưng những chuyến dạo biển này còn có thêm ba bên cạnh. Tôi cảm thấy thật ấm áp và hạnh phúc. "Mỗi sự vật sinh ra trên đời đều có lý do tồn tại của riêng nó", ba nhìn tôi mỉm cười và chỉ về phía đám rau muống biển. Tôi chợt nhận ra những chiếc lá của chúng có hình trái tim... ■





# Ngã tư

NGUYỄN THANH VŨ

**T**ại ngã tư, nơi giao thoa của những con đường, thường xảy ra những chuyện khó coi. Mọi chuyện bắt đầu từ trụ đèn tín hiệu giao thông. Ai chẳng biết lẽ thường khi đèn tín hiệu giao thông chuyển sang màu đỏ thì người điều khiển phương tiện giao thông phải dừng lại như một mệnh lệnh. Vậy mà cũng có một số người vô ý thức, cố luôn lách trong rừng xe cộ để tiến lên phía trước, mặc cho những va quệt nhỏ và những con mắt khó chịu của mọi người xung quanh đang nhìn mình. Rồi họ ngó trước nhìn sau láo liên, khi không có cảnh sát giao thông đứng gác thì họ cho xe lao nhanh về phía trước, bất chấp những hiểm nguy đang rình rập.

Có những cảnh lộn xộn ở ngã tư bởi sự vô ý thức của một số người. Khi đèn tín hiệu giao thông không hoạt động, lẽ ra người tham gia giao thông phải có ý thức nhường đường cho nhau để tránh xảy ra những chuyện đáng tiếc. Nhưng không! Nhiều người cố giành phần hơn, có khi là từ xe đạp, có lúc từ xe gắn máy, đến cả xe ô-tô cũng thế. Việc tranh nhau mỗi người một ít dễ dẫn đến va quệt, cãi cọ, thậm chí còn dùng xe giữa ngã tư để ăn thua đủ với nhau. Và lẽ đương nhiên chuyện ùn tắc giao thông sẽ xảy ra.

Đôi lúc, ngã tư còn là nơi để người ta dừng lại... buồn chuyện, nghe điện thoại, xem báo... một cách vô tư (lúc

đèn đỏ chuyển qua đèn xanh) mà không biết rằng phía sau mình có rất nhiều người nhẩn còi inh ỏi.

Có lần tôi chứng kiến một cảnh hết sức buồn ở ngã tư. Khi đèn đỏ hiện lên, tôi ngoan ngoãn dừng lại đứng ngay vạch quy định. Bên kia đường, một bà lão và một cậu sinh viên băng qua đường ngay vạch dành cho người đi bộ. Cậu sinh viên khỏe mạnh nên đi nhanh thoăn thoắt. Trong khi bà lão vì quá già (trạc tuổi 70) đi rất chậm, lê từng bước chân run rẩy. Tôi nhìn bà lão với đôi mắt ái ngại, "hồi hộp" không biết bà có qua kịp khi đèn xanh hay không? Mặc dù bà với tay theo cậu sinh viên, nói điều gì đó tha thiết như là muốn nhờ cậu dẫn bà qua đường giùm, nhưng rõ ràng cậu ấy vô tình như không nghe thấy, nhắm một mạch bên kia đường mà đi thẳng, chẳng ray rút quay lại nhìn bà lão. Và đúng như tôi "dự đoán", bà lão qua đường không kịp. Khi đèn đỏ hiện lên, lần lượt từng xe rồ ga, bà lão hoảng loạn. Cũng may là có nhiều người cảm thông, nhường đường cho bà. Bịch trâu cau bà mang theo trên người đã phải bỏ lại giữa đường. Bà lão tiếc nuối nhưng không dám dừng lại nhặt...

Ngã tư, nơi người ta vô tình gặp nhau rồi lướt qua nhanh. Chỉ vài giây ngắn ngủi thôi, nhưng cũng đủ để cho chúng ta chiêm nghiệm ra nhiều bài học quý báu về văn hóa giao thông và về phẩm cách con người. ■



# Cô giáo về làng

Cô Kim vừa bước xuống xe, lũ trẻ đã chạy đến vây lấy, tíu tít như bầy chim non mừng mẹ. Đứa nắm tay, đứa ôm chân, đứa giằng lấy giỏ, hai ba đứa xúm nhau khuôn cái thùng đồ to tướng.

Cô Kim có vẻ mệt mỏi vì đường xa nhưng cũng vui vì lũ trẻ, nét mặt cô rạng rỡ với nụ cười tươi tắn trên môi.

“Các con đợi cô có lâu không?”

“Mấy con đợi cô từ sáng đến giờ”. Lũ trẻ nhao nhao.

“Con có đem xuống qua rước cô”. Một đứa gái tóc thắt bím đơng đưa lên tiếng.

“Các con giỏi quá!”

Cô Kim hôn lên tóc, lên má từng đứa rồi nói:

“Bây giờ mình ngồi nghỉ mệt cái đã rồi hãy qua sông. Cô sẽ khao các con nước mía”.

“Hoan hô cô!”. Lũ trẻ reo lên.

Tự nãy giờ mọi người ai cũng chú ý đến cô giáo và đám trẻ. Mấy bà hàng nước, mấy anh chạy xe ôm không khỏi trầm trồ khen ngợi: “Học trò đầu ngoan quá!”.

Một bà đi chợ về, thấy lũ trẻ ngồi đầy trước xe nước mía, ghé vào hỏi chủ quán:

“Hôm nay học trò đi đầu đông quá vậy bà?”.

Bà chủ quán vui vẻ giới thiệu:

“À, lũ trẻ đi đón cô giáo. Cô Kim đây là người thành phố, về mở lớp tình thương cho lũ trẻ”.

“Vậy sao? Tôi có nghe mấy ông trong xã nói, tôi cứ tưởng mấy ông nói thôi chứ chưa làm được, ai dè... Để tôi về bảo con Tí nhà tôi đi học”.

“Nè, lớp học ở chùa Trúc Lâm, bà có cho con bà đi học thì đến đó!”. Chủ quán gọi với theo người đàn bà nọ.

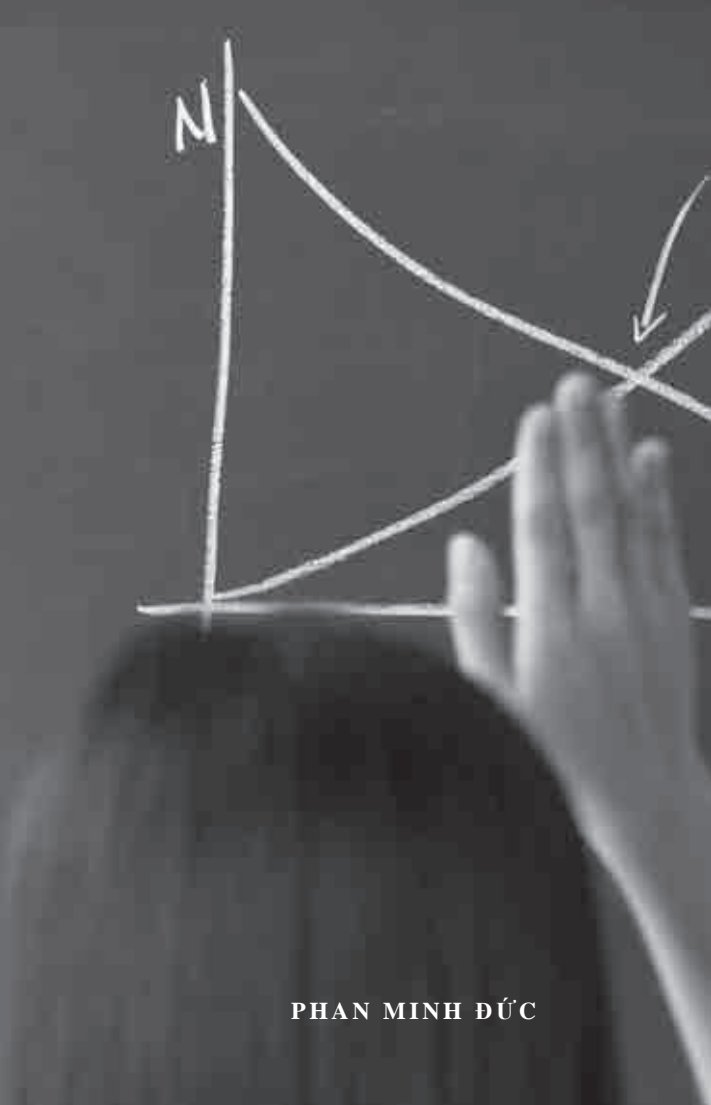
Ống nước mía xong, cô Kim cùng lũ trẻ đi ra bến đò, nơi đó có xuồng của các em chờ sẵn. Mùa nước nổi, con nước chảy cuộn cuộn mang theo lớp phù sa đỏ ngầu, nếu không phải là người sống ở vùng sông nước thì không khỏi sợ hãi khi thuyền trôi trên mặt sông mênh mông. Nhìn chiếc xuồng con lắc lư bên cạnh chiếc đò tam bản, cô Kim cười bảo:

“Chiếc xuồng bé tí này chở không hết mấy cô cháu mình rồi. Lần này cô về có mang theo nhiều tập vở và sách truyện thiếu nhi cho các con nên đồ nhiều hơn những lần trước”.

Người lái đò đang ngồi đợi khách trên bờ sông cũng lắc đầu tỏ ra ái ngại cho cô giáo và các học trò của cô:

“Chiếc xuồng nhỏ quá không qua được đâu cô ơi. Lúc này nước lớn, sóng to nguy hiểm lắm, cô và các em đi đò sẽ an toàn hơn. Tôi đưa giúp cho, tiền đò cho bao nhiêu cũng được”.

Cô Kim thấy người lái đò nói phải bèn cảm ơn anh ta rồi bảo lũ trẻ xuống đò. Người lái đò cột dây chiếc xuồng vào đò mình rồi dùng chiếc xuồng lướt sóng sang sông. Cô Kim hỏi người lái đò:



PHAN MINH ĐỨC

"Những ngày mưa to gió lớn làm sao sang sông được hở anh?"

"Thuyền lớn thì đi được, còn thuyền nhỏ vào những ngày mưa bão không sang sông được, phải đợi đến lúc qua mưa, gió lặng. Ở thành phố chắc ít mưa phải không cô?". Người lái đò hỏi.

"Thành phố ít mưa nhưng khi mưa thì mưa to lắm, nước cũng ngập như ở dưới này". Vừa trả lời cô Kim vừa cười.

"Vậy sao?". Người lái đò ngạc nhiên.

"Anh lái đò trên sông này được bao nhiêu năm rồi?". Cô Kim hỏi.

"Cũng tám năm rồi, cô à".

"Làm nghề lái đò cũng như làm nghề giáo vậy!". - Cô Kim nói với người lái đò rồi nhìn mấy đứa học trò của cô. Dòng suy tư như lắng đọng, cô đưa mắt nhìn về xa xăm.

Người lái đò không hiểu câu nói của cô, cười bảo:

"Nghề lái đò sao so bì với nghề giáo được".

Cô Kim mỉm cười.

"Người thầy là người dẫn dắt, chèo chống đưa tuổi trẻ qua dòng sông tri thức. Khi đến bến tương lai, biết có mấy người nhớ đến công ơn ấy. Cũng như người lái đò đưa rước khách sang sông, đến bến rồi biết còn ai nhớ đến. Nhưng người lái đò không cần lời cảm ơn, chỉ mong đưa người đến bến...".

Người lái đò bỗng trở nên trầm lặng, anh khẽ gật gù: "Cô giáo nói phải lắm".

Hai người im lặng giây lâu. Người lái đò hỏi:

"Nghe nói cô giáo dạy lớp học tình thương và lớp giáo lý cho thiếu nhi ở chùa Trúc Lâm?".

"Dạ phải. Anh ở gần chùa Trúc Lâm sao?".

"Không, tôi ở cách chùa chừng vài cây số. Nhưng trẻ em xóm tôi có đến học lớp của cô giáo. Tôi cũng thường hay đi chùa Trúc Lâm, có nghe Sư cô nói lại".

"Hóa ra anh là một Phật tử".

"Dạ phải, gia đình tôi theo đạo Phật. Ngày trước tôi quy y ở chùa Trúc Lâm và có theo học lớp giáo lý của chùa. Bây giờ dù bận sinh kế nhưng tôi vẫn giữ bổn phận của người Phật tử tại gia, giữ gìn năm giới và thường hay lui tới chùa làm công quả. Cho đến bây giờ, những bài học giáo lý vỡ lòng và những lời dạy của thầy tôi vẫn còn nhớ rất rõ".

Cô Kim nói bằng giọng như thể tự nói với chính mình:

"Những kỉ niệm của tuổi trẻ thường để lại ấn tượng sâu sắc cho sau này. Hơn nữa, tuổi ấu thơ cũng như tờ giấy trắng chưa bị vấy bẩn bụi đời. Chính vì thế mà tôi muốn ở lứa tuổi học trò các em được giáo dục tốt về tri thức lẫn đạo đức, và có những hiểu biết bổ ích về đạo Phật. Tôi nghĩ, có như thế, khi lớn lên các em sẽ là những công dân tốt trong xã hội và là những Phật tử chân chính, thuần thành. Sự giáo dục trong môi trường đạo đức, hiền thiện sẽ để lại ấn tượng tốt đẹp nơi các em".

"Xem ra cô giáo là người có tâm huyết!".

"Anh quá khen rồi, tôi là một Phật tử, tôi chỉ muốn đóng góp một phần công sức nhỏ mọn cho Phật pháp vậy thôi".

Hai người mãi nói chuyện mà đò gần tới bến không hay, lũ trẻ nhao nhao lên:

"Tới rồi cô ơi, tới rồi cô ơi!".

"Các con ngồi yên, đừng đứng lên kéo té. Chèo đò cập bến, để chú cột dây xong các con hãy lên bờ". Người lái đò căn dặn lũ trẻ.

Đò từ từ cập bến, người lái đò tắt máy rồi chạy ra đằng mũi, anh nhảy lên bờ, kéo dây cột vào chân cầu.

Lũ trẻ lần lượt lên bờ, cô Kim mở túi xách định lấy tiền ra trả tiền đò cho người lái đò. Anh khoát tay bảo:

"Thôi, không có là bao. Tôi xin góp phần công đức".

"Xin cảm ơn anh, nhưng không được đâu, anh phải nhận chút đỉnh tiền thù lao. Chúng tôi đã làm lỡ một chuyến đò của anh rồi".

"Không sao đâu. Cô giáo làm như vậy tôi sẽ buồn đó". Người lái đò một mực từ chối. "Thật ngại quá. Một lần nữa cảm ơn anh nhiều lắm".

Lũ trẻ cũng rối rít cảm ơn người lái đò rồi cùng cô Kim đi bộ về hướng chùa Trúc Lâm. Từ bến đò đến chùa Trúc Lâm còn khoảng một cây số. Bóng cô Kim và lũ trẻ đã khuất sau rặng tre làng mà người lái đò vẫn còn dõi mắt trông theo... ■



# Sau lưng ba...

PHONG LAN

**S**au khi sinh con ra mẹ bị bại liệt nằm một chỗ. Ba đã luôn cõng con trên lưng qua những tháng ngày ruộng đồng, còn con vẫn nép mình sau lưng ba trải qua những ngày nhỏ bé thơ dại.

Con vẫn hay ngậm ngùi tự hỏi sao mình không được mẹ gánh đi trên quang gánh như những đứa trẻ khác, được mẹ bồng ẵm ầu ơ... Những lúc ấy ba lại an ủi con, đặt con lên vai, cho con chơi trò máy bay lượn vòng, để con thấy như mình đang bay thật và con cao hơn những đứa trẻ khác.

Sau lưng ba con thấy cánh đồng tím tắp, những con đường quanh co, những giọt mồ hôi trĩu nặng và cả một cuộc đời gánh vác cho con. Ba đã dành cả một cuộc đời cho mẹ và cho con; đôi tay ba bồng mẹ, và trên lưng ba có con. Rồi mẹ lặng lẽ ra đi, đi đến một nơi thật xa để nhìn con, ba đã nói với con như vậy. Con khóc sau lưng ba, quệt những giọt nước mắt vào vai ba, vai ba trĩu nặng... tuổi thơ con lớn lên trên vai ba!

Người ta thường nói: "Sau lưng người đàn ông là một người phụ nữ".

Mẹ đi xa, những tưởng sau lưng ba sẽ có một ai đó tranh giành với con, nhưng trên cả chặng đường về, sau lưng ba vẫn chỉ có con. Sau lưng ba, tóc con từ tóc tém như con trai, đến chấm vai và xoa ngang lưng, còn tóc ba từ đen nhánh đến điểm bạc, vai ba chai sần những vết hằn của cuộc sống, những nếp nhăn làm vai ba dùm dỏ lại, như cô đọng những nỗi niềm của cuộc sống long đong.

Con thấy trời xanh, thấy cánh diều, thấy niềm vui, thấy những tháng ngày của cuộc đời đi học, thấy tóc ba điểm bạc, thấy mồ hôi ba rơi ướt áo, thấy làn da ba rám nắng, nhưng con đâu thấy khuôn mặt ba cần cỗi

theo thời gian. Con đâu thấy những tia nắng chạm đến đầu, những hạt mưa không rơi rất mật, những cơn gió không luôn qua tay áo. Con đâu thấy những ổ gà mà ba luồn lách, những mảnh chất nơi môi ba; để giờ đây con mới thấy cay xè nơi khoe mũi. Sau lưng ba là... Lớn lên, con học trường huyện, ba hằng ngày đạp xe đèo con đi học khiến những con đường làng dường như ngắn lại. Tấm lưng ấy cản đi những vệt nắng, cho con mùi mồ hôi thơm nồng là nỗi nhớ trong con.

Sau lưng ba con tỉ tê đủ chuyện trường lớp, chuyện bé Bi không thuộc bài, chuyện thằng Hùng nói chuyện trong giờ học... Con cũng đã hỏi ba nhận xét về anh chàng hàng xóm. Sau lưng ba con được nghe những lời dặn dò, dạy dỗ hay những tràng cười sảng khoái khi con gái ba ngốc nghếch hỏi ba: "Sau lưng ba con thấy gì, ba biết không?" "Tại sao ba không chở ai khác?" "Tại người ta nặng hơn con gái ba hả?", ba cười.

Sau bao nhiêu năm sau lưng ba vẫn là một đứa con gái - là con. Sau lưng ba, con thấy mình vẫn còn bé dại lắm, vẫn không thấy con đường phía trước thế nào, vẫn không bị bụi bay vào mắt cay xè, vẫn không rát da bởi gió, vẫn... nhỏ bé phải không ba?

Sau lưng ba là cả thế giới của riêng con, ở nơi đó những ước mơ những hi vọng và những niềm tin trong con được nuôi lớn. Ở đó con biết nhớ nhưng một ai đó khác ngoài ba, ở đó con biết ngồi sau lưng một ai khác ngoài ba, mặc dù sau lưng ba chỉ có con.

Sau lưng ba con thấy...

Hôm nay con lại về quê tìm lại thế giới của mình, để bình yên, để trốn chạy những bon chen của cuộc sống, để trốn chạy những vấp ngã trên đường đời và... một ai đó?

Sau lưng ba là khoảng trời của riêng con! ■

## Tìm bóng hư vô!

VÕ HÀ THANH NHI

Con thềm một bát canh xưa  
 Chính tay Ngoại nấu hương mùa thơm lên  
 Cọng rau xanh ngắt ngọt mềm  
 Vị thơm hòa quyện với niềm yêu thương

Ngày dài nổi những nẻo đường  
 Nẻo đường nổi những miền trường bụi bay  
 Bụi bay vương vãi chân mây  
 Chân mây lạc mất vòng tay Ngoại rồi...

Đêm thềm ngóng tiếng lá rơi  
 Xé nghiêng cánh rụng vọng lời ru xưa  
 Bóng ai loang loáng trong mưa  
 Dừng bên hiên vắng... như vừa hư vô!

## Khúc hát lang thang

NGUYỄN THANH XUÂN

Gió hát lang thang trên lá  
 Đêm làm sâu những ngõ sâu  
 Hun hút mùi hương cỏ dại  
 Quần quanh vai áo bạc màu

Giữa khuya trở mình ngơ ngác  
 Thềm hoang đón bóng trăng rơi  
 Lũ chuột đùa chơi bãi rác  
 Chùng như rúc rích tiếng cười

Đèn đường chôn chân đứng mãi  
 Tròn mắt nhìn đũa lạc loài  
 Gió nghẹn lưng chùng tiếng nấc  
 Bóng dài như là bóng ai

Sôi đá bên lề cuộc sống  
 Lạnh mềm một cuộc sương tan  
 Đêm mang về đây khoảng trống  
 Gió hát hoài khúc lang thang...





## Ru lời mỗi mệ

PHAN THÀNH MINH

Ru lời mỗi mệ  
Từ đêm thượng cầu  
Cười xanh giấc mẹ  
Bên đời biển dâu

Ru mùa lá cỏ  
Người quên nhọc nhằn  
Thơm lời cô lục  
Từ đêm ăn năn

Tình không duyên nợ  
Cho đau muộn màng  
Đá nằm phục thể  
Trên đời hồng hoang

Ru lời mỗi mệ  
Buồn quanh nón cời  
Mẹ ngồi gom nắng  
Cho vàng sân phơi.

## Khói chiều

PHẠM THANH CHƯƠNG

Lòng vẫn tưởng trong ngày ta trở lại  
Dưới hiên xưa mẹ ngồi đợi ta về  
Đám mây cũ sau nhà bay lặng lẽ  
Cụm khói chiều quanh quán dưới trời quê

Con sông nhỏ bên đò ngày thơ ấu  
Hàng dừa cao lộng gió trước sân nhà  
Nắng vàng rưng trên cánh đồng cỏ biếc  
Bếp lửa hồng ấm lại những ngày xa

Mười năm ấy ngày ta về đã khác  
Mảnh sân rêu lá úa ngập rơi đầy  
Chỗ mẹ ngồi bao giờ ta quên được  
Dấu bụi mờ hương khói ở quanh đây

Chiều chậm chậm rơi dần ngoài đầu ngõ  
Mẹ chờ ta lặng lẽ những tháng ngày  
Giàn thiên lý mẹ trồng khi ta lớn  
Mùi hương còn thoang thoảng dưới mưa bay.

## Trở Về

CHƠN HẠNH PHÚC

Có chàng lãng tử cách quê hương,  
Lạc bước giang hồ khắp tứ phương,  
Cách mẹ ngân nga muôn dặm vắng,  
Xa cha canh cánh suốt đêm trường.

Có chàng lãng tử thích đi hoang,  
Một bóng, một mình biết mấy phen,  
Bát ngát càn khôn say sắc trắng,  
Linh đình nhật nguyệt đắm hồn vàng.

Có chàng lãng tử thích phiêu du,  
Gậy trúc, rượu đào trái mấy thu,  
Biên cả mệnh mông đời lữ khách,  
Nương dâu bát ngát phận mây mù.

Có chàng lãng tử mãi ham chơi,  
Phiêu bạt lang thang giữa bụi đời,  
Chân bước mỗi mòn nơi tịch mặc,  
Mắt trông thăm thẳm chôn mù khơi.

Có chàng lãng tử thấu đau thương,  
Chân mỗi, gối chùn, tóc lẫn sương,  
Lạc lõng thân cô trắng khuyết dạng,  
Bơ vơ bóng lẻ cõi vô thường.

Có chàng lãng tử nhớ quê hương,  
Dừng bước giang hồ thôi vấn vương,  
Nhà cũ song thân chờ hội ngộ,  
Quê xưa bằng hữu đợi phùng tương.

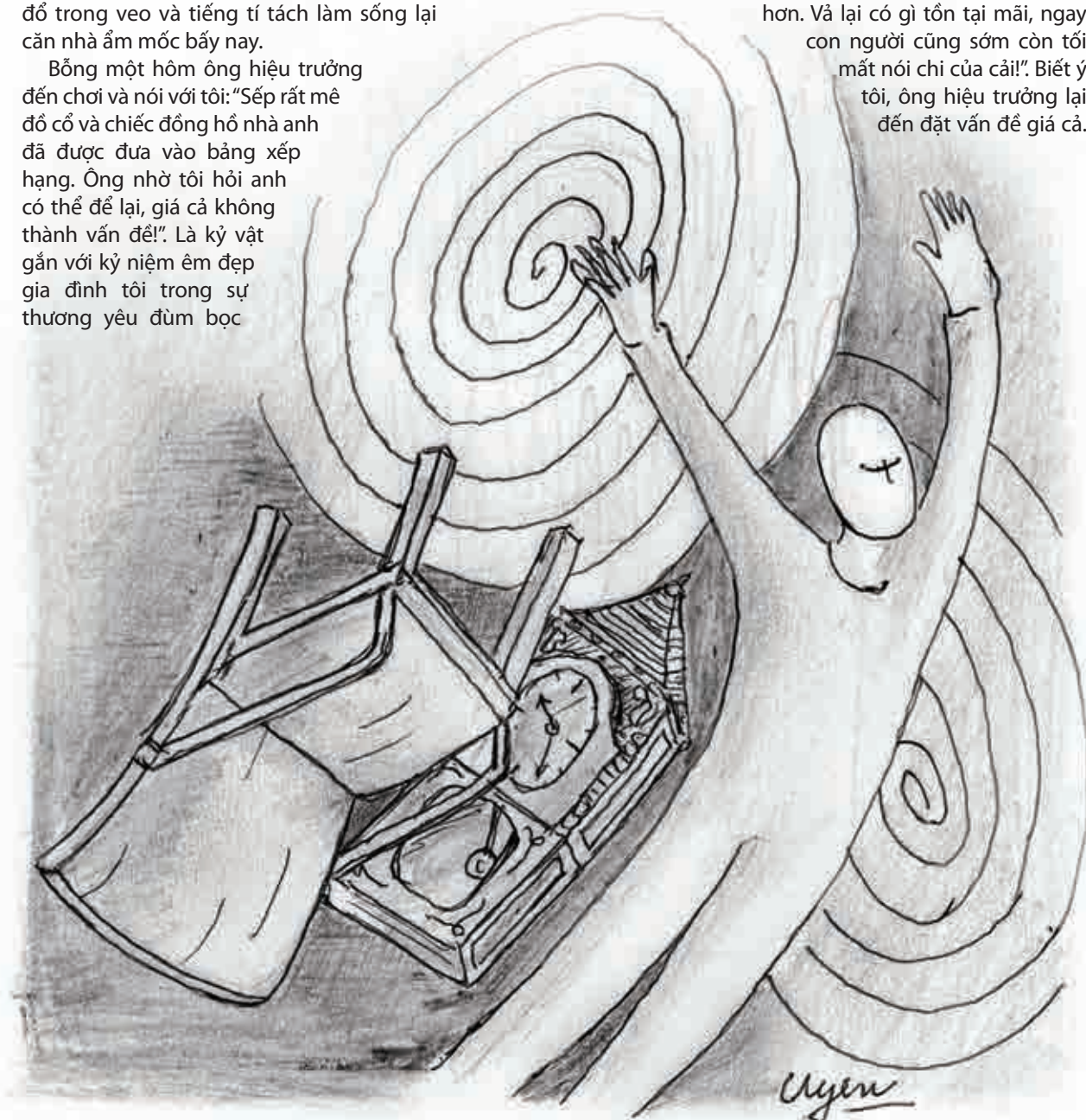
# Buông

VÕ VĂN LÂN

Chiếc đồng hồ treo tường hiệu Wesminster là vật gia bảo nhiều đời nhà tôi còn lưu giữ. Mấy năm nay được phục hồi chức năng, được treo lên tường, nó đã nhanh chóng lấy lại phong độ. Tiếng chuông điểm giờ đổ trong veo và tiếng tí tách làm sống lại căn nhà ẩm mốc bấy nay.

Bỗng một hôm ông hiệu trưởng đến chơi và nói với tôi: "Sếp rất mê đồ cổ và chiếc đồng hồ nhà anh đã được đưa vào bằng xếp hạng. Ông nhờ tôi hỏi anh có thể để lại, giá cả không thành vấn đề!". Là kỷ vật gắn với kỷ niệm êm đẹp gia đình tôi trong sự thương yêu đùm bọc

của bên ngoại nên đã có lúc dù khó khăn nhà không còn hạt gạo chúng tôi vẫn một hai quyết giữ lại! Do đó tôi thấy lúng túng không biết xử trí ra sao cho ổn! Đắn đo suy tính mãi sau cùng tôi bàn với vợ: "Mặc dù nó quý thật nhưng sự ổn định cuộc sống còn cần hơn. Và lại có gì tồn tại mãi, ngay con người cũng sớm còn tối mắt nói chi của cải!". Biết ý tôi, ông hiệu trưởng lại đến đặt vấn đề giá cả.



Tôi đáp lấp lửng: “Đối với gia đình tôi đây là kỷ vật vô giá nên nhiều người đã tự ý nêu giá cao chúng tôi một hai cũng không, nói chi định giá! Tuy thế, là người chơi đồ cổ hẳn sếp biết giá trị quá khứ...nên xin để tùy sếp!”.

Cuối cùng tôi được đề bạt chức Hiệu phó chuyên môn với lời cổ vũ: “Cố gắng phấn đấu, cơ hội tốt đang chờ!”. Con đường thăng tiến của tôi như thế sẽ êm đềm mát mái nếu không có tiếng ra tiếng vào “Anh ta mà làm quản lý?!”.

Chuyên môn đúng là hoài bão bấy nay của tôi. Nhưng chưa kịp khấp khởi mừng tôi lại thấy lo! Đầu có đơn giản; nói chuyên môn nhưng thật ra liên quan và chịu tác động từ nhiều phía. Kinh tế thị trường, chủ trương đường lối... phẩm chất việc dạy việc học làm sao vượt ra khỏi tầm ảnh hưởng. Phẩm chất đạo đức, học tập của học sinh ngày càng trên đà sa sút. Khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng, kẻ giàu có của cải không biết tiêu xài gì cho hết trong khi bao người lao động đầu tắt mặt tối lại thiếu trước hụt sau! Quan tâm đến việc học tập của con em họa chăng chỉ số ít người khá giả, đại bộ phận tất bật công ăn việc làm

khoản trắng hết cho nhà trường cũng là điều tự nhiên dễ hiểu. Năm thì mười họa có chuyện

rắc rối liên quan đến con em, họ mới tìm tới thầy cô... Mỗi ngày lại thêm một chuyện liên quan đến trường học khiến dư luận hoang mang

lo lắng...! Nhiều chủ trương biện pháp để

ra nhiều năm qua

lạ thay tình hình chẳng thấy chuyển biến.

Thầy cô giáo dạy xong về nhà, ai

nấy giữ thái độ im lặng. Tuy thế không

phải tất cả, một số ít tỏ ra nôn nóng phát biểu, đề nghị...!

Làm sao ai không

bắn khoăn, trăn trở!

Là hiệu phó chuyên môn,

tôi được phân công viết và

đọc báo cáo tổng kết năm học.

Bản báo cáo nhận định một số chủ

trương của nhà trường trong

năm học chưa đạt yêu cầu do thiếu sự

đồng tình tham gia của một số thành viên hội đồng. Nguyên nhân thì nhiều nhưng điểm chính được bản báo cáo nêu lên qua đánh giá của Ban Giám hiệu về thầy giáo Tân: “Là giáo viên có năng lực nhưng thiếu ý thức kỷ luật, có biểu hiện gây mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng tiêu cực đến phong trào thi đua nhà trường!”. Tôi vừa chấm dứt bản báo cáo, không kịp chờ chủ tọa cho phép, Tân đã đứng lên phản ứng gay gắt, vạch những sai trái, khuyết điểm của Ban Giám hiệu... nào thiếu dân chủ, vị nể, phân công phân nhiệm không hợp lý... thiếu minh bạch trong chi tiêu, sử dụng quỹ công không đúng mục đích... Tân không nêu đích danh, nhưng rõ ràng ám chỉ tôi, là hiệu phó, là người thực hiện, mặc dầu có điều gì tôi tự quyết đầu, vì đằng sau còn là chủ trương từ lãnh đạo nhà trường. Tôi thấy choáng váng trước sự tấn công không nương tay của anh ta. Khác nào gáo nước lạnh tạt vào mặt... danh dự tôi bị tổn thương. Tôi yêu cầu anh ta dừng ngay! Đã không chấp hành, trái lại, với sự ngầm đồng tình của một số thành viên hội đồng, anh ta càng sôi nổi... nêu bằng cớ, ngày giờ từng vụ việc. Không nén được nữa, tôi đập bàn ra lệnh: “Dừng ngay! Nếu không tôi buộc phải mời ông ra khỏi phòng!”. Anh ta dừng lời tỏ vẻ bình tĩnh như định ra bước ra ngoài nhưng thay vì vòng sau lưng người bên cạnh, lại bước qua chiếc bàn trước mặt tôi. Chiếc bàn nghiêng anh ta mất thăng bằng, tôi né tránh nhưng không kịp. Chiếc cùi chỏ của hắn vô tình trúng ngay đầu làm tôi loạng choạng té chúi. Ai nấy tỏ ra hết sức kinh hoàng. Mấy người ngồi gần vội đỡ tôi lên.

Tôi giận run cả người, tự ái đã làm tôi quên cả đau. Tôi cố lấy bình tĩnh, yêu cầu thư ký hội đồng lập biên bản và đề nghị mọi người ký. Ông Hiệu trưởng và cả những người vốn thân cận đều khuyên tôi bình tĩnh và hòa giải nội bộ. Danh dự và cả thân thể bị xúc phạm, tôi có thể hòa giải? Bằng mọi giá tôi quyết trả đũa đích đáng. Tôi hậm hực bước ra sân gọi anh bảo vệ chở đến bệnh viện. Sau khi khám nghiệm, bác sĩ cho biết không có dấu hiệu trầm trọng nhưng để chắc chắn vẫn phải chờ kết quả xét nghiệm CT. Tôi đề nghị được nằm viện để theo dõi; và để đạt mục đích, tôi đến nhà riêng bác sĩ. Một mặt tôi tranh thủ lãnh đạo đề nghị thi hành mức kỷ luật thích đáng đối với kẻ vô kỷ luật, cố ý xâm hại thân thể và danh dự Ban Giám hiệu... Bằng mọi giá tôi phải đánh gục, hạ sát ván tên giáo viên ngoan cố không cho ngóc đầu lên mới rửa được mối nhục. Suốt thời gian nằm viện nói là để tĩnh dưỡng, thật ra đầu óc tôi có lúc nào yên vì mãi chạy đôn chạy đáo vận động, tranh thủ hết Phòng đến Ban... quên ăn bỏ ngủ. Thế mà bao công sức của tôi đổ sông bỏ biển trước một quyết định chung chung “Để giữ đoàn kết nội bộ và bảo vệ uy tín ngành...”. Tôi và Tân mỗi người được chuyển làm giáo viên người một trường. Cơ giận của tôi như lửa trấu gặp gió tuy không có ngọn mà phừng phực. Tôi bồn chồn đứng ngồi không yên, nghi ngờ cả sự công





minh Trời Phật, điểm tựa cuối cùng tôi còn giữ được.

Tôi thật sự thất vọng, hụt hẫng như không còn biết đâu bám víu...! Bỗng một sự cố bất ngờ xảy tới làm thay đổi tất cả. Một cụ già nói là bạn đồng nghiệp cũ của ba tôi đến thăm, xin thắp hương cho ông giáo. Ông nhìn quanh. Tôi hiểu ý và giải thích là nhà chật cần chỗ để lao động và con cái học tập nên bàn thờ đã chuyển lên gác. Nói xong tôi giạt mình "Biết đâu ông đòi lên thắp hương thì không biết phải tính làm sao?". Thật ra lâu nay bạn rợn đủ thứ, chuyện hương khói tôi bỏ quên; điều sinh thời ba mẹ tôi cho là hệ trọng và nhắc con cháu không được lơ là. Sau mấy câu thăm hỏi tình hình ba tôi trước ngày ra đi, ông không còn đề cập chuyện thắp hương mà đi thẳng vào chuyện vừa xảy ra của tôi và khuyên tôi xả bỏ. Tôi ngạc nhiên sao ông biết và quan tâm, mặc dầu chuyện đó chẳng gì là bí mật khi nhiều nơi trường học quán cà phê, quán nhậu... đã là đề tài bàn cãi, mổ xẻ. Ông bảo: "Dầu sao sự việc đã rồi, có tranh phải trái, hơn thua, đúng sai thì được gì! Danh dự ư? Toan tính chỉ làm danh dự của cả hai thêm tồi tệ!". Áp sát vào tai tôi ông nói nhỏ: "Người mà anh oán giận và tìm cách trả thù cũng đang tìm đủ cách đáp trả lại như anh đang làm với hần!". Cơ giận của tôi chợt bùng lên khi nghĩ thì ra ông đến chỉ để thuyết phục tôi bỏ qua việc bị cấp dưới làm nhục. Hần có liên hệ tới ông? Tôi cố nén giận cảm ơn sự quan tâm của ông nhưng thẳng thừng đáp: "Làm thế khác nào chịu khuất phục kẻ sĩ nhục mình. Điều mà kẻ cả ông hay bất cứ ai cũng không thể!". Ông đứng lên và thật bất ngờ với cử chỉ dứt khoát đưa hai tay kéo tôi đứng lên. Tôi như chiếc lò xo bật dậy. Ông chỉ lên gác và quắc mắt nhìn tôi: "Anh nghĩ xem truyền thống gia đình. Sinh thời ông cụ, bà cụ đã sống ra sao và những gì anh đã giảng dạy...! Có phải chẳng hành động của bất cứ ai cũng xuất phát từ nhiều nhân và duyên? Anh biết chứ! Thì nên chẳng soi lại mình xem có can dự tạo ra tình huống? Nếu mọi việc xảy ra đều theo ý mỗi người và không chịu ảnh hưởng của bất cứ nguyên nhân nào khác thì mọi người ắt sung sướng và hạnh phúc biết bao! Nhân quả nghiệp báo điều anh từng giảng dạy học sinh và các em đoàn sinh. Anh còn nhớ! Cái ngã hay chút danh lợi đã làm anh vương?". Chưa kịp lấy lại bình tĩnh tôi lại bị giáng tiếp một đòn tóa hỏa "Cú đấm chưa đủ làm anh tỉnh?". Đứng lên bước ra đến sân ông còn ngoài lại và dịu giọng "Vô minh tạo sân hận chứ có ai gây mà tìm cách trả thù. Thù nào trả được mà tự mình chuốc khổ vào thân. Ai gieo gió nấy gặt bão, có gì phải bận tâm. Buông bỏ tức thì nhẹ nhàng và an vui có ngay, có phải tìm đâu xa!". Đưa ông ra đến ngõ, tôi bỗng không còn thấy ông đâu nữa!

Nhưng tôi không kịp thắc mắc vì những lời ông nói xoáy vào đầu tôi như một mệnh lệnh làm tôi nao núng. Hình ảnh ba mẹ tôi cùng bao kỷ niệm xưa bỗng dung ùa về. Và cảnh sinh hoạt Gia đình Phật tử... đã xa rồi giờ đây như cuộn phim quay chậm trước mắt. Một động cơ nào

đó thúc đẩy tôi bước vội lên gác. Bỗng đập mạnh vào mắt tôi bức màn che vẫn chình ình trước mặt mà lâu nay tôi nào thấy! Sau bàn thờ Phật là bàn thờ ba mẹ tôi, một không gian tâm linh mà sinh thời ba mẹ tôi coi trọng, một thời gian tôi vô tình bỏ quên cho đến mấy phút trước đây lại có sức lay động tôi. Bước hết bậc thang gác tôi đưa tay vén bức màn. Ánh sáng ban mai bắt chợt ùa vào làm tỏa rạng ánh hào quang từ tượng Bồ-tát Quán Thế Âm. Tôi thảng thốt như bắt gặp điều gì đó thân quen mà bấy lâu lo toan, sợ hãi đã làm khuất lấp. Lời ba mẹ tôi ngày nào giờ nghe mồn một bên tai! Nét từ bi Đức Phật đang nhìn tôi như dòng nước cam lồ mầu nhiệm dập tắt nỗi bất an, bức tức đang canh cánh lòng tôi. Lòng nhẹ hẫng như chưa từng việc gì xảy ra! Ngày hai buổi sáng tối tôi lên gác thắp hương, thành tâm sám hối việc làm sai trái và bày tỏ lòng biết ơn sâu xa Bồ-tát Quán Thế Âm. Một câu hỏi chợt lóe lên trong đầu tôi "Ông cụ là ai với hành tác lạ lùng có liên quan gì đến vụ việc này?". Một đồng vọng quá khứ hay chỉ là phóng chiếu tâm thức tôi? "Trả thù thì hận thù nối tiếp hận thù, khổ đau thêm chồng chất, chỉ có sự khoan dung biết tha thứ mới hóa giải được hận thù và đem lại an lạc". Lời ông nói không phải là không chí lý! Lịch sử nhân loại với bao cuộc chiến tranh đẫm máu và cuộc chiến chống khủng bố ngày nay đủ là minh chứng! Có lần tôi đọc được đâu đó "Lòng từ bi là một thần dược mầu mầu có thể cải đổi tâm con người từ ác ra thiện, xấu trở nên tốt, khổ đau thành an lạc". Nỗi băn khoăn của Tân cũng chính trần trở bao lâu của tôi và khổ đau chúng tôi nào khác nhau. Tôi chiêm nghiệm bài học vô giá từ hạnh bi mẫn của Bồ-tát Quán Thế Âm và thành tâm cầu nguyện Ngài phù hộ cho Tân và mọi người đủ bình tĩnh, sáng suốt trong ý nghĩ, hành động. Chỉ bởi vô minh, thiếu tỉnh thức chúng ta đã gây khổ cho nhau!

Trong buổi gặp mặt trước khi đến nhiệm sở mới, đến phiên tôi phát biểu tôi đề nghị cấp trên lưu giữ thầy Tân ở lại trường: "Là giáo viên có năng lực và nhiệt tình, việc thầy Tân ở lại trường là hợp lý và cần thiết! Sẽ trở ngại trong duy trì nề nếp nhà trường và khó khăn trong đảm bảo phẩm chất dạy và học nếu thiếu thầy Tân. Sự việc đáng tiếc xảy ra giữa chúng tôi, một phần trách nhiệm thuộc về tôi. Có thể tôi đã sai, trước tập thể tôi xin lỗi và bày tỏ lời cảm ơn đối với thầy Tân, người cho tôi cơ hội để quay lại mình. Tôi được điều đến nhiệm sở mới là phù hợp, cơ hội để tôi học tập và nâng cao chuyên môn. Không nên vì thế làm ảnh hưởng phong trào chung!". Cả hội trường bỗng im bặt! Cũng như lần trước khi tôi bị té chúi, mọi người giờ đây lại một phen "sốc" trước thái độ bất ngờ của tôi. Nhưng thay vì hướng về tôi, mọi sự chú ý đổ dồn về phía Tân, chờ đợi. Có bao giờ anh chịu yên, trong hầu hết các buổi họp chừng nào phải trái chưa ngã ngũ anh đấu tranh tới cùng. Giờ anh ngồi im lặng... đầu hơi cúi. Một sự ăn năn...? Ai đó suy đoán! ■



Ảnh: Quảng Tâm, Lưu Tuấn

# Tháng Ba trẩy hội chùa Thầy

ANH NHY

Vào ngày 25.3.2012 (mùng 4/2 năm Nhâm Thìn), Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN, Viện Nghiên cứu Tôn giáo VN, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội cùng đông đảo các chư Tăng và các nhà nghiên cứu cùng với tổ đình chùa Thầy đã tổ chức thành công Hội thảo “Chùa Thầy và chư Thánh Tổ”.

## 1. Ngôi chùa của một vị Thánh Tổ

Hội chùa Thầy hàng năm thường diễn ra từ ngày mùng 5 đến ngày mùng 7/3 âm lịch. Chùa Thầy xưa kia gọi là Thiên Phúc tự, nằm dưới chân núi Sài (Quốc Oai - Hà Tây - Hà Nội), chùa được xây dựng từ thời vua Lý Nhân Tông, lưu dấu tu hành của vị cao tăng thời Lý - Đại sư Từ Đạo Hạnh. Ngài là một nhân vật lịch sử với nhiều huyền tích được ghi danh trong các văn bản từ xa xưa như *Việt điện u linh*, *An Nam chí lược*, *Thiên uyển tập anh*, *Đại Việt sử ký toàn thư* và những bia ký khác như văn khắc trên chùa Thiên Phúc.

Vốn là một người học rất giỏi, nhưng ngài không ra làm quan mà xuất gia học đạo, cùng với hai Đại sư Không Lộ, Giác Hải tìm đường sang Ấn Độ học pháp. Có rất nhiều điểm tương đồng giữa giai đoạn đầu tiên của Đại sư Từ Đạo Hạnh và Đại Thiên giả Milapera của Tây Tạng ở điểm: Cả hai cùng xuất phát từ mối thù riêng mà đi học đạo ở Ấn Độ, trả thù xong, giác ngộ và tu tập Mật tông xuất chúng và trở thành vị thầy có nhiều môn đệ. Theo cuốn “Nguyệt Trí văn tập 4- chùa Thầy” của HT Thích Viên Thành: “Đến khi

thù cha đã trả xong, thì niềm tục lắng trong, lòng thiên rộng mở, bèn đi khắp bốn phương tham thiên vấn đạo. Lúc ngộ được tâm ấn, thiên sư trở về giảng đạo, dạy học, hái thuốc giúp dân, tổ chức cho dân những trò chơi như đá cầu, đánh vật, múa rối nước.” Do đó nhân dân cảm phục kính mến gọi Đại sư là Thầy, chùa trở thành chùa Thầy, núi cũng trở thành núi Thầy, tổng cũng gọi là tổng Thầy.

Tại khu di tích chùa Thầy vẫn còn có hang Thánh hóa, tương truyền chính nơi này, Đại sư Từ Đạo Hạnh đã hóa thân, đầu thai thành vua Lý Thần Tông. Chính ngài đã lượng trước được các tầng kiếp của mình nên đã báo với đệ tử rằng: “*Nhân xưa chưa hết, ta phải thác sinh lần nữa ở thế gian tạm là ngôi quốc vương. Sau khi hết quốc vương lại phải sinh lên làm chúa cõi trời Đạo Lợi. Trong một thời gian thân ta sẽ không bị hư hoại. Đến lúc nó hư hoại thì đó là ngày ta vào cõi Niết-bàn không còn ở trong cõi sinh diệt nữa.*”

Chính vì thế ở chùa Thượng trong quần thể chùa Thầy có cấu trúc tượng thờ rất đặc biệt: thờ Phật và thờ Thánh Tổ Từ Đạo Hạnh trong ba kiếp. Tượng Phật Di-đà Tam tôn tạc vào đời Mạc được đặt ở trên cao nhất. Phía dưới là tượng của Thánh Tổ Từ Đạo Hạnh trong kiếp Phật được tạc từ thế kỷ 19 thể hiện ngài nhập định trên tòa sen vàng từ thời Lý. Bên trái thờ tượng toàn thân Thánh Tổ trong kiếp Thánh ngồi trong một khám gỗ chạm trổ tuyệt đẹp. Khi xưa, tương truyền mỗi lần mở cửa điện thì tượng từ từ đứng dậy, khi đóng cửa, tượng lại từ từ ngồi xuống. Pho tượng Thánh Tổ trong kiếp Thánh thể hiện

ngài như vị tổ sư của ngành múa rối nước dân gian. Bên phải thờ tượng vua Lý Thần Tông (hậu thân của Thánh Tổ trong kiếp vua) đặt trên ngai vàng.

## 2. Vùng văn hóa chùa Thầy

Vào ngày 25.3.2012 (mùng 4/2 năm Nhâm Thìn), Ban VHTƯ GHPG Việt Nam, Viện Nghiên cứu Tôn giáo T.Ư, Ban Trị sự Thành hội PG Hà Nội cùng đồng đạo chư Tăng và các nhà nghiên cứu cùng với tổ đình chùa Thầy đã tổ chức thành công Hội thảo “Chùa Thầy và chư Thánh Tổ sư”.

Mở đầu là màn trình diễn hát và múa rối hầu thánh của đoàn múa rối Đầu Gỗ của đoàn rối chùa Bi, Nam Định. Tương truyền Đại sư Từ Đạo Hạnh chính là ông tổ của các trò rối nước rối cạn, những ngôi chùa gắn với sự tích về Ngài cũng là nơi phát tích nghệ thuật múa rối như chùa Bi (Nam Định), chùa Láng, chùa Thầy (Hà Nội). Và đoàn múa rối Đầu Gỗ của chùa Bi mỗi năm chỉ diễn ba đêm hội rối cát Thánh tượng vào hôm.

Tiếp theo, Hòa thượng Thích Trung Hậu đã phát biểu khai mạc hội thảo. Đại diện của các viện nghiên cứu có ông PGS.TS Nguyễn Hồng Dương phát biểu lời đề dẫn.

Sau gần một ngày tiến hành Hội thảo, chư Tăng Ni và các học giả cùng Phật tử và đồng đạo nhân dân khắp nơi đã được thưởng lãm hai màn múa rối cạn và múa rối nước. Đã có 19/50 tham luận được các tác giả trình bày trực tiếp tại Hội thảo.

Qua đó, có thể rút được một số nhận định như sau:

- Có một nền Phật giáo thời Lý đã đạt đến đỉnh cao mà chúng ta nhìn thấy qua hành trạng của Thánh Tổ Từ Đạo Hạnh. Thánh Tổ không phải chỉ là một nhà sư mà còn là một nhà khoa học, một thầy giáo, một thầy thuốc và cũng là ông tổ của nền nghệ thuật múa rối nước độc đáo của dân tộc chúng ta. Ngài chính là đỉnh cao của trí tuệ dân tộc.

- Có thể khẳng định có một vùng “văn hóa Từ Đạo Hạnh”, “văn hóa chùa Thầy” bởi từ Hà Nội tới Sơn Tây cho đến Nam Định đều thấy dấu tích của Ngài.

- Tại chùa Thầy có một sự kế thế trụ trì liên tục từ Thánh Tổ Từ Đạo Hạnh cho đến Hòa thượng Thích Viên Thành và nay là các môn đồ pháp tử của ngài. Sự liên tục này hết sức có ý nghĩa và Hội thảo chính là thành quả của nhiều thế hệ chư Tổ đã kế thế trụ trì tại ngôi chùa có tên gọi đầy dân dã nhưng cũng rất kính trọng: chùa Thầy. Từ hội thảo này mở ra những hướng sưu tầm nghiên cứu phân tích mới mẻ, sâu sắc và khoa học, gắn với sự thật lịch sử hơn để ghi nhớ tôn vinh tổ tiên, Thánh Tổ Từ Đạo Hạnh, cung cấp cho các thế hệ mai sau cơ sở giáo dục lòng yêu nước thương nòi, hiếu đương đạo pháp, cùng nhau xây dựng đất nước ngày càng to đẹp.

Cuối cùng Tiến sĩ Nguyễn Quốc Tuấn đã tổng kết hội thảo, và Thượng tọa Thích Minh Hiền đã có bài phát biểu cảm tạ kết thúc hội thảo.

## 3. Tri ân tán thán công đức HT. Thích Viên Thành

HT. Thích Viên Thành chính là người có công đức vô lượng trong việc sưu tầm, nghiên cứu các tư liệu về Đức Thánh Tổ Từ Đạo Hạnh. Công đức, công sức của ngài đã được đánh giá cao trong sự nghiệp hoàng pháp, xây dựng cho đạo pháp, cho dân tộc và môn đồ pháp tử.

Theo tham luận của HT. Thích Quảng Tùng về kỷ niệm với HT. Thích Viên Thành khi còn học tại chùa Quán Sứ năm 1976, khi đất nước mới thống nhất. Ngài đã để lại trong lòng bạn học tấm gương của một người rất thông minh, kiên trì, và ân cần chăm học, chăm đọc sách, gần gũi chan hòa với mọi người.

Trong 20 tác phẩm của HT, đợt đầu ra mắt 5 tác phẩm.

Cũng nhân dịp hội thảo và kỷ niệm đệ thập chu niên ngày HT. Thích Viên Thành viên tịch, Ban VHTƯ GHPG Việt Nam và Tùng lâm Hương Tích phối hợp ấn tống bộ sách “Nguyệt Trí văn tập”. Tác phẩm của HT. Thích Viên Thành còn rất nhiều, và sẽ được tiếp tục ấn tống. Lần xuất bản đầu tiên gồm 5 cuốn: “Nghi quỹ tu trì Mật

giáo, Lục Đạo tập, Chùa Thầy, Kỷ niệm chùa Hương, Thiền môn thi ký” tập hợp các bài viết, bài nghiên cứu cùng các tác phẩm thi ca, giáo án Mật tạng và các tác phẩm dịch kinh điển Phật giáo.

Theo Thượng tọa Thích Minh Hiền (người kế thừa TT. Thích Viên Thành - trụ trì chùa Hương đời thứ 12), “Nguyệt Trí văn tập” gồm các bản dịch Kinh tạng, Luận tạng của

Hiển giáo và Mật giáo. Kinh chú Mật giáo là một thái độ ứng xử bậc thầy về truyền pháp, về tiếp biến văn hóa, vừa chân thực với truyền thừa dòng Mật tạng vừa gần gũi với căn cơ người Việt trong không gian văn hóa bản địa. Chỉ có cách ấy, Mật giáo mới thấm vào hồn Việt làm nên sự khế nhập muôn đời...”

Về bút pháp trong tác phẩm văn chương của HT. Thích Viên Thành, theo TT. Thích Minh Hiền thì đây là một chặng ngoạn biến huyền của ngòi bút “sâu sắc, ẩn ức, tứ văn, ý thơ khi xô động, khi tĩnh lự”. Từ ngữ lúc góc cạnh, lúc dễ đọc như đồng dao đầy ắp triết lý, lúc trang trọng, thoát tục, cao vời mà lại quê mùa tao nhã. “Tác phẩm ghi lại hành cước của bậc du tăng Thích Viên Thành trong sự nghiệp hoàng pháp đầy lao khổ mà ta thấy đọc nhẹ tênh, nhắm mắt lại thấy Thầy như lên núi chơi với lão tiểu, xuống sông vui cùng ngư phủ, cứ thanh thân tùy duyên, cảnh như vẽ, người hữu tình, yêu thương tất thấy gom thu trong áng văn chương chỉ có trong tâm hồn vốn thường tịch tịch...” ■



# Cảm xúc sông Bồ

NGÀN THƯƠNG

Về Hương Vân, tôi đi dọc con sông Bồ, mang trong lòng hoài cảm của một thời thơ dại. Ở đó, tôi bắt gặp những viên đá nằm chơ vơ trên nền gạch. Thời gian mòn nhẵn, chứng tích sau bao cuộc đổi dời dâu bể. Và thật khó hình dung ra đôi bờ sông xưa, nếu không phát hiện mặt cắt lở lói của cát bồi.

Dưới tàng cây trứng cá, xưa là vườn chùa làng, bây giờ chỉ là những mảnh vỡ vôi vữa bê tông trơ những cọng sắt hoen rỉ. Một bà lão ngậm ngùi kể về cơn lũ thế kỷ năm 1999 đã tàn phá nhà cửa, ruộng vườn của người dân nằm dọc triền sông. Cái khoảng sân, có hai hàng trứng cá đang độ ra hoa chín quả là nền móng ngôi chùa thôn dân Lại Bằng không thoát khỏi ách nước cuốn. Ông cụ bây giờ xấp xỉ bát tuần, ánh mắt vẫn còn bàng hoàng vì con nước dữ. Đứa con gái thuở nào bé tí, giờ đã là cô chủ quán cà phê, tay bế tay bồng. Chỉ mới về hai hôm, quán cà phê Hương Bưởi đã không hấp dẫn, dẫu nơi đây vườn thanh trà sai trái cùng tiếng ngọc ngân. Có một buổi chiều tình cờ đi ngang, chợt nghe giọng nói ấm trầm từ trong ngôi nhà nhỏ vọng ra, rồi một thiếu nữ xuất hiện với nụ cười tươi thắm. Những chiếc bàn ghế nhựa kê trên nền đất vàng ươm, bên những cây trứng cá điểm trang chút nắng mai. Tôi và bạn bè ngồi nhâm nhi cà phê. Quán không có tên song hình như có chị bồng ngồi lên trong tôi những sáng tinh khôi đầm thắm, bình yên.

Đêm, bên dòng sông Bồ, gió ngàn về, xua ngọn gió nam nồm để trả lại về hoang sơ. Tôi mượn viên đá phẳng làm bàn. Trong màn đêm mông lung, hiu quạnh, ngọn đèn cây

lắt lay theo gió. Từng mái đầu chụm lại, hát cho nhau nghe những tình khúc, mát lịm gió ngàn cùng với mây bay.

Sông Bồ - một bên thì xôn xao, một bên thì yên tĩnh. Con nước thỉnh thoảng lại nhờ nhờ vết dầu loang, mắc cạn vào từng nhánh rong rêu. Trên kia, nhà máy Luks đang vận hành nhả khói, kéo theo từng vòm mây bụi gây ô nhiễm môi trường cả một vùng bán sơn địa rộng lớn.

Sông Bồ mang ký ức tôi với miền quê ngoại. Nơi ấy, những bến sông êm đềm tắm mát, thả diều. Giờ bên sông thưa vắng, bến xưa thành nơi bán cát khắp miền. Bờ đã bị thiên nhiên xâm thực, xé thành những con đường nhỏ vô cảm. Tôi tìm yên bình trong mát mát, đau thương. Gặp mùa gió Nam, cứ thổi rất mặt triền sông; nơi miền nắng gió, thời tiết đã tác động đến đời sống, người dân đang gặp nhiều khó khăn. Từ khí hậu rét đậm, rét hại kéo dài, giờ lại đến nắng nóng gay gắt. Nhìn cây thanh trà, những vườn quê bên sông Bồ, sự kỳ vọng nguồn đặc sản nổi tiếng lâu đời, từng được tôn vinh là hương vị tuyệt hảo của đất Thần kinh do triều đình nhà Nguyễn ban tặng mọng nước, trái cây giờ khô hơn, da sần sùi, phát triển chậm. Thay vào đó, những vườn chuối ngăn ngày nhưng kinh tế hơn và ít nhiễm bệnh...

Mỗi cuộc đời là mỗi số phận, mỗi nơi chốn cũng như đời người. Sông Bồ chảy vào tâm thức người những vui, buồn, sự lỡ bời, là lẽ tất nhiên mà sông nào cũng có.

Từ góc khuất bên bến sông, tôi cảm nhận dòng sông vẫn nồng nàn, bởi con sông thời gian vẫn hồi động âm thừa... ■



# Thương quá chùa quê

TÔ PHỤC HƯNG

Tôi xa quê trên bốn mươi năm. Do bận nhiều việc nên ít về chốn cũ. Mà có về cũng vội vã quay lại thành phố. Nhân dịp về quê lấy cốt người thân, tôi mới có dịp sống lại kỷ niệm tuổi thơ, với bạn bè tóc đã hoa râm.

Thanh Phú – Bến Tre quê tôi giờ đã khác xưa nhiều quá. Nhà cửa khang trang, đường phố to rộng, phương tiện lưu thông đông đúc, nhà hàng khách sạn khá nhiều. Vậy mà có một nơi không mới, đó là chùa Phật chỉ cách thị trấn vài trăm mét, vẫn mái ngói rêu phong cũ kỹ, vẫn tiếng chuông chùa trầm mặc sớm chiều ngân nga siêu thoát dưới hàng cây sao, cây dương cổ kính hàng trăm tuổi.

Tuổi thơ chúng tôi gắn bó với chùa như chính ngôi nhà của mình. Vui lắm khi xúm xít sau chánh điện để làm điều muôn màu, muôn vẻ rồi chạy ù ra bãi đất trống sau chùa thả diều bay cao trong gió lộng. Nhóm khác thì đánh đáo, bắn cu li, nhảy lò cò dưới bóng mát hàng cây. Nhóm thì tụ tập học thêm bài dưới sự chỉ dẫn của các nhà sư và các chú tiểu lớn hơn chúng tôi vài tuổi. Có đôi thì cứ ra sau bếp xin cơm chay mà dùng. Chúng tôi thì thường hay núp sau các cây cột chùa to dùng nhãn bóng để xem các sư cụ tụng kinh hàng giờ hay tần mẩn nhìn ngắm những bức tượng tranh vẽ hình ảnh Đức Phật uy nghi nơi chính điện và nhiều bức tranh viết đầy chữ Hán.

Ở chùa này xưa kia không hiểu sao có rất nhiều chú tiểu ăn mặc giản dị, nói năng lễ độ, đi đứng khoan thai rất lạ làm chúng tôi phục sát đất. Có cả sư cô thường kể cho chúng tôi nghe nhiều câu chuyện về lòng nhân ái của Đức Phật từ bi, về kiếp luân hồi, về chuyện gieo gió

gặp bão, về lòng hiếu thảo thông qua các truyện *Tám Cám, Thạch Sanh – Lý Thông, Mục Liên – Thanh Đề...* làm chúng tôi nhớ mãi cho đến hôm nay. Rất lạ. Nơi nghỉ ngơi của sư ông, sư cô và các chú tiểu đặc biệt ngăn nắp, giản đơn thơm thơm mùi nhang khói.

Ngày lễ Tết, ngày lễ Phật đản thì ngôi chùa này chật cứng người đến cúng bái, khói nhang cay cả mắt, lễ vật chất đầy các điện. Xong lễ mọi người xuống phía sau dùng bữa cơm chay đạm bạc nhưng ấm cúng tình người trong tiếng chuông thông thả êm êm.

Chiều nay tôi đến chùa quê xưa để thắp nén hương nhớ về nguồn cội. Cảnh cũ nhưng người đã khác rồi. Hàng sao nay đã cằn cỗi suy kiệt đến nao lòng. Đây, cái sân đất để lũ trẻ bầy ba năm xưa bắn bi, đánh đáo vẫn còn nguyên vẹn. Đây, những pho tượng Phật sáng ngời nhân đức với thế gian. Nghe nói hòa thượng trụ trì xưa viên tịch khá lâu. Không còn thấy sư cô kể chuyện năm nào. Vẫn mái ngói âm dương, vẫn sân chùa đỏ au lót bằng gạch Tàu, vẫn tiếng chuông chùa cổ trầm mặc suy ngẫm việc đời, việc đạo.

Tôi thấy mình chợt bé nhỏ vô cùng trước không gian trầm mặc uy linh của ngôi chùa cổ kính. Chợt nghĩ trong bộn bề cuộc sống hôm nay, người ta đua nhau làm giàu, đua nhau xây nhà cao tầng, nhà hàng, khách sạn ngất trời, chi những khoản tiền khổng lồ cho những thú vui xa xỉ... Hình như họ đã quên rằng ở bất cứ đâu trên đất nước này vẫn có bóng dáng và linh hồn những ngôi chùa xưa đang tồn tại, đã và đang trở thành những chứng nhân của lịch sử cuộc đời.

Thương quá chùa quê. ■

# Lời cảm ơn cuộc sống

**T**háng Tư năm 2009, vợ chồng tôi, đều là công chức, cùng lúc có quyết định chuyển công tác từ huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên-Huế về nhận nhiệm vụ mới tại thành phố Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam. Lúc đó, con gái đầu lòng của chúng tôi đang học lớp Năm và chỉ còn vài tháng nữa thì kết thúc năm học. Nếu cho cháu cùng vào Tam Kỳ với vợ chồng tôi thì việc học của cháu thế nào cũng bị ảnh hưởng; mặt khác, chúng tôi còn sợ rằng cháu vốn quen nghe và nói giọng Huế, đến xứ Quảng, tuy là quê gốc của cha mẹ, cháu sẽ gặp trở ngại trong giao tiếp và học tập. Nếu cháu ở lại Nam Đông Thừa Thiên học hết lớp năm rồi hãy về Tam Kỳ thì vừa không trở ngại cho việc học, cháu lại có được vài tháng mùa hè làm quen với giọng xứ Quảng. Nhưng làm sao cháu có thể ở lại Nam Đông khi bố mẹ cháu là chúng tôi đã rời đây về Tam Kỳ? Vợ chồng tôi cứ bàn tới tính lui mà chưa có giải pháp. May thay, hiểu được nỗi lòng của vợ chồng tôi, chị Thành, người hàng xóm thân thiết và cũng là cô giáo của con tôi, bàn với vợ chồng tôi cứ để cho con bé sang ở với gia đình chị cho đến khi cháu học hết lớp 5. Ban đầu vợ chồng tôi cũng băn khoăn, nhưng trước sự chân thành của chị Thành, chúng tôi phần nào yên tâm chuyển công tác. Con bé ở lại nhà chị Thành, được chị chăm sóc tận tình. Hai vợ chồng chị đều là giáo viên, con cái đã lớn và đi học xa nhà nên chị có phần “rảnh tay” chăm sóc con bé nhà tôi chẳng khác con ruột. Thình thoảng vợ chồng chúng tôi ra thăm cháu. Năm học ấy cháu tiếp tục là học sinh giỏi. Hết năm học ấy, vợ chồng chúng tôi đón cháu về Quảng Nam. Mỗi ngày qua đi, nhìn con lớn khôn và miệt mài học hành chăm chỉ, tôi luôn thầm nhớ chị Thành với lòng biết ơn. Cháu cũng biết nghĩ và xem chị như người mẹ thứ hai, người đã giúp vợ chồng tôi bảo ban, dạy dỗ, chăm sóc cháu trong lúc chúng tôi không thể gần gũi cháu được. Tôi thầm cảm ơn cuộc sống đã luôn có những người sẵn một tấm lòng.

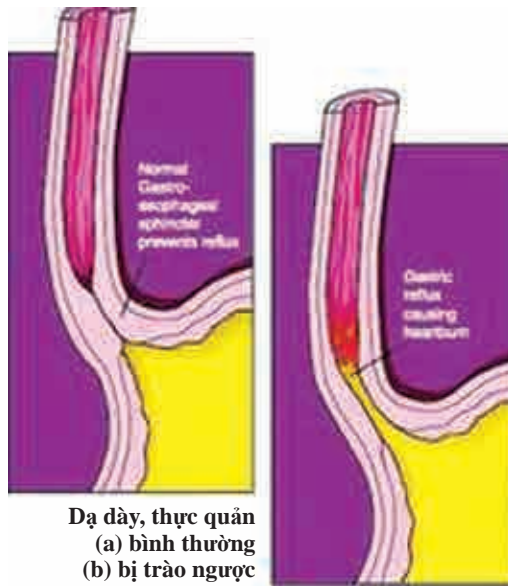
**Nguyễn Thị Thảo Nguyên, Tam Kỳ, Quảng Nam**

**N**ăm đầu từ Thái Nguyên vào Sài Gòn học đại học, tôi đến trọ tại một căn nhà ở đường Nguyễn Trãi quận 1. Chủ nhà là một cô giáo dạy môn hóa cấp trung học cơ sở, nghe nói có chồng là sĩ quan công an nhưng tôi chưa gặp chủ ấy bao giờ; cô chủ có một người con gái năm ấy cũng đã học lớp 10. Cùng ở trọ với tôi có 5 người nữa, đều là nữ sinh viên. Tất cả đều phải chấp nhận những quy định khá khắt khe của cô, bù lại đều được cô quan tâm giúp đỡ. Biết tôi học Sư phạm Hóa cùng ngành, cô cho tôi mượn nhiều giáo trình cũ có giá trị. Năm ấy trang trại chè của bố mẹ tôi bị thất thu, có lúc không kịp gửi tiền vào cho tôi, cô chẳng những không thúc tiền trọ mà còn giới thiệu cho tôi chỗ dạy kèm. Năm sau, xin được một suất ở ký túc xá, tôi dọn sang bên đường Lạc Long Quân quận 11. Tôi lao vào học tập và dạy kèm kiếm tiền. Kết quả là tôi ra trường đúng niên hạn với nhận xét tốt, và may mắn tìm được chân dạy học ở một trường dân lập. Tôi có nhớ đến cô nhưng cứ để công việc lời cuốn, suốt nhiều năm liền tôi không hề nghĩ tới việc đến thăm cô. dịp giỗ Tổ Hùng Vương vừa rồi, có việc đi qua quận 1, tôi tìm vào dãy nhà trọ ngày xưa. Chỉ mới vài năm, nơi này đã thay đổi tới mức tôi không nhận ra. Hỏi thăm, nhiều người chung quanh còn không biết khu ấy lúc trước có một dãy nhà trọ. Cô Xuyên ơi, con đi tìm cô mà không gặp, chẳng biết bây giờ cô ở nơi nào? Con vẫn biết ơn về sự giúp đỡ của cô đối với con. Xin cô nhận ở con một lời cảm ơn muộn. Và con vẫn hy vọng sẽ có ngày được gặp lại cô.

**Đoàn Lê Thu Thủy, quận Tân Phú, TP.HCM**

# Trào ngược dạ dày thực quản

Bình thường thì khi ta nuốt, thức ăn theo thực quản đi xuống dạ dày và sau khi dạ dày hoàn thành nhiệm vụ của mình thì thức ăn tiếp tục đi xuống ruột non và các phần tiếp theo của hệ tiêu hóa. Trong bệnh trào ngược thực quản dạ dày, thức ăn cùng với các chất dịch tiêu hóa trong dạ dày trào ngược lên thực quản, gây ra các triệu chứng khó chịu cho bệnh nhân và lâu ngày sẽ gây ra các biến chứng.



Dạ dày, thực quản  
(a) bình thường  
(b) bị trào ngược

## Nguyên nhân

Hai nhóm nguyên nhân chính của bệnh là: Nguyên nhân tại dạ dày (hẹp môn vị, tăng tiết acid, khi áp lực ở dạ dày tăng lên...) và nguyên nhân do cơ vòng thực quản bị yếu. Ngoài ra, bất thường của cơ hoành như trong thoát vị lồng ngực cũng gây trào ngược thực quản dạ dày.

## Biến chứng

Thực tế trong cuộc sống, không mấy ai mà không bị một vài lần trào ngược dạ dày thực quản, ví dụ sau một bữa ăn quá no lại đi nằm ngay. Nếu hiện tượng đó chỉ là một đôi lần hoặc trong một giai đoạn nhất định (như khi có thai), thì thường không coi là bệnh và không gây ra biến chứng gì cũng như không cần điều trị gì. Tuy nhiên ở một số người, số lần trào ngược nhiều, số lượng trào ngược lớn nên gây khó chịu và có thể dẫn đến biến chứng, đòi hỏi phải điều trị. Các biến chứng của trào ngược là:

- Viêm thực quản: do thực quản bị tổn thương bởi dịch dạ dày trào lên. Viêm có thể từ mức độ nhẹ đến nặng và có nguy cơ ung thư.
- Loét thực quản: Phát hiện nhờ nội soi và thường tổn thương khó lành.
- Hẹp thực quản: xảy ra khi có xơ hóa do viêm lâu ngày làm hẹp lòng thực quản. Hẹp thực quản xảy ra ở vào khoảng 10% các trường hợp viêm thực quản trào ngược.
- Loạn sản Barrett: Là một dạng tổn thương tế bào học của biểu mô thực quản gây nên bởi viêm thực quản do trào ngược. Khoảng 3 - 5% loạn sản Barrett chuyển thành ung thư thực quản.

## Triệu chứng

- Triệu chứng chính là cảm giác nóng sau xương ức (ợ nóng), thường xảy ra từng lúc do các chất trong dạ dày có chứa acid trào lên thực quản gây viêm thực quản. Một số người có cảm giác đau sau xương ức, dễ nhầm với đau ngực do bệnh mạch vành.
- Khó nuốt, thường xuất hiện sau nhiều năm bị ợ nóng, do thực quản bị hẹp sau nhiều năm bị trào ngược. Tuy nhiên cũng có 1/3 số bệnh nhân không bị ợ nóng mà đến khám ở giai đoạn hẹp thực quản với triệu chứng khó nuốt. Cần chú ý triệu chứng khó nuốt nếu tiến triển nhanh và kèm theo sút cân thì có thể là dấu hiệu của ung thư thực quản.
- Nôn ra máu, đi ngoài phân đen do chảy máu ổ loét thực quản là những triệu chứng hiếm gặp.
- Một số bệnh nhân bị trào ngược nhiều, dịch dạ dày lên tận thanh quản và miệng có thể gây triệu chứng nói khàn buổi sáng (do viêm thanh quản), ho kéo dài (do hít dịch dạ dày vào phổi). Nhiều lần hít dịch dạ dày vào phổi có thể gây xơ phổi hoặc hen phế quản.

## Điều trị

- Mục đích của điều trị là làm giảm sự trào ngược, hạn chế các biến chứng của trào ngược, làm các chất trào ngược lên nhanh chóng ra khỏi thực quản và bảo vệ niêm mạc thực quản. Để thực hiện mục đích này cần phối hợp dùng thuốc với các biện pháp khác.

Đề thực hiện mục đích này cần phối hợp dùng thuốc với các biện pháp khác.

- Đối với trào ngược không có biến chứng, thường chỉ cần giảm cân, nằm ngủ có gối đầu cao hơn giường khoảng 15 cm và tránh các yếu tố làm tăng áp lực trong dạ dày. Bệnh nhân nên bỏ thuốc lá (thuốc lá được coi là làm giảm trương lực cơ vòng thực quản), tránh ăn các chất béo, cà phê, chocolate, tránh uống rượu, nước cam, tránh dùng một số thuốc (thuốc kháng cholinergic, thuốc ức chế canxi và các thuốc giãn cơ trơn khác). Nên tránh uống nhiều nước cùng với bữa ăn. Nếu không đỡ, có thể dùng thêm thuốc ức chế H2 như cimetidine, ranitidin, famotidine...

- Trong những trường hợp nặng, ngoài việc tuân thủ triệt để các biện pháp nêu trên, dùng thuốc kháng H2 liều cao hơn. Nếu bệnh chưa đỡ, dùng thêm metoclopramid 10mg, uống 30 phút trước khi ăn và trước khi đi ngủ, để tăng trương lực cơ vòng thực quản, đẩy thức ăn nhanh chóng từ dạ dày xuống ruột. Các thuốc ức chế bơm proton như omeprazole là thuốc rất có hiệu quả trong việc làm lành vết loét thực quản do trào ngược. Trong điều trị viêm thực quản do trào ngược, thường đòi hỏi phải điều trị lâu (từ 3 đến 6 tháng) để phòng tái phát. Những bệnh nhân có viêm thực quản Barrett nên điều trị tích cực hơn.

- Bệnh nhân bị biến chứng chít hẹp thực quản có thể dùng thuốc giãn cơ và điều trị trào ngược tích cực. Có thể phối hợp với nong cơ vòng thực quản có bóng qua nội soi, là phương pháp tốt giúp cho bệnh nhân ăn được dễ dàng hơn.

- Biến chứng chảy máu do loét thực quản ít khi nặng, thường không cần phải can thiệp phẫu thuật.

- Bệnh nhân có loạn sản ruột khi sinh thiết thực quản cần phải theo dõi bằng nội soi định kỳ mỗi 1 đến 2 năm có sinh thiết để phát hiện ung thư sớm.

- Điều trị phẫu thuật dành cho những trường hợp kháng trị và có biến chứng mặc dù đã điều trị tích cực trong một thời gian dài. Nguyên tắc của phẫu thuật là nhằm "gĩa cổ" cơ vòng thực quản bằng cách lấy dây dạ dày bao quanh cơ vòng thực quản. Ngày nay phẫu thuật này có thể thực hiện qua nội soi.

BS. Vũ Đình Huy - SKDS

Tham gia chuyên đề: Nguyễn Bồng, Huỳnh Văn Lộc, Nguyễn Vinh và

**CÔNG TY MUỐI THÁI LONG VINA**

79/3 Phan Văn Trị, phường 14, Q.Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT: 08.3516 3286, DĐ: 09038 24480 – Fax: 08.6294 29936



Nuôi lớn mầm yêu thương  
Nourish compassion

# ĐÃ DỜI VỀ ĐỊA CHỈ MỚI



Số 290/21A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM - Bên cạnh Thiên Viện Quảng Đức (VP2)  
Tel: (08) 3848 3399 - Website: [www.vietchay.vn](http://www.vietchay.vn)

## Thân Nhẹ Tâm An Miệng Mỉm Cười



Thuần khiết không gian Việt Chay, vẫn một phong cách truyền thống rất riêng...



Đời qua chỗ mới, tiết kiệm được chi phí mặt bằng nên giá rẻ hơn 35% (so với giá cũ)



Có chỗ để xe ô tô và xe máy thuận tiện...

**GIỜ MỞ CỬA: Từ 7h00 đến 22h00**

Việt Chay xin được tận tâm phục vụ quý khách và quý vị Phật tử đi chùa Vĩnh Nghiêm, Thiên Viện Quảng Đức... và các chùa trong khu vực.





# Đón mừng Đại lễ Phật đản LỄ 30/4 & 1/5 Ngọc Bích Nephrite giảm 50%



○ Đón mừng Đại lễ Phật đản và lễ 30/4 & 1/5, Cửa hàng Ngọc Bích-Nephrite giảm giá 50% trên tất cả các sản phẩm cho Quý khách hàng từ 21/04 đến hết ngày 1/6.

○ Ngọc bích là một trong hai loại đá quý, ngọc bích Nephrite và ngọc bích Jadeite. Ngọc bích đẹp nhất từ mỗi vụ khai thác tại Canada được tuyển lựa để làm nữ trang và điêu khắc được tạo ra bởi một số điêu khắc gia ngọc bích bậc thầy của thế giới. Ngọc bích khác thì được lựa chọn để làm sản phẩm lưu niệm và đồ sưu tập.

○ Đến với cửa hàng “Ngọc Bích-Nephrite” của chúng tôi quý khách có thể an tâm về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ.



☐ Mọi chi tiết xin liên hệ:

- ❖ 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, quận 3, TP HCM. ĐT: (08) 54043752 - 0121.6855616
- ❖ B10 Trường Sơn, Cư Xá Bắc Hải, P.15, quận 10, TP HCM. ĐT: (08) 39700354
- ❖ Hotline: 0918191099. Email: sales@ngocbich-nephrite.com. Website: <http://www.ngocbich-nephrite.com>

## THÔNG BÁO

☐ Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số đặc biệt 152, mừng Đại lễ Phật đản phát hành ngày 27-4-2012 với hình thức trang nhã, nội dung phong phú, 68 trang in 4 màu toàn bộ trên giấy couche (láng)

☐ Trân trọng kính mời quý doanh nghiệp, công ty, cửa hàng, nhà hàng chay, tiệm cơm chay... tham gia đăng quảng cáo và viết bài (PR) giới thiệu sản phẩm và hoạt động kinh doanh của đơn vị

Giá đăng quảng cáo:

- Bìa 2: Khách đăng dài hạn
- Bìa 3: 8.000.000đ
- Bìa 4: 12.000.000đ
- Trang ruột nguyên trang: 4.000.000đ - 1/2 trang: 2.000.000đ - ¼ trang: 1.000.000đ - 1/8 trang: 500.000đ.

**Hạn chót nhận bài và file ngày 20-4-2012**

☐ Vui lòng liên hệ với cô Thu Sương, Trưởng phòng Quảng cáo, ĐT: 0918032040 hoặc anh Nguyễn Bồng, Phụ trách Trị sự, ĐT: 0913810082 để được hướng dẫn và tạo điều kiện.

**Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

## Khu ẩm thực chay sân vườn Thiên Ý

- ☐ Phục vụ các món ăn thuần chay ngon lạ, hấp dẫn
- ☐ Thú Bày & Chủ nhật hàng tuần có món bánh xèo rau rừng, bánh canh Trảng Bàng
- ☐ Buffet ngày Rằm và Mừng Một hàng tháng từ 10 giờ sáng đến 22 giờ

**Đặc biệt có chương trình hòa tấu nhạc cụ dân tộc (từ 18h – 21h)**

**Nhận đặt tiệc**

- Liên hoan – Sinh nhật – Hội nghị và phục vụ đón tận nơi theo yêu cầu
- Sân vườn thoáng mát, phong cảnh đẹp, không khí thiên nhiên trong lành, thanh tịnh

**Diện tích lớn, bãi đậu xe ô tô thuận tiện tổ chức các buổi hội nghị lớn**

### PHÒNG PHÁT HÀNH VHP PHẬT GIÁO HƯƠNG SEN

- ❖ Phục vụ các ấn phẩm Phật giáo: Kinh sách, băng đĩa, pháp phục, vật dụng thờ cúng, tranh tượng Phật, v.v.
- ❖ Đặc biệt: **TRANG SỨC TÂM LINH** (trang sức vàng bạc có khắc câu thần chú của Bồ-tát Quán Thế Âm Om Mani Padme Hum)

**36 Trần Quý Cáp, P.11, Q. Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT: 08.3516.7475 - 0913916036**

## THÔNG BÁO

### THAM DỰ KHÓA THIÊN VIPASSANĀ QUỐC TẾ TỨ NIỆM XỨ PA AUK – MYANMAR NĂM 2012

Được sự chấp thuận của Ban Tôn giáo Chính phủ, thiền viện Nguyên Thủy sẽ tổ chức Khóa Thiên Vipassanā Quốc tế "Tứ niệm xứ - Pa Auk năm 2012", do Thiền sư ASHIN AG-GANNA, Thiền sư U TEJINDA, quốc tịch Myanmar hướng dẫn, khai mở khóa thiền kể từ ngày 07-5-2012 đến 04-8-2012, gồm 6 khóa Thiền, mỗi khóa Thiền là 10 ngày:

**Khóa 1: từ ngày 07-5-2012 đến ngày 16-5-2012**

**Khóa 4: từ ngày 24-6-2012 đến ngày 03-7-2012**

**Khóa 2: từ ngày 23-5-2012 đến ngày 01-6-2012**

**Khóa 5: từ ngày 10-7-2012 đến ngày 19-7-2012**

**Khóa 3: từ ngày 08-6-2012 đến ngày 17-6-2012**

**Khóa 6: từ ngày 26-7-2012 đến ngày 04-8-2012**

Kính mời chư Tăng Ni, Phật tử và các hành giả đăng ký tham dự các khóa tu Thiền kể từ ngày ra thông báo này với Ban Tổ chức thiền viện NGUYỄN THỦY, số 33A, đường 10, khu phố 1, P.Cát Lái, Q.2, TP.HCM. ĐT: (08) 3742.0214 – 0902.533.086 - 0909.832.842

**BAN TỔ CHỨC THIÊN VIỆN NGUYỄN THỦY**  
Thượng tọa **PHÁP CHẤT**

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

## TÂM THUẬN

Kinh, sách, văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật Giáo  
Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...  
Pháp cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...  
Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

**Giao hàng tận nơi (08) 22477809**

Đ/C: 82/110 Ly Chinh Thang, P.8, Q.3, TP.HCM  
Điện thoại: (08) 22477809 - ĐD: 0902 40 47 48



QUÁN CHAY



*Nơi thường thức ẩm thực chay  
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần*

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM  
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com  
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579

## HIỆU SÁCH NGỌC LINH

Số 380/3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (08) 3843 5550 – 0908 348 697 – 090 373 6262  
Email: hngoclinh@yahoo.com

**Chuyên phát hành sỉ & lẻ:**

- KINH SÁCH PHẬT GIÁO, SÁCH NGHIÊN CỨU
- BÁO CHÍ PHẬT GIÁO, TRANH TƯỢNG PHẬT
- CÁC MẶT HÀNG VĂN HOÁ PHẨM PHẬT GIÁO
- QUÀ TẶNG, HÀNG LƯU NIỆM, MÁY NIỆM PHẬT
- PHÁP PHỤC PHẬT GIÁO

**Chi nhánh tại Tiền Giang:**

Địa chỉ: 89B Ấp Bắc, phường 4, Mỹ Tho  
ĐT: (073) 3877794 – 0908 766 441  
Email: hoatamngoclinh@yahoo.com

## Neosign ĐẠI CAO THỂ HÀO QUANG "PHẬT"

*Chuyên Sản Xuất & Thi Công*

**ĐÈN HÀO QUANG PHẬT**

*Không Ngại Làm Xa*

ĐC: 543 TÔ NGỌC VÂN - P. TAM PHỦ - Q. THỦ ĐỨC - TP. HCM  
**ĐT: 08 2240 2812 - ĐD: 090 88 77 912**



Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm  
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

**Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM  
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506  
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn  
Website: www.quangnghecandle.com

## PHƯỚC LONG CỔ TỰ KÍNH BÁO

Nhằm tạo thuận lợi trong việc tiếp nhận tịnh tài cúng dường trùng tu chánh điện CHÙA PHƯỚC LONG.

Kính xin quý Chư Tăng Ni, Phật tử và các vị mạnh thường quân gửi về theo đường bưu điện: Thầy Thích Nhuận Phát, trụ trì chùa Phước Long, (ĐT: 0935443956) thôn Phước Lý, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa hoặc (thể danh) Phan Đình Huy, Tài khoản: 0061001014138 Ngân hàng Vietcombank, phòng giao dịch số 8 Nguyễn Ngọc Oanh, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

## CƠ SỞ ĐỨC ĐỒNG NGUYỄN VĂN SỞ

**Do nghệ nhân Nguyễn Văn Phương**

Chuyên nhận đúc đồng với chất lượng cao, kiểu dáng đẹp: Tượng Phật, đại hồng chuông, chuông gia trì, tượng phù điêu cùng các mặt hàng mỹ nghệ...

Liên hệ địa chỉ: 15 khu vực 4, kiệt 257 Bùi Thị Xuân, Phường Thủy Xuân, TP.Huế

ĐT: 05433845143-0945717935

Đang phát hành

# VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

QUANG CÁO



Đóng bộ **Tập 2** năm 2011, từ số 132 đến số 143

Giá: **210.000đ/cuốn**

**Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại các bộ toàn tập (tập 1 + tập 2)**

2008 (2 tập): 340.000VNĐ

2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ

2011 (2 tập): 420.000VNĐ

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ : Tòa soạn Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Đón đọc

# VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

SỐ 152

Số đặc biệt mừng Đại lễ Phật đản  
Phát hành ngày 1 - 5 - 2012

## CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

### HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân  
74 Quán Sứ, Hà Nội  
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1  
Chuyên viên Phòng Tổng hợp  
Trường Đại học Kiến trúc  
Km 10, đường Nguyễn Trãi,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội  
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân  
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2  
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,  
Hà Đông - Hà Nội  
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân  
ĐT: 0938 071 188

### QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước  
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm  
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB  
ĐT: 0917 703 325

### THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý  
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức  
182 Phan Bội Châu, TP. Huế  
ĐT: 0905 168 411

### ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,  
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,  
chùa Phổ Đà  
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm  
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)  
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã  
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 05113565021  
(Chị Ty)

### QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành  
Văn hóa phẩm Phật giáo  
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi  
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211  
(chị Linh)

### BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng  
Phòng phát hành Hiến Nam  
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn  
ĐT: 0935 272 261

### Anh Hùng

Thư quán chùa Long Khánh  
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn  
ĐT: 0987 219 374

### KHÁNH HÒA

Chị Hương,  
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn  
số 20 đường 23 tháng 10,  
TP. Nha Trang  
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

### NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,  
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,  
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

### DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huấn,  
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,  
TP. Buôn Ma Thuột  
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

### LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ  
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt  
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ  
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc  
ĐT: 0169 8287 177  
(Cô Hương)

### BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang  
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu  
Bà Rịa-Vũng Tàu  
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên  
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,  
Bà Rịa Vũng Tàu  
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

### SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu  
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng  
ĐT: 0907 465 073

### CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành  
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,  
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,  
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,  
TP. Cần Thơ  
ĐT: 0918800707 - 07103827685

### TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm  
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,  
TP. Mỹ Tho  
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt  
TP. Mỹ Tho  
ĐT: 0733.877.054

### VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường  
135B đường 2 tháng 9, P.1  
thị xã Vĩnh Long  
ĐT: 070.834.653 - 070.834.654  
(Chú Tư Nở)

### TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3  
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách  
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 17.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG